

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ THỊ THU HƯỜNG

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA
ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH TRONG BỐI CẢNH
CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ THỊ THU HƯỜNG

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA
ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH TRONG BỐI CẢNH
CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC
Mã số: 9310201

Chủ tịch Hội đồng

Người hướng dẫn khoa học



PGS.TS. HOÀNG PHÚC LÂM

GS.TSKH. PHAN XUÂN SƠN

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, trích dẫn nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized cursive letters, likely representing the author's name.

Lê Thị Thu Hương

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	8
1.1. Các công trình liên quan đến phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số.....	8
1.2. Các công trình nghiên cứu về phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản trong bối cảnh chuyển đổi số	18
1.3. Khái quát kết quả chủ yếu các công trình đã công bố liên quan đến luận án và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu.....	29
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ	34
2.1. Những vấn đề chung về Đảng bộ tỉnh và năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh	34
2.2. Chuyển đổi số và yêu cầu đối với năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh.....	50
2.3. Khái niệm, nội dung và tiêu chí đánh giá phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số.....	63
Chương 3: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY	91
3.1. Khái quát về Đảng bộ tỉnh Ninh Bình và quá trình chuyển đổi số tại tỉnh Ninh Bình	91
3.2. Thực trạng phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số	101
3.3. Một số đánh giá về phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số.....	115
Chương 4: QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ THỜI GIAN TỚI	133
4.1. Dự báo bối cảnh chuyển đổi số trong thời gian tới.....	133
4.2. Quan điểm phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số thời gian tới	136
4.3. Phương hướng phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số thời gian tới	140
4.4. Giải pháp phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số thời gian tới	142
KẾT LUẬN	166
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	169
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	170
PHỤ LỤC	180

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong tiến trình lịch sử nhân loại, mỗi cuộc cách mạng công nghiệp đều dẫn đến những thay đổi sâu sắc về cấu trúc quyền lực và quản trị quốc gia. Hiện nay, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với trọng tâm là chuyển đổi số (Digital Transformation) đang tạo ra một "không gian sinh tồn" mới: không gian số. Chuyển đổi số không đơn thuần là sự chuyển đổi về mặt kỹ thuật hay ứng dụng công nghệ thông tin, mà thực chất là một cuộc cách mạng về phương thức lãnh đạo và cầm quyền.

Đối với các đảng chính trị, đặc biệt là đảng cầm quyền như Đảng Cộng sản Việt Nam, chuyển đổi số đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tái cấu trúc năng lực lãnh đạo. Năng lực lãnh đạo hiện nay không chỉ dừng lại ở việc hoạch định đường lối qua các văn bản truyền thống, mà phải chuyển dịch mạnh mẽ sang khả năng dẫn dắt, điều tiết và kiểm soát xã hội dựa trên dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) và các nền tảng số. Việc chậm trễ trong nhận thức và thích ứng với môi trường số sẽ dẫn đến nguy cơ "tụt hậu về quản trị", làm suy giảm hiệu lực thực thi chủ trương và khoảng cách giữa Đảng với quần chúng nhân dân trên không gian mạng. Do đó, phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay là vấn đề có tính quy luật, là nhân tố quyết định bảo đảm tính chính danh và vị thế dẫn dắt của Đảng trong kỷ nguyên mới.

Đối với tỉnh Ninh Bình - một địa phương có vị trí chiến lược ở khu vực Đồng bằng Sông Hồng, đang bước vào giai đoạn phát triển mang tính bước ngoặt với mục tiêu chiến lược trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào trước năm 2030, dựa trên giá trị cốt lõi là "Đô thị Di sản Thiên nhiên kỷ". Trong lộ trình này, chuyển đổi số được xác định là một trong những đột phá chiến lược, là "chìa khóa" để giải quyết bài toán mâu thuẫn giữa bảo tồn di sản và phát triển hiện đại, giữa quản lý hành chính truyền thống và quản trị đô thị thông minh.

Tuy nhiên, thực tiễn vận hành của hệ thống chính trị tỉnh Ninh Bình đang có những "điểm nghẽn" về năng lực lãnh đạo trước yêu cầu chuyển đổi số. Đó là sự chưa đồng bộ giữa hạ tầng công nghệ với tư duy quản lý của đội ngũ cán bộ; còn 1 bộ phận lãnh đạo có biểu hiện lúng túng trong việc khai thác dữ liệu số để dự báo và ra quyết định chính trị; có những thách thức trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên môi trường số tại địa phương. Để hiện thực hóa khát vọng phát triển, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình cần một bước nhảy vọt về năng lực lãnh đạo - chuyển từ phương thức quản lý hành chính thuần túy sang lãnh đạo số năng động, minh bạch và hiệu quả.

Dù năng lực lãnh đạo là một chủ đề nhận được nhiều sự quan tâm của nhiều nhà khoa học, song các nghiên cứu về phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ cấp tỉnh đặt trong bối cảnh chuyển đổi số vẫn còn mang tính rời rạc, chủ yếu tiếp cận dưới góc độ kỹ thuật quản lý hơn là góc độ khoa học chính trị. Đặc biệt hiện nay, vẫn còn thiếu vắng những công trình nghiên cứu hệ thống về khung lý thuyết năng lực lãnh đạo số của Đảng bộ địa phương, cũng như những đánh giá thực chứng sâu sắc về sự tác động của công nghệ số đến phương thức lãnh đạo, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình. Việc nghiên cứu đề tài này sẽ góp phần bổ sung hệ thống luận cứ khoa học, làm rõ nội dung, các tiêu chí đánh giá và các giải pháp phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ cấp tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Xuất phát từ những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra, với mong muốn góp phần làm rõ quá trình phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, bao gồm việc nhận diện các nhân tố tác động, đánh giá thực trạng năng lực lãnh đạo trước yêu cầu mới, phân tích nguyên nhân của những kết quả đạt được và những hạn chế tồn tại, đồng thời đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong giai đoạn hiện nay, tác giả lựa chọn đề tài: ***“Phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay”*** làm đề tài nghiên cứu tiền sĩ ngành Chính trị học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận chung về phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số và khảo sát, đánh giá thực trạng phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số, luận án đề xuất quan điểm, phương hướng, giải pháp nhằm phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục tiêu trên, luận án tập trung giải quyết các nội dung sau:

(1) Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh nói chung và Đảng bộ tỉnh Ninh Bình nói riêng trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

(2) Xây dựng khung lý thuyết về phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

(3) Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong thời gian từ năm 2016 (từ Đại hội lần thứ XII của Đảng) đến 01/7/2025, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra.

(4) Đề xuất những quan điểm, phương hướng và giải pháp nhằm tiếp tục phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luận án nghiên cứu phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

- *Về không gian:* Luận án khảo sát, nghiên cứu thực trạng phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay (không bao gồm Đảng bộ tỉnh Nam Định, Hà Nam trước sáp nhập).

- *Về thời gian:* Luận án khảo sát, nghiên cứu thực trạng phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình từ 2016 đến 01/7/2025 và định hướng phát triển năng lực lãnh đạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong bối cảnh chuyển đổi số.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về năng lực lãnh đạo và phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Đảng bộ địa phương;

- Các lý thuyết của Chính trị học, tâm lý học về năng lực lãnh đạo và phát triển năng lực lãnh đạo của tổ chức nói chung, của các chính đảng nói riêng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin.

Luận án sử dụng các phương pháp chuyên ngành của Chính trị học như phân tích hệ thống chính trị, phân tích chính sách, phân tích xung đột, chính trị học so sánh, v.v. và các phương pháp liên ngành như: phân tích, tổng hợp, lịch sử, lôgic, thống kê, so sánh, dự báo v.v. để giải quyết những nhiệm vụ mà đề tài luận án đã đặt ra.

- Phương pháp phân tích hệ thống chính trị, phân tích cấu trúc chức năng, được áp dụng trong phân tích vị trí vai trò của Đảng bộ trong tính thống nhất của hệ thống đảng nói riêng, trong hệ thống chính trị nói chung. Hoạch định chính sách và quản trị xung đột xã hội là một trong những chức năng quan trọng hàng đầu, thể hiện năng lực lãnh đạo và cầm quyền của đảng chính trị. Phương pháp phân tích chính sách, phân tích xung đột là những phương

pháp hữu dụng không chỉ trong nghiên cứu lý thuyết, mà còn là một trong những tiêu chí quan trọng nhất, giúp cho việc đánh giá năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng bộ tỉnh chính xác hơn, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia.

- Phương pháp chính trị học so sánh, có thể dùng để so sánh sự phát triển năng lực lãnh đạo, cầm quyền của các đảng, các đảng bộ khác nhau hoặc của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình theo lịch đại (quá trình), theo đồng đại (trong các lĩnh vực vào cùng một thời điểm).

- Phương pháp tổng hợp dùng để tổng hợp các kết quả nghiên cứu đã đạt được.

- Phương pháp thống kê là một trong những phương pháp không thể thiếu trong việc sử dụng các số liệu để phân tích, đánh giá và làm bằng chứng cho các kết về các vấn đề đặt ra trong phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

- Phương pháp phân tích SWOT (điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức) được sử dụng nhằm phân tích làm rõ vị trí, sự tác động của các nhân tố đến phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay và biểu thị sự lựa chọn các quyết định, các chủ trương chính sách trong quá trình phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh.

- Phương pháp dự báo: nhằm dự báo diễn biến và các tác động thuận lợi, khó khăn đối với phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Ngoài ra, luận án còn kế thừa các kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố có liên quan đề tài, có tham khảo các báo cáo, các số liệu thống kê có liên quan đến đề tài.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Thứ nhất, luận án làm rõ bối cảnh chuyển đổi số, phân tích làm rõ những yêu cầu, những cơ hội và thách thức đối với năng lực lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ tỉnh.

Thứ hai, làm rõ khung lý thuyết, nội dung của phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia.

Thứ ba, luận án không chỉ nhận diện thực trạng mà còn chỉ ra những vấn đề về phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ tỉnh đang đặt ra từ thực tiễn công tác lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay ở Việt Nam.

Thứ tư, luận án đề xuất các quan điểm, phương hướng và giải pháp phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn 2045 trong bối cảnh chuyển đổi số.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Kết quả nghiên cứu của luận án đóng góp tích cực vào việc tạo lập những căn cứ khoa học cho việc đề xuất các giải pháp nhằm phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

- Về lý luận, đề tài nhằm góp phần làm rõ khái niệm và nội dung năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong điều kiện số hóa - một nội dung còn ít được nghiên cứu sâu trong khoa học chính trị Việt Nam hiện nay.

- Về thực tiễn, kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp luận cứ khoa học cho Tỉnh ủy Ninh Bình và các cấp ủy trực thuộc trong việc hoạch định chính sách, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, xây dựng Đảng bộ tỉnh hiện đại, thích ứng và đổi mới trong thời đại số. Luận án cũng có thể dùng làm nguồn tài liệu tham khảo, nghiên cứu cho các công trình khoa học, tổng kết thực tiễn, công tác nghiên cứu, giảng dạy tại các học viện, trường chính trị tỉnh, trường đại học... Đặc biệt, luận án giúp cho các cơ quan và cá nhân có quan tâm tham khảo để tham mưu, hoạch định các chính sách liên quan đến vấn đề năng lực lãnh đạo, phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng và của các Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 13 tiết.

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án.

Chương 2: Những vấn đề lý luận về phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số.

Chương 3: Thực trạng phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Chương 4: Quan điểm, phương hướng và giải pháp tiếp tục phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số thời gian tới.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

- Bài viết "*Transformational Leadership in Education*" (2017) (tạm dịch là Lãnh đạo chuyển đổi số trong giáo dục) [3] tập trung vào vai trò quan trọng của lãnh đạo chuyển đổi trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt trong bối cảnh các hệ thống trường học đang đối mặt với áp lực lớn từ các cấp địa phương, tiểu bang và liên bang về hiệu quả hoạt động và thành tích học tập của học sinh. Trường học ngày nay vận hành như các tổ chức kinh doanh, với những phức tạp trong quản lý và yêu cầu đạt được kết quả cụ thể. Tuy nhiên, có sự lo ngại liệu các nhà lãnh đạo giáo dục có đủ kỹ năng quản lý, phong cách và phương pháp lãnh đạo phù hợp để đảm bảo hiệu quả hoạt động của các trường hay không. Bài viết nhấn mạnh rằng lãnh đạo trong giáo dục có thể học hỏi và áp dụng phong cách lãnh đạo chuyển đổi - một phong cách đã được chứng minh là nâng cao hiệu quả trong cả tổ chức kinh doanh và môi trường giáo dục. Phong cách này tập trung vào việc khơi dậy cảm hứng, thúc đẩy sự đổi mới và tạo động lực cho đội ngũ nhằm đạt được hiệu quả cao hơn. Đào tạo và phát triển lãnh đạo chuyển đổi cho các nhà quản lý giáo dục được cho là một giải pháp cần thiết để cải thiện kết quả hoạt động và thành tích trong giáo dục. Bài viết mang lại nhiều bài học hữu ích cho Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục. Thứ nhất, áp dụng phong cách lãnh đạo chuyển đổi có thể giúp thúc đẩy văn hóa đổi mới và tinh thần hợp tác trong các trường học, điều này rất cần thiết khi triển khai các công nghệ mới. Thứ hai, việc nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý của các nhà lãnh đạo giáo dục sẽ hỗ trợ quá trình chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình số hóa,

giúp cải thiện hiệu quả quản lý và kết quả học tập. Cuối cùng, bài học về việc sử dụng phong cách lãnh đạo để định hướng và thúc đẩy sự thay đổi cũng có thể áp dụng rộng rãi trong các lĩnh vực khác tại Việt Nam, không chỉ trong giáo dục mà cả trong doanh nghiệp và quản lý công.

- Bài viết "*The Role of Leadership in a Digitalized World: A Review*" (2019) (tạm dịch là: Vai trò của lãnh đạo trong thế giới số hoá - một góc nhìn) [25] nhấn mạnh rằng công nghệ số đã thay đổi tổ chức và lãnh đạo theo cách không thể đảo ngược, tạo ra các thách thức mới trong môi trường làm việc và quy trình tổ chức. Nghiên cứu này hệ thống hóa các lý thuyết và phát hiện từ nhiều ngành khoa học xã hội, đặc biệt trong quản lý và tâm lý học, để làm rõ vai trò của lãnh đạo trong thời đại số hóa. Ba mục tiêu chính của bài viết gồm: (1) xem xét cách lãnh đạo được khái niệm hóa trong kỷ nguyên số, (2) tổ chức và cấu trúc các chủ đề nổi bật liên quan đến số hóa và lãnh đạo ở cấp độ vĩ mô (công nghệ, tổ chức) và vi mô (kỹ năng lãnh đạo, công cụ số, đội nhóm ảo) và (3) xác định các khoảng trống trong nghiên cứu để thúc đẩy sự hiểu biết trong tương lai. Bài viết cung cấp nhiều nội dung hữu ích cho việc phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam. Trước tiên, lãnh đạo cần phát triển sự kết hợp giữa kỹ năng số và kỹ năng con người, đặc biệt là khả năng giao tiếp hiệu quả, tạo sự gắn kết từ xa, và giải quyết vấn đề nhanh chóng trong bối cảnh phức tạp. Vai trò của lãnh đạo cấp cao (C-level) trong việc định hướng chiến lược và thúc đẩy văn hóa số cũng rất quan trọng, đảm bảo sự phù hợp giữa công cụ số và mục tiêu tổ chức, điều này rất cần thiết khi nhiều tổ chức tại Việt Nam mới bước đầu đầu tư vào công nghệ. Ngoài ra, lãnh đạo cần mở rộng kết nối mạng lưới với các ngành, khách hàng và đối tác thông qua công cụ số để tạo ra đổi mới và giá trị gia tăng, phù hợp với xu hướng hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số. Bài viết cũng nhấn mạnh vai trò của lãnh đạo trong việc xử lý các vấn đề đạo đức liên quan đến trí tuệ nhân tạo và quản lý dữ liệu, một thách thức lớn đối với Việt Nam khi các ứng dụng AI phát

triển nhưng khung pháp lý còn chưa hoàn thiện. Những nội dung này gợi ý Việt Nam cần tập trung phát triển kỹ năng lãnh đạo số, xây dựng văn hóa số trong tổ chức và thúc đẩy các nghiên cứu thực nghiệm để hoàn thiện chiến lược chuyển đổi số một cách hiệu quả và bền vững.

- Bài viết "*Developing leadership capability: What's inside the black box?*" (2004) (tạm dịch là: Phát triển năng lực lãnh đạo: điều gì ẩn dấu bên trong?) [24] thảo luận về cách tiếp cận can thiệp trong phát triển năng lực lãnh đạo và chỉ ra rằng việc trở thành lãnh đạo chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như di truyền, môi trường gia đình, trải nghiệm học đường, khó khăn trong cuộc sống, trải nghiệm công việc, những người có thẩm quyền, các khuyến khích từ tổ chức, và các chương trình đào tạo. Tác giả nhấn mạnh rằng lãnh đạo vừa được sinh ra, vừa được rèn luyện, trong đó môi trường gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành các phẩm chất lãnh đạo cơ bản như sự tự tin, động lực đạt thành tích, kỹ năng giao tiếp và năng lực tương tác. Tuy nhiên, các tổ chức có rất ít hoặc không có khả năng kiểm soát các yếu tố tác động trong giai đoạn đầu đời của một cá nhân. Những nội dung này có giá trị đối với phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam khi gợi ý rằng bên cạnh việc tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng, cần chú trọng hơn đến việc nhận diện các yếu tố cá nhân và hoàn cảnh có thể ảnh hưởng đến khả năng lãnh đạo. Các tổ chức ở Việt Nam cần tạo môi trường làm việc thúc đẩy sự tự tin, động lực cá nhân, và khả năng giao tiếp hiệu quả, đồng thời cung cấp các trải nghiệm công việc thực tiễn nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo trong bối cảnh phức tạp và thay đổi nhanh chóng của chuyển đổi số.

- Bài viết "*Digital transformation: Opportunities and challenges for leaders in the emerging countries in response to Covid-19 pandemic*" (2021) (tạm dịch là: Chuyển đổi số: Cơ hội và thách thức cho các nhà lãnh đạo ở các nước đang phát triển ứng phó với đại dịch covid-19) [41]. Bài viết nhấn mạnh

vai trò quan trọng của chuyển đổi số trong sự phát triển của tổ chức công và tư, đồng thời chỉ ra rằng khái niệm chuyển đổi số vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau, cần được làm rõ. Nghiên cứu tập trung vào việc phân tích nhận thức, thành tựu đạt được, các khía cạnh tích cực, cùng với thách thức và hạn chế trong năng lực lãnh đạo và đội ngũ công chức khi triển khai chuyển đổi số, đặc biệt trong bối cảnh Covid-19. Với phương pháp nghiên cứu dựa trên tài liệu và ý kiến từ các nguồn tin cậy, bài viết đã đưa ra những đề xuất về việc đổi mới tư duy lãnh đạo để thúc đẩy chuyển đổi số thành công, điều này đặc biệt quan trọng với các quốc gia mới nổi. Nội dung bài viết mang lại nhiều giá trị hữu ích cho Việt Nam, bao gồm việc nâng cao nhận thức và thống nhất định nghĩa về chuyển đổi số, đổi mới tư duy lãnh đạo trong các cơ quan công quyền và cải thiện năng lực số của đội ngũ công chức. Đồng thời, việc học hỏi từ thành tựu và thất bại của các quốc gia khác cũng là bài học quý báu giúp Việt Nam tăng tốc triển khai chiến lược số. Tác động của Covid-19 càng làm rõ tính cấp bách của chuyển đổi số, tạo động lực mạnh mẽ cho Việt Nam đẩy mạnh quá trình này trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

- Bài viết "*Leadership characteristics and digital transformation*" (2021) (tạm dịch: *Đặc điểm lãnh đạo và chuyển đổi kỹ thuật số*) [61]. Bài viết nghiên cứu về chuyển đổi kỹ thuật số (Digital Transformation - DT) trong các doanh nghiệp Bồ Đào Nha tập trung phân tích vai trò của các đặc điểm quản lý và lãnh đạo, trong mối quan hệ với đặc điểm doanh nghiệp, đối với việc thúc đẩy các giai đoạn DT ở mức độ cao hơn. Trên cơ sở tiếp cận quản trị chiến lược và lý thuyết lãnh đạo, nghiên cứu sử dụng phương pháp fsQCA (tạm dịch: phương pháp phân tích so sánh định tính sử dụng tập mờ) trên dữ liệu của 47 doanh nghiệp để làm rõ mối liên hệ giữa chiến lược kỹ thuật số, chiến lược doanh nghiệp và mức độ cam kết của đội ngũ quản lý. Kết quả cho thấy, khả năng đạt tới các giai đoạn DT nâng cao phụ thuộc chủ yếu vào năng lực lãnh đạo, phong cách quản lý và mức độ gắn kết của nhà quản lý với sứ

mệnh tổ chức, hơn là chỉ dựa vào các yếu tố cấu trúc của doanh nghiệp. Đồng thời, nghiên cứu khẳng định vai trò trung tâm của lãnh đạo trong việc điều phối nguồn lực, định hướng chiến lược và thúc đẩy đổi mới tổ chức trong bối cảnh chuyển đổi số. Tài liệu có đóng góp quan trọng khi làm rõ vai trò quyết định của lãnh đạo và quản lý chiến lược đối với quá trình chuyển đổi số, đồng thời chỉ ra sự cần thiết phải kết hợp hài hòa giữa chiến lược kỹ thuật số và chiến lược doanh nghiệp. Cách tiếp cận fsQCA giúp nhận diện các cấu hình điều kiện khác nhau dẫn tới thành công trong DT, qua đó bổ sung góc nhìn đa chiều cho nghiên cứu về chuyển đổi số. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn hạn chế do quy mô mẫu nhỏ và chủ yếu tập trung vào khu vực doanh nghiệp, chưa xem xét đến đặc thù của khu vực công hay các tổ chức chính trị - hành chính. Vì vậy, các kết luận của nghiên cứu cần được tiếp tục kiểm chứng và điều chỉnh khi vận dụng vào nghiên cứu nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức Đảng và chính quyền địa phương trong bối cảnh chuyển đổi số.

- Sách *“Phát triển năng lực - Kiến tạo tương lai”*: Đào tạo và học tập trong doanh nghiệp thời chuyển đổi số” (2022) [79] là cuốn sách chuyên khảo (~350 trang) do Học viện Viettel biên soạn, đóng vai trò như cẩm nang cho các nhà quản lý về phát triển năng lực đội ngũ trong kỷ nguyên số. Sách cung cấp cái nhìn tổng quan về bài toán “nâng cao năng lực nhân sự” mà nhiều tổ chức, doanh nghiệp đang đối mặt, đồng thời đề xuất 6 xu hướng chủ đạo định hình phát triển nguồn nhân lực tương lai. Những gợi ý thực tiễn bao gồm: gắn chặt đào tạo nhân sự với mục tiêu chiến lược của tổ chức; xác định đúng nhu cầu kỹ năng cần phát triển (tránh đào tạo tràn lan); chuyển từ tư duy đào tạo thụ động sang xây dựng văn hóa học tập chủ động, liên tục trong doanh nghiệp. Sách cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thiết lập khung năng lực và “thị trường năng lực” nội bộ, qua đó mỗi cá nhân và tổ chức tự định hướng học tập, *reskill* và *upskill* kịp thời để đáp ứng yêu cầu mới của công việc trong thời đại số. Với hệ thống ví dụ phong phú từ các công ty hàng đầu

và phân tích xu thế đào tạo hiện đại, tài liệu này được đánh giá là nguồn tham khảo giá trị giúp lãnh đạo định hình chiến lược phát triển nhân tài trong thời chuyển đổi số.

- Bài viết "*Digital leadership in the public sector: a scoping review and outlook*" (2024) (tạm dịch: Lãnh đạo số trong khu vực công: Tổng quan nghiên cứu và định hướng tương lai) [22]. Đây là công trình tổng quan có hệ thống về chủ đề lãnh đạo số trong khu vực công. Nhóm tác giả đã rà soát các nghiên cứu gần đây nhằm làm rõ khái niệm lãnh đạo số, các lý thuyết nền tảng, bộ năng lực cần có cũng như những nhân tố thành công cốt lõi để thúc đẩy chính phủ số. Kết quả phân tích cho thấy việc nhận thức đúng về lãnh đạo số là cấp thiết khi các tổ chức công phải đối mặt với nhiều yêu cầu số hóa phức tạp và đôi khi mâu thuẫn. Bài viết phân loại các nghiên cứu thành các nhóm chủ đề: định nghĩa lãnh đạo số, năng lực và kỹ năng số cần thiết cho lãnh đạo, vai trò của lãnh đạo trong triển khai chương trình chuyển đổi số và các yếu tố tổ chức ảnh hưởng đến lãnh đạo số thành công. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất hướng nghiên cứu tương lai về xây dựng mô hình năng lực lãnh đạo số trong khu vực công, nhấn mạnh khả năng “sensemaking” (kiến tạo ý nghĩa) giúp lãnh đạo định hướng và ưu tiên đúng đắn trong môi trường số liên tục biến đổi.

- Bài viết "*Phát triển năng lực lãnh đạo chiến lược cho công chức cấp cao ở Hàn Quốc và những gợi mở cho Việt Nam*" (2025) [62] trình bày kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc đào tạo, phát triển năng lực lãnh đạo chiến lược cho đội ngũ công chức cao cấp nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng CN 4.0 và chuyển đổi số mạnh mẽ. Hàn Quốc đã xây dựng hệ thống đào tạo chuyên sâu giúp các quan chức nâng cao năng lực quản trị sự thay đổi và ứng dụng công nghệ vào quản lý công. Các năng lực cốt lõi được xác định bao gồm: *Tầm nhìn chiến lược* (dự báo xu hướng, định hình chiến lược dài hạn), *Hoạch định chính sách khoa học*, *Điều phối liên ngành* hiệu quả và

Lãnh đạo đổi mới, chuyển đổi số (nhảy bèn với công nghệ mới, thúc đẩy văn hóa đổi mới). Tác giả nhấn mạnh những bài học quý báu: lãnh đạo cấp chiến lược cần được trang bị tư duy chiến lược số, khả năng thích ứng linh hoạt và kiến thức công nghệ để dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia thành công. Đây là gợi ý chính sách quan trọng cho Việt Nam trong bối cảnh xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo đáp ứng yêu cầu kỷ nguyên số.

- Bài viết "*Phát triển năng lực lãnh đạo cho thế hệ trẻ trong bối cảnh hiện nay*" (2025) [51]. Bài viết nhấn mạnh tính cấp thiết của việc bồi dưỡng năng lực lãnh đạo cho thế hệ trẻ Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số mạnh mẽ. Thông qua phân tích những thách thức (sự bùng nổ thông tin, áp lực cập nhật công nghệ, kỳ vọng thành công sớm) và cơ hội (tiếp cận tri thức toàn cầu, công nghệ mới) mà thế hệ Gen Z đang đối mặt, tác giả đề xuất các giải pháp phát triển năng lực lãnh đạo ở người trẻ. Các giải pháp gồm có: tích hợp đào tạo kỹ năng mềm (giao tiếp, tư duy phản biện, quản lý thời gian) trong giáo dục phổ thông và đại học; xây dựng môi trường học tập trải nghiệm (các chương trình lãnh đạo trẻ, hoạt động ngoại khóa, thực tập thực tế) để rèn luyện phẩm chất lãnh đạo và khuyến khích tinh thần chủ động, tự tin đảm nhận vai trò dẫn dắt. Bài viết cũng nêu ví dụ về những người trẻ được trau dồi kỹ năng lãnh đạo sớm có thể tạo ra các nhà lãnh đạo sáng tạo với tầm nhìn xa, đóng góp tích cực cho xã hội trong tương lai.

- Bài viết "*Ảnh hưởng của lãnh đạo số tới đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp công nghệ Đông Nam Á*" (2025) [32]. Nghiên cứu này tập trung phân tích vai trò của lãnh đạo số trong việc thúc đẩy năng lực đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp công nghệ ở Đông Nam Á. Bằng phương pháp phân tích định tính tài liệu và trường hợp điển hình, tác giả nhận diện các *cơ hội* (ví dụ: chính sách hỗ trợ đổi mới của chính phủ ASEAN, hệ sinh thái khởi nghiệp sôi động) và *thách thức* (thiếu nhân sự lãnh đạo am hiểu số, văn hóa doanh nghiệp chưa thích ứng kịp) đối với triển khai lãnh đạo số trong khu vực. Kết

qua nghiên cứu cho thấy lãnh đạo số - hiểu là lãnh đạo có tư duy chiến lược về công nghệ, linh hoạt trong tổ chức và thúc đẩy văn hóa đổi mới - có ảnh hưởng tích cực đến năng lực đổi mới của doanh nghiệp. Đặc biệt, khi lãnh đạo số kết hợp với văn hóa doanh nghiệp khuyến khích học hỏi và chương trình đào tạo nội bộ, hiệu quả đổi mới càng cao. Bài viết đề xuất khung “Ba trụ cột” (cơ hội - thách thức - chiến lược) giúp doanh nghiệp đánh giá và hoàn thiện năng lực lãnh đạo số của mình, qua đó tận dụng tốt làn sóng chuyển đổi số để đổi mới và tăng sức cạnh tranh trong khu vực.

- Bài viết "*Cơ chế chuyển hóa từ năng lực lãnh đạo số sang năng lực tài chính số: Bằng chứng và hàm ý đối với doanh nghiệp Việt Nam*" (2025) [46]. Nghiên cứu phân tích mối quan hệ giữa năng lực lãnh đạo số của ban lãnh đạo và năng lực tài chính số của doanh nghiệp, dựa trên dữ liệu thứ cấp về chuyển đổi số tại Việt Nam giai đoạn gần đây. Kết quả cho thấy các lãnh đạo có năng lực số cao (tầm nhìn chiến lược về số hóa, văn hóa đổi mới, quản trị công nghệ tốt) sẽ định hướng và phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn cho các sáng kiến tài chính số (như ứng dụng Big Data, AI, điện toán đám mây trong quản trị tài chính). Tuy nhiên, hiệu quả chuyển hóa này phụ thuộc đáng kể vào năng lực nội tại của doanh nghiệp và môi trường thể chế: những doanh nghiệp có hạ tầng CNTT vững, nhân sự thành thạo kỹ thuật số và chính sách hỗ trợ phù hợp sẽ tận dụng được tốt hơn vai trò định hướng của lãnh đạo số. Bài viết góp phần làm rõ cơ chế “chuyển hóa” từ tầm nhìn và quyết tâm số của người lãnh đạo thành kết quả cụ thể trong lĩnh vực tài chính. Tác giả đề xuất các hàm ý quản trị và chính sách, ví dụ: tăng cường đào tạo kỹ năng số cho lãnh đạo, xây dựng khung pháp lý khuyến khích đổi mới tài chính, nhằm tạo điều kiện để năng lực lãnh đạo số thực sự thúc đẩy thành công chuyển đổi số trong doanh nghiệp Việt Nam.

- Bài viết "*Leading in the Digital Age: The Role of Leadership in Organizational Digital Transformation*" (2025) (tạm dịch: Lãnh đạo trong kỷ

nguyên số: Vai trò của lãnh đạo trong chuyển đổi số của tổ chức) [4]. Bài viết phân tích cách thức lãnh đạo thúc đẩy hiệu quả quá trình chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Bằng phương pháp tổng quan tích hợp trên các cơ sở dữ liệu khoa học, nhóm tác giả nhấn mạnh rằng lãnh đạo hiệu quả là yếu tố then chốt giúp tổ chức thích ứng với đổi mới công nghệ, giảm thiểu sự bất định và ra quyết định nhanh nhạy. Lãnh đạo trong thời đại số cần hiểu sâu về quy trình thay đổi và điều chỉnh phong cách phù hợp, biết cách tận dụng công nghệ để thúc đẩy học hỏi, hợp tác và xây dựng văn hóa linh hoạt. Nghiên cứu kết luận rằng: bằng việc sử dụng đúng công cụ số và chiến lược phù hợp, lãnh đạo có thể gắn kết đội ngũ và duy trì động lực cao, qua đó giúp chuyển đổi số thành công và bền vững.

- Bài viết "*The role of transformational leadership in promoting digital transformation through employee engagement in public administration*" (2025) (tạm dịch: Vai trò của lãnh đạo chuyển đổi trong thúc đẩy chuyển đổi số thông qua sự gắn kết nhân viên trong hành chính công) [1]. Bài viết nghiên cứu khu vực công Tunisia, làm rõ tầm quan trọng của lãnh đạo chuyển đổi (transformational leadership) đối với thành công của các sáng kiến chuyển đổi số. Kết quả khảo sát cho thấy lãnh đạo chuyển đổi có ảnh hưởng tích cực đến mức độ tham gia và gắn kết của nhân viên, từ đó nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước. Đặc biệt, sự gắn kết nhân viên được xác định là yếu tố trung gian quan trọng: lãnh đạo truyền cảm hứng và tạo điều kiện cho nhân viên tham gia đổi mới sẽ thúc đẩy mạnh mẽ quá trình số hóa. Nghiên cứu cũng thảo luận những hàm ý thực tiễn - các nhà lãnh đạo công cần có kỹ năng và tầm nhìn chuyển đổi, biết động viên nhân viên đổi mới - nhằm cải thiện quản trị và cung cấp dịch vụ công trong bối cảnh chuyển đổi số.

- Bài viết "*Building Digital-Ready Leaders: Development and Validation of the Human-Centric Digital Leadership Scale*" (2025) (tạm dịch:

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo sẵn sàng cho kỷ nguyên số: Thang đo năng lực lãnh đạo số hướng nhân tố con người) [42]. Bài viết này giới thiệu Thang đo Lãnh đạo số (Digital Leadership Scale - DLS) nhằm đánh giá một cách định lượng các năng lực cốt lõi của nhà lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số. DLS được phát triển dựa trên 7 chiều năng lực “lãnh đạo nhân tố con người” quan trọng cho chuyển đổi số thành công, bao gồm: Thái độ tích cực, Sử dụng AI có đạo đức, Tư duy phát triển, Thành tích minh chứng, Minh bạch trong định hướng, Khả năng học hỏi kỹ năng mới và Phong cách tham gia (khuyến khích nhân viên cùng tham gia). Qua quá trình kiểm định trên đối tượng quản lý doanh nghiệp, thang đo cho thấy độ tin cậy cao, giúp các nhà lãnh đạo tự đánh giá điểm mạnh/yếu của mình trên từng năng lực và từ đó xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp. Công trình nhấn mạnh rằng việc tự đánh giá và trau dồi những năng lực lãnh đạo “mềm” - bên cạnh hiểu biết công nghệ - sẽ giúp các nhà lãnh đạo dẫn dắt tổ chức thích ứng hiệu quả, đổi mới thành công trong môi trường số liên tục thay đổi.

- Bài viết "*The AI-powered future of digital transformation: enhancing organizations and leadership development*" (2025) (tạm dịch: Tương lai chuyển đổi kỹ thuật số được hỗ trợ bởi AI: nâng cao tổ chức và phát triển khả năng lãnh đạo) [63]. Bài viết tập trung phân tích vai trò của huấn luyện nâng cao trí tuệ nhân tạo (AI training/AI upskilling) như một công cụ chiến lược trong phát triển tổ chức hiện đại. Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, AI không chỉ được xem là công nghệ hỗ trợ mà còn trở thành yếu tố then chốt định hình lại phương thức quản trị, ra quyết định và nâng cao năng lực cạnh tranh của tổ chức. Tác giả nhấn mạnh rằng việc triển khai AI hiệu quả phụ thuộc lớn vào năng lực của đội ngũ nhân sự, đặc biệt là năng lực hiểu, vận hành và tích hợp AI vào các quy trình cốt lõi. Do đó, huấn luyện AI cần được thiết kế theo hướng toàn diện, bao gồm cả kiến thức công nghệ, tư duy dữ liệu, năng lực lãnh đạo số và khả năng thích ứng với thay đổi tổ chức. Bài

viết cũng chỉ ra mối quan hệ tương hỗ giữa huấn luyện AI - đổi mới tổ chức - hiệu quả hoạt động, trong đó huấn luyện AI đóng vai trò là chất xúc tác thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu suất làm việc và tăng cường khả năng ra quyết định dựa trên dữ liệu. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số định hướng chiến lược nhằm lồng ghép huấn luyện AI vào phát triển nguồn nhân lực và chiến lược dài hạn của tổ chức. Trên cơ sở các luận điểm của tài liệu, có thể thấy rằng huấn luyện và nâng cao năng lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo không chỉ là vấn đề kỹ thuật, mà là một nội dung quan trọng góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức trong bối cảnh chuyển đổi số. Vận dụng vào nghiên cứu nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, các kết quả của tài liệu gợi mở yêu cầu phải tăng cường năng lực số, tư duy dữ liệu và khả năng tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, qua đó góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng ra quyết định và hiệu quả lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong điều kiện chuyển đổi số hiện nay.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

- Thông tin chuyên đề “*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong tình hình hiện nay*” của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (2015). Nhận thức được vấn đề của Đảng tại thời điểm đó vẫn còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới: như công tác lý luận chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới, về xây dựng đảng; công tác tư tưởng còn bất cập và thiếu tính thuyết phục, tính chiến đấu; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của nhiều tổ chức cơ sở đảng còn yếu, không đủ khả năng lãnh đạo, giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh; công tác tổ chức, cán bộ còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém; chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát chưa cao; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham

những, lãng phí trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên còn diễn ra nghiêm trọng, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Trong bối cảnh đó, đòi hỏi Đảng phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, giữ vững bản chất cách mạng, vững vàng về chính trị, tư tưởng; thống nhất cao về ý chí, hành động, siết chặt đội ngũ... Hơn bao giờ hết, công tác xây dựng Đảng trở thành một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa sống còn, quyết định vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Dựa trên các nghiên cứu, tuyển chọn các bài viết đã công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành của các nhà nghiên cứu, biên soạn. Góp phần nghiên cứu, làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng đảng cầm quyền, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Ban Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã chỉ đạo Trung tâm Thông tin khoa học đã sản xuất ra ấn phẩm Thông tin chuyên đề “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong tình hình hiện nay”, tập trung nghiên cứu về 2 phần: “Những vấn đề chung về Đảng cầm quyền và năng lực cầm quyền của Đảng cộng sản Việt Nam”; “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”.

- Sách *“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới”* (2017) [44] tập trung trình bày một cách hệ thống những quan điểm lý luận từ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các chỉ đạo của Đảng về Đảng Cộng sản và Đảng cầm quyền, đồng thời cung cấp những phân tích chuyên sâu về năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Với ba chương chính, cuốn sách lần lượt khái quát cơ sở lý luận, phân tích thực trạng và các vấn đề đặt ra, cuối cùng là đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong bối cảnh mới. Đáng chú ý, nội dung cuốn sách phân tích bối cảnh mới yêu cầu phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong đó có yếu tố tác động từ chuyển đổi số. Từ việc áp dụng công nghệ vào công tác quản lý đến

đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, cuốn sách nhấn mạnh vai trò của chuyển đổi số như một công cụ quan trọng giúp Đảng nâng cao năng lực thích nghi và dẫn dắt đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0. Những nội dung này không chỉ góp phần vào việc củng cố vị trí lãnh đạo của Đảng mà còn đóng vai trò như kim chỉ nam để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh. Cuốn sách mang ý nghĩa đặc biệt trong việc xây dựng nguồn tư liệu giá trị cho các nhà lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu và những người quan tâm đến vai trò của Đảng trong việc dẫn dắt Việt Nam vượt qua thách thức của thời đại số.

- Bài viết *“Hệ tiêu chí đánh giá năng lực lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay - Một cách tiếp cận mới”* (2017) [43]. Nêu hệ thống các tiêu chí làm cơ sở cho nhận thức, đánh giá năng lực lãnh đạo của Đảng trong từng giai đoạn cách mạng. Trong giai đoạn hiện nay, năng lực lãnh đạo của Đảng thể hiện trong năng lực xây dựng nội bộ Đảng để Đảng thành tổ chức tiên phong về tư tưởng, vững về chính trị, chặt chẽ về tổ chức, trong sáng về đạo đức, lối sống; năng lực lãnh đạo các thiết chế xã hội; trong đó chủ yếu là lãnh đạo Nhà nước; năng lực lãnh đạo các lĩnh vực của đời sống xã hội, chủ yếu là lãnh đạo kinh tế, lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị do thực tiễn cách mạng đặt ra.

- Sách *Đảng Cộng sản Trung Quốc 5 năm quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện (Thành tựu và kinh nghiệm trong công tác tổ chức và xây dựng Đảng từ sau Đại hội XVIII)* (2018) [87]. Cuốn sách phân tích sâu sắc chiến lược quản trị Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc sau Đại hội XVIII, với trọng tâm là xác lập và triển khai quản trị Đảng nghiêm minh trên mọi mặt. Cuốn sách gồm 12 chương, trong đó hai chương đầu tập trung vào cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành chiến lược này, vai trò hạt nhân lãnh đạo của Tổng Bí thư Tập Cận Bình và tư tưởng về "chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới". Chín chương tiếp theo làm rõ những thành tựu, bài học

kinh nghiệm trong quản trị Đảng qua các lĩnh vực cụ thể như xây dựng chính trị, bảo vệ tư tưởng, phát triển đội ngũ cán bộ, nâng cao tổ chức cơ sở, công tác nhân tài, xây dựng tác phong và kỷ luật, chống tham nhũng, cải cách chế độ trong Đảng và thực hiện trách nhiệm lãnh đạo. Những nội dung này có thể mang lại bài học hữu ích cho Việt Nam trong việc phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số. Cụ thể, việc xây dựng đội ngũ lãnh đạo có tư duy chính trị vững vàng và năng lực quản trị hiện đại, phù hợp với yêu cầu thời đại số, có thể được học hỏi từ cách Đảng Cộng sản Trung Quốc tập trung đào tạo cán bộ và bảo vệ tư tưởng chính trị. Bên cạnh đó, bài học từ công tác cải cách chế độ, xây dựng kỷ luật và áp dụng công nghệ trong công tác quản trị Đảng có thể được Việt Nam vận dụng để tạo ra mô hình lãnh đạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế số, quản trị minh bạch và hiệu quả. Cuốn sách cũng nhấn mạnh vai trò lãnh đạo hạt nhân và tư duy đổi mới, điều này gợi mở cho việc phát triển các chương trình đào tạo lãnh đạo chiến lược đáp ứng thách thức của thời kỳ chuyển đổi số.

- Bài viết: "*Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng: Nhiệm vụ tất yếu và cấp bách*" (2025) [64]. Bài viết lập luận chuyển đổi số là yêu cầu lãnh đạo Đảng, phân tích hạ tầng số cơ quan Đảng. Giải pháp bao gồm chính phủ đảng điện tử, đào tạo lãnh đạo số. Phân tích Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và đề xuất mô hình lãnh đạo số. Bài viết nhấn mạnh an ninh mạng tư tưởng. Kết quả: khung chính sách số cho cơ quan Đảng. Tác giả kết luận năng lực số là chìa khóa cầm quyền. Bài viết dựa trên tổng kết 10 tỉnh, gắn lý luận với thực tiễn. Giải pháp nhấn mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo. Bài viết góp phần nâng cao tư duy lãnh đạo Đảng, là tài liệu hữu ích cho cán bộ, đảng viên và các tổ chức đảng.

- Sách: "*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới*" (2021) [77] tập trung vào các nội dung chính nhằm làm rõ vai trò, nhiệm vụ và phương hướng phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng trong

bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế. Với kết cấu gồm ba chương, cuốn sách cung cấp một cách nhìn toàn diện từ cơ sở lý luận đến thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng. Chương I, trình bày những vấn đề chung về Đảng cầm quyền, trong đó làm rõ khái niệm, bản chất, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đồng thời phân tích đặc điểm hoạt động lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn có chính quyền. Đây là cơ sở lý luận quan trọng để nhận diện vai trò và trách nhiệm của Đảng trong giai đoạn hiện nay. Chương II, tập trung đánh giá thực trạng đổi mới và chỉnh đốn Đảng trong những năm qua, nhấn mạnh những thách thức và cơ hội mà Đảng đang đối mặt. Các nội dung như chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đội ngũ đảng viên và đổi mới phương thức lãnh đạo được phân tích kỹ lưỡng, qua đó làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc điều hành các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và đoàn thể nhân dân. Chương III, đưa ra các phương hướng và giải pháp lớn nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới. Các giải pháp nhấn mạnh sự cần thiết phải đổi mới tư duy lãnh đạo, hiện đại hóa cơ cấu tổ chức và ứng dụng các công nghệ tiên tiến để cải thiện hiệu quả công tác quản lý, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của chuyển đổi số trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo. Cuốn sách có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số khi cung cấp những cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng. Những nội dung được trình bày trong sách sẽ là nguồn tài liệu hữu ích cho các nhà nghiên cứu, lãnh đạo và những người quan tâm đến sự phát triển bền vững của Đảng và đất nước.

- Luận án tiến sĩ Chính trị học “*Năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*” (2021) [78] tập trung làm rõ các vấn đề lý luận về năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm các quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiêu chí đánh giá và các nhân tố tác động đến năng lực cầm quyền. Luận án không chỉ đánh giá

thực trạng năng lực cầm quyền của Đảng, mà còn chỉ ra những vấn đề hiện nay cần khắc phục, đồng thời đề xuất quan điểm và 5 giải pháp nhằm nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới của đất nước. Những nội dung này có ý nghĩa và liên quan sâu sắc đến việc phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, khi mà việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng không chỉ gắn với yếu tố chính trị, mà còn yêu cầu sự thích ứng nhanh chóng với các thay đổi trong môi trường công nghệ và quản trị hiện đại.

- Bài viết “*Văn hóa chính trị trong xây dựng năng lực lãnh đạo của đảng cộng sản cầm quyền theo chỉ dẫn của V.I.Lênin*” (2021) [34] tập trung phân tích vai trò của văn hóa chính trị trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng Cộng sản. Nội dung chính đáng chú ý bao gồm: việc nâng cao văn hóa chính trị cho đảng viên và các tổ chức đảng là yếu tố quyết định để Đảng Cộng sản cầm quyền xây dựng được năng lực lãnh đạo và bộ máy nhà nước hiệu quả. Văn hóa chính trị không chỉ là tri thức mà còn là hành vi ứng xử, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả lãnh đạo và quản lý. Bài viết đề cập đến các khuyết điểm trong bộ máy Xô Viết mà Lênin đã nhận ra, như sự công kênh, thiếu hiệu quả và thiếu sự giám sát từ nhân dân đòi hỏi phải cải cách văn hóa chính trị để bộ máy hoạt động tốt hơn. Theo Lênin, lãnh đạo không chỉ là nắm giữ quyền lực mà phải biết cách lãnh đạo hiệu quả, chịu trách nhiệm về cả hành động của bản thân và cấp dưới, đòi hỏi sự cải thiện trong phẩm chất và tri thức chính trị của cán bộ lãnh đạo. Tác động của tàn dư văn hóa cũ là yếu tố gây cản trở lớn cho năng lực lãnh đạo. Việc loại bỏ những tàn dư này và thay thế bằng một nền văn hóa chính trị tiên bộ là điều kiện tiên quyết để Đảng thực hiện tốt vai trò lãnh đạo. V.I. Lênin cảnh báo rằng nếu không nâng cao văn hóa chính trị, Đảng Cộng sản có thể bị hòa tan trong những giá trị của văn hóa cũ. Điều này dẫn đến nguy cơ suy thoái tư tưởng và mất đi tính tiên phong. Liên quan đến bối cảnh hiện nay, nội dung

bài viết này cung cấp những bài học quan trọng về việc phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng trong chuyển đổi số. Việc xây dựng văn hóa chính trị mạnh mẽ là nền tảng để lãnh đạo Đảng thích nghi với yêu cầu mới, bao gồm cả những thay đổi trong cách quản lý, ra quyết định và vận hành bộ máy trong thời đại số hóa. Những bài học từ Lenin có thể được vận dụng để nâng cao nhận thức, cải thiện kỹ năng và thái độ của cán bộ Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số, từ đó đảm bảo sự thành công của các nỗ lực đổi mới và phát triển lãnh đạo.

- Sách "The Party Leads All: The Evolving Role of the Chinese Communist Party" (2022) (tạm dịch: Đảng lãnh đạo tất cả: Vai trò phát triển của Đảng Cộng sản Trung Quốc) [47]. Cuốn sách tập trung luận giải nguyên tắc cốt lõi về sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế và xã hội, coi đây là nhân tố quyết định bảo đảm ổn định chính trị, định hướng phát triển và hiện đại hóa đất nước. Thông qua việc hệ thống hóa các quan điểm lý luận và tổng kết thực tiễn lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn phát triển, cuốn sách làm rõ mối quan hệ giữa vai trò lãnh đạo của Đảng với hiệu quả quản trị quốc gia và sự phát triển bền vững. Ưu điểm nổi bật của cuốn sách là cung cấp một khung phân tích tương đối toàn diện về phương thức lãnh đạo của một đảng cầm quyền, nhấn mạnh vai trò của định hướng chiến lược, kỷ luật tổ chức và sự thống nhất trong lãnh đạo. Tuy nhiên, do tiếp cận chủ yếu từ góc nhìn chính thống, nội dung cuốn sách còn hạn chế ở việc chưa phân tích sâu các thách thức, mâu thuẫn và rủi ro phát sinh trong quá trình thực thi sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong bối cảnh biến đổi nhanh của môi trường kinh tế - xã hội. Dù vậy, cuốn sách vẫn có giá trị tham khảo quan trọng đối với các nghiên cứu về xây dựng Đảng và nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng, đặc biệt trong việc tham chiếu kinh nghiệm quốc tế phục vụ nghiên cứu nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

- Bài viết "*Giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam*" (2023) [60], dưới góc nhìn Triết học, trên cơ sở phân tích năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, bài viết đề xuất bốn giải pháp nâng cao năng lực giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện đối với chính quyền nhà nước và năm giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo Nhà nước thực hiện mục tiêu, tầm nhìn, định hướng phát triển mà Đảng đã xác định. Để thực hiện tốt các giải pháp trên thì một nội dung quan trọng là mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao trình độ tư duy lý luận, trau dồi, rèn luyện phương pháp biện chứng duy vật.

- Sách "*Vietnam: Navigating a Rapidly Changing Economy, Society, and Political Order*" (2023) [52] phân tích mô hình lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh kinh tế số, nhấn mạnh sự cân bằng giữa mở cửa kinh tế và kiểm soát chính trị. Lập luận rằng chuyển đổi số đòi hỏi Đảng đổi mới năng lực lãnh đạo qua đào tạo cán bộ số, xây dựng "đảng số" với hệ thống dữ liệu lớn. Giải pháp bao gồm tăng cường hợp tác quốc tế (Mỹ - Việt) về công nghệ, giảm rủi ro an ninh mạng. Sách so sánh với Trung Quốc, nhấn mạnh Việt Nam cần lãnh đạo Đảng linh hoạt để tránh "bẫy thu nhập trung bình". Tác giả đề xuất mô hình "lãnh đạo số bền vững" cho Đảng, với trọng tâm nhân lực trẻ và đổi mới chính sách.

- Bài viết "*Chuyển đổi năng lực lãnh đạo nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số*" (2024) [54]. Thông qua các phân tích cả về lý luận và thực tiễn về vấn đề chuyển đổi năng lực lãnh đạo nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số, bài viết khẳng định: Chuyển đổi số tạo ra khoảng cách giữa năng lực lãnh đạo hiện tại và năng lực lãnh đạo cần thiết cho tương lai. Những năng lực lãnh đạo truyền thống được làm mới, đồng thời, cần bổ sung những năng lực lãnh đạo mới để đáp ứng yêu cầu quản trị nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số.

- Bài viết "*Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước thông qua tiến trình chuyển đổi số*" (2024) [40]. Chuyển đổi số quốc

gia là sự ứng dụng công nghệ số vào toàn bộ hoạt động của quốc gia, từ xây dựng chính phủ số đến phát triển kinh tế số, xã hội số. Trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia, cùng với sự chủ động tham gia cuộc Cách mạng 4.0 của các cơ quan Đảng, Nhà nước cũng mở ra những cơ hội trong việc nâng cao năng lực và vai trò của Đảng, Nhà nước trong lãnh đạo, quản lý và điều hành kinh tế - xã hội hiệu quả hơn.

- Bài viết *“Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước thông qua tiến trình chuyển đổi số”* (2024) [39]. Bài viết phân tích mối quan hệ biện chứng giữa quá trình chuyển đổi số quốc gia với năng lực lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Tác giả nhấn mạnh chuyển đổi số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức vận hành xã hội và đặt ra thách thức mới buộc Đảng và Nhà nước phải nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý tiến trình này. Bài viết chỉ ra rằng việc dẫn dắt thành công chuyển đổi số không chỉ giúp quốc gia phát triển nhanh và bền vững, mà còn khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong kỷ nguyên số. Tác giả đề xuất một số định hướng nhằm phát huy vai trò tiên phong của các cơ quan Đảng, Nhà nước trong chuyển đổi số, đồng thời thông qua đó tăng cường năng lực nội tại của hệ thống chính trị để đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng 4.0.

- Bài viết *“Một số biện pháp nâng cao năng lực lãnh đạo chuyển đổi số của Đảng bộ Học viện Hậu cần hiện nay”* (2025) [33]. Bài viết xem xét tình hình thực hiện chuyển đổi số tại Học viện Hậu cần và năng lực lãnh đạo chuyển đổi số của Đảng bộ Học viện trong thời gian qua. Bài viết làm rõ khái niệm “năng lực lãnh đạo chuyển đổi số” của Đảng bộ Học viện, thể hiện qua việc nắm vững chủ trương của Đảng, Quân ủy Trung ương về chuyển đổi số và tổ chức thực hiện hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học tại Học viện. Tác giả đánh giá thực trạng: Đảng ủy Học viện đã quán triệt các chỉ thị, nghị quyết về chuyển đổi số, bước đầu đạt kết quả như

cải thiện chất lượng dạy học, quản lý, kết nối dữ liệu đồng bộ phục vụ công tác chỉ huy. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế về kỹ năng số của một bộ phận cán bộ, giảng viên. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số biện pháp chủ chốt: (i) Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; (ii) Hoàn thiện hạ tầng công nghệ và hệ thống dữ liệu dùng chung trong Học viện; (iii) Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện chuyển đổi số ở các cấp để bảo đảm đồng bộ, hiệu quả. Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát thực tiễn trong Học viện và đối chiếu với các nghị quyết của Đảng, qua đó kết luận rằng nâng cao năng lực lãnh đạo chuyển đổi số sẽ giúp Học viện Hậu cần tiếp tục hiện đại hóa công tác giáo dục - đào tạo, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong kỷ nguyên số.

- Bài viết: "*Không thể xuyên tạc việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số*" (2025) [26] đăng trên Báo Quân đội Nhân dân (qndn.vn), thuộc chuyên mục "Phòng chống diễn biến hòa bình", nhấn mạnh việc chống lại các luận điệu xuyên tạc từ thế lực thù địch nhằm hạ thấp sự đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi số. Bài viết khẳng định rõ việc Đảng Cộng sản Việt Nam chủ động đổi mới phương thức lãnh đạo để phù hợp với cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số quốc gia là một tất yếu khách quan, thể hiện sự sáng tạo và bản lĩnh chính trị. Từ Đại hội VI đến Đại hội XIII, Đảng đã liên tục điều chỉnh cách thức lãnh đạo từ bao cấp, trực tiếp sang lãnh đạo bằng đường lối, chủ trương, nghị quyết và cơ chế chính sách, đồng thời ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số để nâng cao tính minh bạch, dân chủ và hiệu quả quản lý nhà nước. Tuy nhiên, các thế lực thù địch lợi dụng chính quá trình này để xuyên tạc, cho rằng đổi mới là "suy thoái", "tự diễn biến", "giảm vai trò lãnh đạo" hay "bỏ rơi quân chúng", thậm chí vu cáo việc ứng dụng công nghệ số sẽ làm Đảng mất khả năng kiểm soát thông tin. Bài viết đã bác bỏ triệt để những luận điệu ấy bằng lập luận chặt chẽ và dẫn chứng thực tiễn: chuyển đổi số giúp

Đảng gần dân hơn qua các nền tảng trực tuyến, tăng cường giám sát quyền lực, đẩy mạnh phòng chống tham nhũng (Cổng thông tin điện tử, Zalo OA của các cơ quan Đảng, ứng dụng số trong chống dịch COVID-19...), đồng thời đưa Việt Nam vươn lên thứ hạng cao về chính phủ điện tử trên thế giới. Tác giả nhấn mạnh, đổi mới phương thức lãnh đạo không hề làm suy yếu mà ngược lại củng cố vững chắc vai trò lãnh đạo của Đảng, và đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải nâng cao nhận thức, cảnh giác, chủ động sử dụng công nghệ số để bảo vệ nền tảng tư tưởng, giữ vững niềm tin của nhân dân trước mọi âm mưu xuyên tạc, chống phá.

- Sách: *"Đảng Cộng sản Việt Nam qua các kỳ Đại hội - Những quyết sách lịch sử"* (2025) [49]. Sách tổng hợp, phân tích và hệ thống hóa hành trình lịch sử của Đảng thông qua 13 kỳ đại hội, với điểm nhấn là những quyết sách lớn đã định hình vận mệnh dân tộc qua các thời kỳ. Lịch sử 95 năm của Đảng Cộng sản Việt Nam là lịch sử của những bước ngoặt, của sự lựa chọn đúng đắn và kịp thời trong những thời điểm then chốt, sách tổng kết đường lối lãnh đạo Đảng qua các Đại hội, không đơn thuần là ghi chép lịch sử hay tổng hợp thông tin, cuốn sách tập trung phân tích sâu sắc các quan điểm, chủ trương cốt lõi của Đảng ở mỗi kỳ Đại hội và đặc biệt là đánh giá các quyết sách đó từ thực tiễn. Chẳng hạn, tại Đại hội VI - được coi là mốc khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước - cuốn sách nhấn mạnh bài học lịch sử xuyên suốt: “Lấy dân làm gốc”. Chính việc phát huy vai trò, sức mạnh từ nhân dân đã mang lại những thành tựu lớn lao cho công cuộc đổi mới. Đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; được khởi xướng, sáng tạo và triển khai dưới sự lãnh đạo của Đảng. Những thành tựu đó cho thấy rõ hiệu quả của tư duy “lấy dân làm gốc” trong mọi chính sách lớn. Trong thời đại chuyển đổi số, toàn cầu hóa, nhiều giá trị truyền thống bị xói mòn, thì sự trở lại với gốc rễ lịch sử, với những quyết sách từng định hình quốc gia chính là cách để củng cố niềm tin, nuôi dưỡng khát vọng và vững bước trên con đường phát triển.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CHỦ YẾU CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.3.1. Khái quát kết quả chủ yếu của các công trình đã công bố liên quan đến luận án

Đề tài xoay quanh vấn đề chuyển đổi số và phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số đã được đề cập trong nhiều nghiên cứu với các khía cạnh cụ thể, tập trung vào việc nâng cao nhận thức, đổi mới phương thức lãnh đạo, phát triển kỹ năng số cho cán bộ và tăng cường sự tham gia của người dân. Các kết quả nghiên cứu cho thấy chuyển đổi số là động lực quan trọng để cải thiện năng lực lãnh đạo, nhưng vẫn tồn tại những thách thức cần giải quyết.

Một là, các công trình nghiên cứu đã phân tích quan niệm về chuyển đổi số dưới nhiều cách tiếp cận khác nhau, nhưng đều khẳng định vai trò và lợi ích to lớn của chuyển đổi số đối với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế đều thống nhất rằng nhận thức về chuyển đổi số đóng vai trò nền tảng cho việc nâng cao năng lực lãnh đạo trong kỷ nguyên số.

Hai là, các công trình nghiên cứu đã chỉ ra một số cơ hội và thách thức mang lại trong bối cảnh chuyển đổi số.

Một số thách thức nổi bật bao gồm: hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ, thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ và sự kháng cự của một bộ phận cán bộ chưa quen với chuyển đổi số. Thiếu sự phối hợp hiệu quả giữa các cấp lãnh đạo và các ngành liên quan cũng là một rào cản lớn đối với tiến trình này.

Ba là, các công trình nghiên cứu đã phân tích, đánh giá và đề xuất các phương hướng, giải pháp quan trọng trong thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số.

Nhiều nghiên cứu đã gợi ý, đề xuất các giải pháp để chuyển đổi số hiệu quả, cả ở các cấp độ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, xã hội và quốc gia. Theo đó, các nghiên cứu cho rằng cần xây dựng chiến lược chuyển đổi số tổng thể, với trọng tâm là đầu tư vào hạ tầng công nghệ, tăng cường đào tạo cán bộ và đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức chuyên môn và để thành công, cần có sự đồng bộ giữa các cấp lãnh đạo, sự cam kết mạnh mẽ trong việc thực thi các chính sách.

Đặc biệt, một số bài viết đã có nhắc đến vai trò dẫn dắt của tổ chức Đảng, cụ thể là Đảng bộ địa phương trong việc định hướng chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn là giải pháp quan trọng để phát triển địa phương phù hợp và thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số.

Bốn là, một số công trình nghiên cứu đã phân tích những vấn đề về năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số và yêu cầu cấp thiết phải phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số.

Các công trình chỉ ra rằng: Chuyển đổi số không chỉ là việc ứng dụng công nghệ mà còn yêu cầu sự đổi mới về tư duy lãnh đạo. Các nghiên cứu đều đưa ra những định hướng mang tính tham khảo liên quan đến phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số như xây dựng chiến lược chuyển đổi số dài hạn, với trọng tâm là cải thiện hạ tầng công nghệ, nâng cao nhận thức và đào tạo kỹ năng cho cán bộ lãnh đạo, hay phối hợp giữa các cấp chính quyền, doanh nghiệp công nghệ và người dân sẽ là chìa khóa để thành công trong chuyển đổi số.

Một số công trình chỉ ra bối cảnh chuyển đổi số đặt ra yêu cầu phải đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Các quốc gia, địa phương hay tổ chức, doanh nghiệp cần nghiên cứu chuyển đổi các phương thức lãnh đạo truyền thống dựa trên hợp hành trực tiếp và quản lý theo chiều dọc cần được thay thế bằng các phương thức linh hoạt hơn như quản lý trực tuyến, sử dụng dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI).

Bối cảnh chuyển đổi số đòi hỏi phải nâng cao kỹ năng công nghệ cho đội ngũ lãnh đạo. Điều này bao gồm kỹ năng xây dựng cơ sở dữ liệu, phân tích dữ liệu, quản lý hệ thống thông tin, và tư duy chiến lược phù hợp với thời đại số. Chương trình đào tạo cần kết hợp giữa lý luận chính trị và kỹ năng ứng dụng công nghệ, giúp cán bộ Đảng bộ vừa hiểu sâu về nhiệm vụ chính trị, vừa có năng lực sử dụng các công cụ số trong thực tiễn.

Một số công trình nghiên cứu cũng đưa ra lưu ý rằng chuyển đổi số không chỉ dừng lại ở nội bộ các tổ chức Đảng mà còn tạo điều kiện để người dân tham gia vào các hoạt động giám sát và phản biện xã hội. Việc triển khai các nền tảng số hóa, như cổng thông tin điện tử hoặc các ứng dụng dành cho người dân, giúp tăng cường sự kết nối giữa chính quyền và cộng đồng. Tuy nhiên, mức độ tương tác vẫn cần được cải thiện thông qua các hoạt động tuyên truyền và hỗ trợ kỹ thuật.

Tổng hợp các kết quả nghiên cứu cho thấy, các công trình nghiên cứu đã cung cấp cái nhìn toàn diện về vai trò, lợi ích cũng như thách thức trong chuyển đổi số và trong việc phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số. Những kết quả này không chỉ giúp làm rõ tầm quan trọng của chuyển đổi số mà còn gợi mở các định hướng phát triển trong tương lai, phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số đòi hỏi sự thay đổi toàn diện về nhận thức, kỹ năng và phương thức hoạt động.

Các công trình nghiên cứu đã công bố có liên quan đến đề tài đã được tổng quan khoa học xoay quanh chủ đề năng lực lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số dưới nhiều cách tiếp cận khác nhau nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách cụ thể và có hệ thống về đề tài “Phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay”. Vì vậy, những kết quả nghiên cứu của các công trình trên sẽ được kế thừa, tiếp thu một cách chọn lọc, phù hợp, đồng thời phát triển, phân tích những nội dung mới liên quan trực tiếp đến đề tài luận án.

1.3.2. Vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu đã công bố liên quan đến đề tài đã có nhiều kết quả nghiên cứu về chuyển đổi số và năng lực lãnh đạo ở các phạm vi, mức độ nghiên cứu khác nhau, cho thấy cái nhìn tổng quan về tình hình nghiên cứu. Trên cơ sở tổng hợp, có thể khẳng định: cho đến thời điểm hiện nay, chưa có một công trình nghiên cứu nào đi sâu nghiên cứu về phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ địa phương cụ thể trong bối cảnh chuyển đổi số. Vì vậy, đề tài “Phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay” là công trình nghiên cứu mới, không bị trùng lặp với các công trình nghiên cứu trước đó.

Theo đó, những vấn đề tác giả sẽ đi sâu nghiên cứu bao gồm:

Một là, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn, xây dựng khung lý thuyết về phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, trong đó đưa ra được các khái niệm công cụ làm cơ sở nghiên cứu; nêu được yêu cầu, tính tất yếu phải phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh và những nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Hai là, phân tích, đánh giá thực trạng năng lực lãnh đạo và phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong thời gian từ năm 2016 (từ Đại hội lần thứ XIII của Đảng) đến 01.7.2025, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra từ thực tiễn công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, làm cơ sở để đề xuất quan điểm, phương hướng, giải pháp nhằm phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới.

Ba là, chỉ rõ quan điểm, đề xuất phương hướng và các giải pháp nhằm tiếp tục phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn 2045 trong bối cảnh chuyển đổi số.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 tổng quan các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án. Vấn đề chuyển đổi số và phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số đã được đề cập trong nhiều nghiên cứu với các khía cạnh cụ thể, tập trung vào việc nâng cao nhận thức, đổi mới phương thức lãnh đạo, phát triển kỹ năng số cho cán bộ, và tăng cường sự tham gia của người dân. Các công trình nghiên cứu đã công bố có liên quan đến đề tài được tổng quan với lập luận rất khoa học và có sức thuyết phục cao đã nghiên cứu xoay quanh chủ đề năng lực lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số dưới nhiều cách tiếp cận khác nhau. Là cơ sở cho luận án kế thừa và phát triển. Tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu một cách cụ thể và có hệ thống về “Phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay”. Vì vậy, những kết quả nghiên cứu của các công trình trên sẽ được kế thừa, tiếp thu một cách chọn lọc, phù hợp, đồng thời phát triển, phân tích những nội dung mới liên quan trực tiếp đến đề tài luận án.

Theo đó, những vấn đề tác giả sẽ đi sâu nghiên cứu bao gồm: khung lý thuyết về phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay; phân tích, đánh giá thực trạng năng lực lãnh đạo và phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình từ đó đề xuất quan điểm, phương hướng, giải pháp nhằm phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn 2045 trong bối cảnh chuyển đổi số.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

2.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐẢNG BỘ TỈNH VÀ NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH

2.1.1. Khái quát về đảng bộ tỉnh

2.1.1.1. Vị trí, vai trò của Đảng bộ tỉnh

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: “Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước” (Điều lệ Đảng, Điều 10, Khoản 1 [27]), theo đó, Đảng bộ tỉnh là một tổ chức đảng ở địa phương trong hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, được thành lập tương ứng với đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Đảng bộ tỉnh giữ vị trí trung gian chiến lược trong hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương và chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, và Ban Bí thư (Điều lệ Đảng, Điều 13, Khoản 1 [27]). Trung ương Đảng chịu trách nhiệm hoạch định đường lối, chính sách mang tính toàn quốc, định hướng chiến lược vĩ mô, và giám sát tổng thể. Trong khi đó, Đảng bộ tỉnh tập trung cụ thể hóa các chính sách này, điều chỉnh để phù hợp với điều kiện địa phương, và tổ chức thực hiện trực tiếp tại địa phương. Vai trò của Đảng bộ tỉnh mang tính thực tiễn và gần gũi hơn, gắn bó chặt chẽ với đặc điểm địa phương, thay vì mang tính khái quát như Trung ương.

Là cấp trên trực tiếp của các đảng bộ cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, cũng như các tổ chức cơ sở đảng trong phạm vi địa phương, Đảng bộ tỉnh đảm bảo sự thống nhất trong triển khai đường lối, chính sách của Đảng tại địa phương (Quy định số 232-QĐ/TW, Mục 10, Khoản 1 [8]). Các tổ chức cơ sở đảng chủ yếu tập trung vào việc triển khai cụ thể các nhiệm vụ tại

địa bàn nhỏ như xã, phường, hoặc cơ quan, doanh nghiệp, với phạm vi lãnh đạo hẹp và tính chi tiết cao. Ngược lại, Đảng bộ tỉnh có tầm nhìn rộng hơn, chịu trách nhiệm điều phối, giám sát và định hướng cho nhiều tổ chức cơ sở, đồng thời đảm bảo sự thống nhất trong toàn tỉnh.

Trong điều kiện bình thường, vai trò của Đảng bộ tỉnh được thể hiện qua ba khía cạnh chính: Thứ nhất, Đảng bộ tỉnh là hạt nhân lãnh đạo tại địa phương, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh (Điều lệ Đảng, Điều 14, Khoản 1 [27]). Thứ hai, Đảng bộ tỉnh đóng vai trò cầu nối giữa Trung ương và cơ sở, cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương thành các chương trình, kế hoạch phù hợp với đặc điểm địa phương, đồng thời phản ánh tình hình thực tiễn để tham mưu, đề xuất chính sách (Quy định số 232-QĐ/TW, Mục 10, Khoản 2 [8]). Thứ ba, Đảng bộ tỉnh đảm nhiệm nhiệm vụ xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, thông qua quản lý tổ chức đảng, đảng viên, kiểm tra, giám sát, và thi hành kỷ luật Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng tại địa phương.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, vai trò của Đảng bộ tỉnh được mở rộng và đòi hỏi sự đổi mới để đáp ứng yêu cầu phát triển: Đảng bộ tỉnh đóng vai trò tiên phong trong việc xây dựng và triển khai chiến lược chuyển đổi số, đảm bảo tích hợp các giải pháp công nghệ số vào quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội. Đảng bộ tỉnh lãnh đạo việc xây dựng hệ sinh thái số, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức và người dân tham gia vào các sáng kiến số hóa, đồng thời đảm bảo công bằng trong tiếp cận công nghệ. Trong bối cảnh chuyển đổi số, Đảng bộ tỉnh có vai trò quản lý, giám sát việc thực hiện các chính sách số hóa, đảm bảo an ninh mạng, bảo mật thông tin và quản lý dữ liệu địa phương. Đảng bộ tỉnh sử dụng các nền tảng số để tăng cường kết nối với Trung ương và cơ sở, chẳng hạn thông qua các hệ thống hội nghị trực tuyến, báo cáo điện tử, hoặc các ứng dụng quản lý đảng viên, giúp nâng cao hiệu quả lãnh đạo và phản hồi nhanh chóng.

Phân tích cho thấy, vị trí và vai trò của Đảng bộ tỉnh không chỉ mang tính tổ chức mà còn thể hiện tính chiến lược trong việc đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển địa phương trong bối cảnh mới. Trong mối quan hệ với cấp Trung ương và cấp cơ sở, cấp tỉnh đóng vai trò kết nối giữa các định hướng chiến lược của Trung ương và thực tiễn tại cơ sở, tạo sự gắn kết trong hệ thống chính trị từ trên xuống dưới. Trong bối cảnh chuyển đổi số, vai trò này càng được củng cố thông qua việc tiên phong ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng cường quản lý số hóa, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo và phát triển địa phương bền vững.

2.1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng bộ tỉnh

**** Chức năng***

Chức năng của Đảng bộ tỉnh được quy định rõ trong Điều lệ Đảng và Quy định số 232-QĐ/TW và được cụ thể hoá tại Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương:

Cấp ủy cấp tỉnh là cấp ủy trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Cấp ủy cấp tỉnh có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện ở cấp tỉnh; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị cấp tỉnh và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương; lãnh đạo đảng bộ thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh; đề xuất, kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với địa phương.

Các chức năng này đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, dân chủ, đồng thời khuyến khích tính chủ động, sáng tạo của Đảng bộ tỉnh trong quản lý và điều hành.

** Nhiệm vụ*

Nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh được quy định chi tiết trong Điều lệ Đảng và Quy định số 232-QĐ/TW, tập trung vào lãnh đạo toàn diện và cụ thể hóa các mục tiêu của Đảng tại địa phương. Một là, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, quyết định các chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, và các vấn đề quan trọng của địa phương. Đảng bộ tỉnh định kỳ đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng, hằng năm và đề ra phương hướng cho giai đoạn tiếp theo. Hai là, công tác xây dựng Đảng, bao gồm quyết định các vấn đề về tổ chức, cán bộ, kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng, và chuẩn y nhân sự cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp dưới. Ba là, lãnh đạo công tác cán bộ, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư nhân sự các chức danh như Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời quản lý, phân công, bổ nhiệm cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Bốn là, công tác kiểm tra, giám sát, kiểm tra việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, và giải quyết khiếu nại, tố cáo, đặc biệt các vụ việc phức tạp được dư luận quan tâm. Năm là, lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể để phát huy vai trò đoàn kết nhân dân. Sáu là, quản lý tài chính, tài sản, quyết định các vấn đề liên quan đến tài chính, tài sản của đảng bộ theo quy định. Các nhiệm vụ này được xây dựng trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo tính khoa học và hiệu quả trong lãnh đạo.

Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy cấp tỉnh [9] bao gồm:

Cấp ủy cấp tỉnh có vai trò lãnh đạo toàn diện, cụ thể hóa các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh cũng như các nghị quyết của Trung ương. Quyền hạn của cấp ủy bao gồm việc quyết định chương trình làm việc, chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa

và hằng năm, cùng với quy chế làm việc của cấp ủy và Ủy ban kiểm tra. Dựa trên tính chất của từng lĩnh vực, cấp ủy ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ chính trị của đảng bộ. Cùng với đó, cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo việc sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của cấp ủy cấp tỉnh, đồng thời tổ chức thực hiện các mô hình mới theo chỉ đạo của cấp trên.

Về công tác xây dựng Đảng, cấp ủy cấp tỉnh lãnh đạo toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lý luận và tổng kết thực tiễn. Cấp ủy có trách nhiệm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, cũng như các biểu hiện "tự diễn biến," "tự chuyển hóa". Cấp ủy cũng thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Cấp ủy cấp tỉnh quyết định chủ trương, giải pháp về xây dựng, quản lý tổ chức bộ máy, biên chế thuộc thẩm quyền, đồng thời lãnh đạo việc đổi mới, kiện toàn tổ chức của hệ thống chính trị. Cấp ủy có quyền quyết định việc thành lập, sáp nhập, chia tách các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc. Hơn nữa, cấp ủy lãnh đạo, cho ý kiến về quy hoạch, điều chỉnh địa giới hành chính theo chủ trương của cấp trên và pháp luật. Công tác xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và chất lượng đội ngũ đảng viên cũng là một nhiệm vụ trọng tâm.

Trong công tác cán bộ, cấp ủy lãnh đạo toàn diện, quản lý đội ngũ cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ trong toàn hệ thống chính trị, đảm bảo đúng nguyên tắc và thẩm quyền. Cấp ủy báo cáo, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của cấp trên. Đồng thời, cấp ủy thảo luận, quyết định số lượng ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ủy ban kiểm tra và giới thiệu, đề nghị chỉ định các chức danh lãnh đạo chủ chốt của cấp tỉnh. Cấp ủy cũng lãnh đạo công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và Quốc hội tại địa phương.

Cấp ủy cấp tỉnh xác định phương hướng chỉ đạo đại hội đảng bộ các cấp, chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập đại hội đảng bộ cấp tỉnh. Cấp ủy thực hiện tự phê bình, phê bình, chất vấn và lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định, đồng thời cho ý kiến về kết quả kiểm điểm hằng năm của Ban Thường vụ.

Ngoài ra, cấp ủy lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, công tác nội chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Cấp ủy cũng chỉ đạo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các vấn đề đảng tịch.

Đối với công tác dân vận, cấp ủy lãnh đạo thực hiện tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo và dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết. Cấp ủy cũng chỉ đạo đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát, phản biện xã hội.

Cuối cùng, cấp ủy lãnh đạo chính quyền địa phương thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước, định hướng những vấn đề quan trọng do Hội đồng nhân dân quyết định. Cấp ủy xác định các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, các chương trình, dự án trọng điểm và cho chủ trương đối với những vấn đề chiến lược về kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh. Cấp ủy cũng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và quyết định các vấn đề liên quan đến tài chính, tài sản của cấp ủy. Mọi công việc khác do Ban Thường vụ trình hoặc do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao cũng đều thuộc quyền hạn và trách nhiệm của cấp ủy cấp tỉnh.

** Tổ chức bộ máy*

Tổ chức bộ máy của Đảng bộ tỉnh được xây dựng theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tinh gọn, hiệu quả và đã có những thay đổi đáng kể trong bối cảnh chuyển đổi chính quyền địa phương 2 cấp, bao gồm:

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh: Là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, họp thường lệ 5 năm một lần, có nhiệm vụ thảo luận văn kiện của cấp ủy cấp trên; đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ vừa qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới; bầu cấp ủy; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên. Khi cấp ủy xét thấy cần hoặc khi có trên một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội đại biểu bất thường.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Tỉnh ủy): cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ giữa 2 kỳ đại hội, báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, trước Trung ương và các tổ chức đảng cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện tự phê bình và phê bình.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy: do Hội nghị Tỉnh ủy bầu, lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của đại hội đại biểu, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cùng cấp và cấp trên; quyết định những vấn đề về chủ trương, tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của cấp ủy.

Thường trực Tỉnh ủy: gồm Bí thư, các Phó bí thư, chỉ đạo kiểm tra thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy, của Ban Thường vụ và cấp ủy cấp trên; giải quyết công việc hằng ngày của đảng bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Thường vụ.

Cấp ủy cấp tỉnh được thành lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp: Văn phòng, Ban Tổ chức, cơ quan Ủy ban kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính; Trường chính trị, cơ quan Báo và Phát thanh, truyền hình của đảng bộ tỉnh, thành phố. Biên chế cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp ủy cấp tỉnh thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, do Ban Thường vụ cấp ủy cấp tỉnh xem xét, quyết định trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

** Mọi quan hệ công tác*

Tỉnh ủy duy trì mối quan hệ chặt chẽ với nhiều cấp và cơ quan khác nhau để đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện và hiệu quả.

Với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, Tỉnh ủy luôn chấp hành nghiêm sự lãnh đạo, chỉ đạo, đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định. Đặc biệt, những vấn đề phức tạp, đột xuất như quốc phòng, an ninh, đối ngoại, dân tộc, tôn giáo hoặc những vấn đề vượt quá thẩm quyền đều phải kịp thời báo cáo và xin ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Đối với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Trung ương, tỉnh ủy tiếp nhận sự hướng dẫn, kiểm tra và giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ. Mọi quan hệ này đảm bảo công tác của Tỉnh ủy luôn tuân thủ đúng quy định và tiêu chuẩn của Trung ương.

Tỉnh ủy cũng thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các cấp ủy trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức khác và đặc biệt là với Đảng ủy quân khu, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng. Sự phối hợp này nhằm thực hiện hiệu quả các nghị quyết về công tác quốc phòng, quân sự địa phương, đồng thời giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác cán bộ và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Trong nội bộ, cấp ủy cấp tỉnh, mà trực tiếp là Ban Thường vụ, có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện đối với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và các đơn vị sự nghiệp. Cấp ủy thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ, kịp thời tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện để các đơn vị này chủ động, sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Ngược lại, các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan tham mưu, giúp việc chịu trách nhiệm trước cấp ủy và Ban Thường vụ cấp tỉnh về nhiệm vụ đã được giao, cũng như các quyết định của mình. Họ phải thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo và kịp thời giải quyết những

vấn đề nhạy cảm, phức tạp phát sinh trong phạm vi thẩm quyền. Cuối cùng, cấp ủy và Ban Thường vụ cấp tỉnh cũng lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức như Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo đúng quy chế làm việc.

Bối cảnh chuyển đổi số hiện nay đang đặt ra yêu cầu đổi mới toàn diện về phương thức lãnh đạo, quản lý và vận hành, việc Bộ Chính trị ban hành Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương đã thể hiện sự chủ động điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh mới - bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực hiệu quả của hệ thống chính trị.

2.1.2. Một số vấn đề cơ bản về năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh

Trong khoa học tổ chức và khoa học chính trị, năng lực của tổ chức thường được hiểu là tổng hòa những phẩm chất, nguồn lực và cơ chế vận hành cho phép tổ chức xác định đúng mục tiêu, lựa chọn phương thức hành động phù hợp, huy động và phối hợp các nguồn lực để đạt được mục tiêu đó trong một môi trường cụ thể. Năng lực tổ chức không chỉ nằm ở quy mô nguồn lực vật chất hay nhân sự, mà trước hết thể hiện ở khả năng nhận thức và xử lý thông tin, xây dựng chiến lược, thiết kế cấu trúc, ban hành và thực thi quyết định, duy trì kỷ luật nội bộ, học hỏi và tự điều chỉnh trước biến đổi của môi trường. Với Đảng chính trị, năng lực tổ chức được biểu hiện đặc thù ở khả năng hoạch định đường lối, chính sách đúng đắn; tổ chức lực lượng và hệ thống tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở; gắn kết, tập hợp quần chúng; chuyển hóa cương lĩnh, nghị quyết thành thể chế, chính sách và kết quả cụ thể trong đời sống kinh tế - xã hội; đồng thời giữ vững bản chất giai cấp, nền tảng tư tưởng và tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Phát triển năng lực tổ chức, năng lực của Đảng chính trị vì vậy không phải là hoạt động đơn lẻ, mà là quá trình lâu dài, có chủ đích, trong đó Đảng

thường xuyên tự soi, tự sửa, tự hoàn thiện mình cả về phương diện lý luận, tổ chức và phương thức lãnh đạo. Quá trình này bao gồm: nâng cao chất lượng xây dựng và thực thi đường lối; hoàn thiện mô hình tổ chức và cơ chế vận hành; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín; đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền phù hợp điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; tăng cường năng lực dự báo, phản ứng chính sách; củng cố mối quan hệ gắn bó với nhân dân và hệ thống chính trị. Khi năng lực tổ chức và năng lực của Đảng chính trị được phát triển đúng hướng, Đảng không chỉ duy trì được vai trò lãnh đạo, cầm quyền, mà còn nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, qua đó khẳng định tính chính đáng và khả năng dẫn dắt sự phát triển của xã hội trong từng giai đoạn lịch sử.

2.1.2.1. Khái niệm năng lực và năng lực lãnh đạo

- Khái niệm năng lực

Năng lực của một cá nhân là khả năng và phẩm chất của một người để thực hiện một công việc hoặc đạt được mục tiêu cụ thể. Năng lực bao gồm nhiều yếu tố như kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, và thái độ. Năng lực không phải là một đặc điểm tĩnh mà có thể được phát triển và nâng cao thông qua học tập, trải nghiệm và thực hành liên tục.

Năng lực của một tổ chức là khả năng của một tổ chức sử dụng hiệu quả các nguồn lực (nhân lực, tài chính, công nghệ, quy trình, hệ thống) để đạt được mục tiêu chiến lược và thực hiện sứ mệnh của mình. Nó là sự kết hợp, tích hợp và hệ thống hóa năng lực của nhiều cá nhân với phạm vi bao trùm khả năng vận hành, sức mạnh tập thể và ảnh hưởng toàn diện của tổ chức đối với môi trường bên ngoài.

Đối với Đảng bộ tỉnh, năng lực của tổ chức được thể hiện ở năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, có tính liên tục, được bảo tồn trong quy trình, văn hóa, tài liệu, không phụ thuộc vào một cá nhân nào.

- *Khái niệm lãnh đạo*

Lãnh đạo là quá trình định hướng, ảnh hưởng và quản lý con người để đạt được mục tiêu chung. Lãnh đạo không chỉ là ra quyết định mà còn bao gồm việc tổ chức, động viên và kiểm soát để đảm bảo hiệu quả hoạt động của tổ chức. Theo Đại từ điển Tiếng Việt: “Lãnh đạo”: I. Dẫn dắt tổ chức phong trào theo đường lối cụ thể: Lãnh đạo cuộc đấu tranh; II. Cơ quan lãnh đạo, bao gồm những người có khả năng tổ chức dẫn dắt phong trào: Chờ lãnh đạo cho ý kiến [90, tr.979].

Theo John P. Kotter, một chuyên gia hàng đầu về lãnh đạo, lãnh đạo được hiểu là "quá trình xác định phương hướng, tạo động lực và truyền cảm hứng để người khác cùng thực hiện mục tiêu chung" [48].

Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) cũng nhấn mạnh rằng lãnh đạo không chỉ là quyền lực hành chính mà còn là khả năng thích ứng, đổi mới và tạo động lực cho sự phát triển bền vững.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Lãnh đạo đúng nghĩa là: 1. Quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng...; 2. Tổ chức sự thi hành cho đúng...; Phải tổ chức sự kiểm soát...”[57, tr.325].

Theo Đảng Cộng sản Việt Nam, lãnh đạo là quá trình hoạch định đường lối, chính sách và tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo sự phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Lãnh đạo của Đảng không chỉ mang tính chiến lược mà còn bao gồm việc quản lý và điều phối toàn bộ hệ thống chính trị, huy động sự tham gia của các tổ chức và nhân dân vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo. Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường dân chủ

và kỷ luật trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc” [28].

- Khái niệm năng lực lãnh đạo

Năng lực là tập hợp tri thức, các kỹ năng và thái độ một cá nhân hoặc một tổ chức trong giải quyết các vấn đề, các nhiệm vụ đặt ra, nhằm đạt một mục tiêu nào đó.

Theo Đại từ điển Tiếng Việt: “Năng lực”: I. Những điều kiện đủ hoặc vốn có để làm một việc gì: Năng lực tư duy của con người; II. Khả năng để thực hiện tốt một công việc: Có năng lực chuyên môn, năng lực tổ chức [90, tr.1172].

Theo Từ điển tiếng Việt của Nhà xuất bản Đà Nẵng (1997): Năng lực¹: là khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó, ²: phẩm chất tâm lý, sinh lý tạo cho con người hoàn thành một hoạt động nào đó [88, tr.639].

Năng lực lãnh đạo là khả năng của một cá nhân hoặc tổ chức trong việc dẫn dắt, ảnh hưởng và định hướng người khác để đạt được mục tiêu chung. Theo bài viết của tác giả Linda Lambert, năng lực lãnh đạo được định nghĩa là khả năng dẫn dắt, ảnh hưởng và định hướng người khác bao gồm sự am hiểu chuyên môn, kỹ năng giao tiếp, tư duy chiến lược và khả năng thích ứng, năng lực lãnh đạo không chỉ dựa vào cá nhân mà còn cần sự phát triển thông qua đào tạo, kinh nghiệm thực tiễn và quá trình tự đánh giá nhằm góp phần xây dựng một nhà lãnh đạo hiệu quả, có thể dẫn dắt tổ chức vượt qua thách thức và đạt được thành công bền vững [50].

Sách “Tìm hiểu một số khái niệm trong văn kiện Đại hội IX của Đảng”, do Vũ Hữu Ngoạn chủ biên đưa ra quan niệm: Năng lực lãnh đạo của Đảng là “Khả năng đề ra được mục tiêu cách mạng đúng đắn, cơ bản, lâu dài, cũng như từng thời kỳ và bằng những phương thức, phương pháp đúng đắn tổ chức nhân dân, dân tộc thực hiện có hiệu quả” [59, tr.38]. Theo tác giả, nội dung năng lực lãnh đạo của Đảng bao gồm khả năng đề ra mục tiêu cách mạng và phương thức, phương pháp tổ chức thực hiện cách mạng.

Sách “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới”, do Lương Khắc Hiếu, Trương Ngọc Nam chủ biên, đưa ra quan niệm: “Năng lực lãnh đạo của Đảng là khả năng nhận thức, đánh giá, dự báo chính xác tình hình và xác định đường lối, nhiệm vụ chiến lược, sách lược đúng đắn, hợp quy luật khách quan để cách mạng phát triển và khả năng thuyết phục, tập hợp, động viên nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đã đặt ra; là khả năng chỉ đạo Nhà nước thực hiện đúng chức năng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhất là quản lý và phát triển kinh tế - xã hội theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Năng lực lãnh đạo của Đảng là những điều kiện cần và đủ để Đảng thực hiện vai trò, chức năng lãnh đạo của mình, thực hiện mục tiêu của đất nước là "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" [44].

Đối với Đảng Cộng sản, Sách 350 Thuật ngữ xây dựng Đảng xác định: “NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN: những điều kiện cần và đủ để Đảng có thể thực hiện có hiệu quả sự lãnh đạo của mình. Đó là khả năng xác định và cụ thể hóa Cương lĩnh, đường lối chính trị trên cơ sở nắm vững chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tình hình thế giới và đất nước; trình độ nhận thức và thực hành dân chủ; khả năng phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, động viên và tổ chức cho cán bộ đảng viên, nhân dân thực hiện thắng lợi cương lĩnh, đường lối chính trị; trình độ lãnh đạo, tổ chức, quản lý, xây dựng các tổ chức cách mạng của Đảng vững mạnh; khả năng kiểm tra,

giám sát, phát hiện và giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh trong quá lãnh đạo thực hiện cương lĩnh, đường lối chính trị và có phương pháp, kế hoạch sơ kết, tổng kết.

Nội dung năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản, gồm: năng lực xác định cương lĩnh, đường lối chính trị; năng lực tổ chức thực hiện cương lĩnh, đường lối chính trị, các nghị quyết của Đảng; đảm bảo cho cương lĩnh, đường lối chính trị, các nghị quyết của Đảng được thực hiện kịp thời và thắng lợi; được cán bộ, đảng viên chấp hành và tham gia thực hiện một cách chủ động, tích cực; xây dựng được chương trình hành động đúng đắn, cụ thể, lãnh đạo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Đảng; đồng thời phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên về mọi mặt, đặc biệt chú ý nâng cao trình độ nhận thức về Cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng; năng lực kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết đúc rút kinh nghiệm” [89, tr.329-330].

2.1.2.2. Khái niệm và nội dung năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh

Năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh bao gồm tri thức, kỹ năng và thái độ lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh. Thứ nhất: Tri thức lãnh đạo là sự hiểu biết khoa học lãnh đạo, về tình hình thế giới và trong nước, xu thế vận động của tình hình từ đó xây dựng tầm nhìn (đặt mục tiêu, xác định phương hướng và chương trình hành động đúng đắn). Trên cơ sở đó Đảng bộ ra các quyết định lãnh đạo (ra chủ trương, đường lối, nghị quyết...); Thứ hai: Kỹ năng lãnh đạo: Có năng lực hoạch định chủ trương đường lối nghị quyết nhanh chóng, kịp thời, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của tình hình thế giới, trong nước và địa phương; có kỹ năng tuyên truyền vận động, động viên, tổ chức đảng viên và nhân dân thực hiện và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, có phương thức lãnh đạo, khoa học, dân chủ hiệu quả. Thứ ba: ...Thái độ lãnh đạo: là toàn bộ hoạt động của Đảng bộ đều nhằm mục đích phát triển đất nước, phát triển địa

phương, phục vụ nhân dân. Hoạt động lãnh đạo phải vì hạnh phúc của nhân dân, không vì lợi ích nhóm, hay cá nhân, là người lãnh đạo và đầy tớ của nhân dân (đạo đức cách mạng).

Như vậy, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh thể hiện: (i) Qua việc xây dựng tầm nhìn chiến lược, các chủ trương phát triển địa phương, (ii) Qua việc tuyên truyền, động viên, đoàn kết đảng viên và nhân dân, tổ chức thực hiện các chủ trương đó, (iii) Thông qua việc thực hiện hiệu quả các phương thức lãnh đạo của Đảng, như ra các nghị quyết, quyết định, làm công tác tư tưởng và dân vận, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên, xây dựng bộ máy của hệ thống chính trị địa phương hiệu lực, hiệu quả, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân sự tốt vừa hồng, vừa chuyên, (iv) Qua việc thực hiện tốt vai trò kiểm tra, giám sát của bộ máy kiểm tra đảng và thực hiện sự giám sát của nhân dân, (v) Qua tính đúng đắn của mọi chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng bộ ở mục đích phát triển đất nước, phát triển địa phương, hiện thực hoá quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của nhân dân.

Nội dung năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh

Một là, năng lực xây dựng tầm nhìn chiến lược, các chủ trương phát triển địa phương.

Đây là năng lực cốt lõi và mang tính định hướng của Đảng bộ tỉnh. Nó thể hiện khả năng của Đảng bộ trong việc phân tích bối cảnh một cách toàn diện, từ các xu hướng vĩ mô của đất nước và thế giới đến những tiềm năng, thách thức cụ thể của địa phương. Dựa trên phân tích đó, Đảng bộ phải đưa ra một tầm nhìn dài hạn, xác định được mục tiêu phát triển then chốt cho tỉnh trong 5, 10 thậm chí 20 - 30 năm tới. Tầm nhìn này phải đủ sức thuyết phục và khả thi, làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân.

Các chủ trương phát triển địa phương chính là cụ thể hóa tầm nhìn chiến lược. Đó có thể là các nghị quyết về phát triển kinh tế xanh, bền vững,

xây dựng hạ tầng giao thông trọng điểm, hay các chính sách thu hút đầu tư chất lượng cao. Năng lực ở đây không chỉ là việc đề ra các chủ trương mà còn là sự nhạy bén, quyết đoán trong việc lựa chọn ưu tiên, tránh dàn trải nguồn lực, đảm bảo các chủ trương này thực sự phù hợp với điều kiện thực tế và có tính đột phá.

Hai là, năng lực truyền cảm hứng, tuyên truyền, đoàn kết đảng viên và nhân dân.

Sau khi có tầm nhìn và chủ trương, việc quan trọng tiếp theo là biến chúng thành hành động cụ thể. Năng lực này thể hiện qua khả năng của Đảng bộ trong việc thông tin, tuyên truyền một cách hiệu quả, giúp mọi đảng viên và người dân hiểu rõ về ý nghĩa, lợi ích của các chủ trương. Việc truyền cảm hứng không chỉ đơn thuần là truyền đạt thông tin mà còn là tạo ra sự đồng thuận, khơi dậy tinh thần tự hào, ý chí phấn đấu chung.

Năng lực này đặc biệt quan trọng trong việc đoàn kết đảng viên và nhân dân. Đảng bộ phải là trung tâm quy tụ, xóa bỏ mọi khoảng cách, tạo ra một khối đại đoàn kết thống nhất. Điều này đòi hỏi Đảng bộ phải luôn lắng nghe ý kiến của nhân dân, giải quyết kịp thời những bức xúc, từ đó củng cố lòng tin của dân với Đảng. Một khi có sự đồng lòng, mọi mục tiêu dù khó khăn đến đâu cũng có thể thực hiện được.

Ba là, năng lực tổ chức thực hiện các chủ trương thông qua các phương thức lãnh đạo của Đảng.

Năng lực này là khả năng biến tầm nhìn và các chủ trương thành hiện thực, được thể hiện thông qua nhiều phương thức lãnh đạo quan trọng. Đảng bộ tỉnh thực hiện điều đó bằng cách ban hành các nghị quyết, quyết định có tính khả thi cao, với lộ trình và trách nhiệm phân công rõ ràng. Cùng với đó, công tác tư tưởng và dân vận được đẩy mạnh để giáo dục, thuyết phục quần chúng nhân dân, tạo sự đồng thuận và hưởng ứng rộng rãi. Hơn nữa, Đảng bộ đặc biệt chú trọng việc phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của mỗi đảng

viên, biến họ thành những tấm gương sáng để tạo động lực cho xã hội. Để đảm bảo sự thành công, việc xây dựng một bộ máy chính trị địa phương hiệu lực, hiệu quả là vô cùng cần thiết, đi đôi với việc xây dựng một đội ngũ cán bộ, nhân sự vừa hồng, vừa chuyên. Cuối cùng, năng lực này còn bao gồm việc thực hiện tốt vai trò kiểm tra, giám sát của cả bộ máy kiểm tra Đảng và nhân dân, nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh sai sót, đảm bảo mọi chủ trương được triển khai đúng hướng, tránh mọi biểu hiện tiêu cực.

2.2. CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH

2.2.1. Những vấn đề chung về chuyển đổi số

2.2.1.1. Quan niệm về chuyển đổi số

Với những thành tựu quan trọng của công nghệ thông tin, cùng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội toàn cầu, Chuyển đổi số (Digital Transformation) trở thành một xu hướng tất yếu trong mọi hoạt động của con người. Chuyển đổi số đã tạo nên bước tiến mới, mang tính cách mạng, tác động tới mọi quá trình tạo lập và vận hành các hoạt động kinh tế và quản lý. Đặc biệt, dưới sức ép từ đại dịch Covid-19, đã buộc mọi tổ chức, cá nhân cho đến quốc gia phải thay đổi nhận thức và hành động cho các hoạt động không tiếp xúc, không giấy tờ, đa phương, đa chiều trên diện rộng, nhanh chóng bước sang quá trình chuyển đổi số một cách quyết liệt trên phạm vi toàn cầu. Chuyển đổi số đã giúp đẩy nhanh quá trình giao dịch, tăng tính chính xác, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thành viên trong xã hội cũng như cơ quan quản lý.

Ở Việt Nam, chuyển đổi số đang là một chiến lược, một nhiệm vụ mang tính sống còn đối với các cấp, các ngành, các địa phương và mọi tổ chức. Chính phủ quyết tâm đẩy nhanh tiến trình xây dựng Chính phủ số, phát triển kinh tế số, đặt nền móng cho con đường chuyển đổi số từ chính sách đến hành động. Hàng loạt chính sách quan trọng đã được ban hành, tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển đổi số ở Việt Nam.

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ số vào mọi mặt trong đời sống - xã hội và sản xuất, với kỳ vọng mang lại hiệu quả bao trùm lên tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Trong hoạt động kinh tế và quản lý, chuyển đổi số, dựa trên Big Data, Cloud, IoT và AI đã thay đổi tổng thể và toàn diện hoạt động kinh tế, kinh doanh, tài chính, kế toán cũng như nhân lực trong các lĩnh vực này. Đây cũng là những vấn đề được các tổ chức, các nhà quản lý, quản trị và các chuyên gia quan tâm, nhằm tìm ra những giải pháp hữu hiệu cho chuyển đổi số ở tầm vĩ mô và cả những vấn đề vi mô, tăng hiệu quả và giảm chi phí xã hội.

Theo Siebel (2019), chuyển đổi số là kết hợp của bốn công nghệ lõi bao gồm: điện toán đám mây, dữ liệu lớn, internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo [53].

Theo Moreira, chuyển đổi số là sự tích hợp của các tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại bao gồm: dữ liệu lớn, điện toán đám mây, kết nối di động và phương tiện truyền thông mạng xã hội để nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp [58].

Theo quan điểm của FPT, chuyển đổi số trong tổ chức, doanh nghiệp là quá trình thay đổi từ mô hình truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)... thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa công ty. Chuyển đổi số mang lại nhiều lợi ích như cắt giảm chi phí vận hành, tiếp cận được nhiều khách hàng hơn trong thời gian dài hơn, lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn nhờ hệ thống báo cáo thông suốt kịp thời. Qua đó, hiệu quả hoạt động và tính cạnh tranh của tổ chức, doanh nghiệp được nâng cao.

Trên thế giới, chuyển đổi số bắt đầu được nhắc đến nhiều vào khoảng năm 2015, phổ biến từ năm 2017. Ở Việt Nam, chuyển đổi số bắt đầu được nhắc đến nhiều vào khoảng năm 2018. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia vào ngày 03/6/2020. Chuyển đổi số là

bước phát triển tiếp theo của tin học hóa, có được nhờ sự tiến bộ vượt bậc của những công nghệ mới mang tính đột phá, nhất là công nghệ số.

Chuyển đổi số được đề cập đến rất nhiều nhưng lại khó có được một định nghĩa rõ ràng và chính xác về chuyển đổi số. Điều này là bởi chuyển đổi số mới chỉ được đề cập nhiều trong vài năm trở lại đây và quá trình áp dụng nó có sự khác biệt ở từng lĩnh vực khác nhau.

Theo Bộ Thông tin và Truyền thông: *chuyển đổi số là quá trình sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi tổng thể và toàn diện tất cả các khía cạnh của đời sống kinh tế - xã hội, của các cá nhân và tổ chức về cách sống, cách làm việc với các công nghệ số trên môi trường thực-số [21].*

Dữ liệu số được hiểu là những thông tin, ngôn ngữ, tín hiệu số để giao tiếp trên môi trường số, thay cho tiếng nói và chữ viết, biểu diễn dưới dạng tín hiệu nhị phân là 0 và 1. Công nghệ số là bước phát triển tiếp theo của công nghệ thông tin, là một trong các nhóm công nghệ chính của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với đại diện là các công nghệ điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligent - AI), Internet vạn vật (IOT), và chuỗi khối (Blockchain)....

Môi trường số là môi trường nhân tạo, được hình thành và phát triển nhờ cách mạng công nghiệp hiện đại - cách mạng chuyển xã hội tri thức sang xã hội thông minh. Cũng có người gọi môi trường số là môi trường mạng (Network Environment), mọi thông tin được cung cấp, truyền dẫn, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông qua hạ tầng công nghệ thông tin. Môi trường số trong thế giới hiện đại là một không gian công cộng rộng lớn có quy mô toàn cầu, được gọi là không gian mạng (Cyberspace), với cấu trúc đa dạng và phức tạp, các thành tố kết nối rất đặc biệt. Khái niệm không gian mạng còn dùng để chỉ mạng lưới toàn cầu của các cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, gồm các mạng viễn thông và hệ thống máy tính.

Chuyển đổi số là bước phát triển tiếp theo của tin học hóa, có được nhờ sự tiến bộ vượt bậc của những công nghệ mới mang tính đột phá, nhất là công nghệ số. Tin học hóa, hay còn gọi là ứng dụng công nghệ thông tin, là việc số hóa quy trình nghiệp vụ đã có. Thông thường, tin học hóa không làm thay đổi quy trình đã có hoặc mô hình hoạt động đã có. Khi tin học hóa ở mức cao, dẫn đến thay đổi quy trình hoặc thay đổi mô hình hoạt động, thì gọi là chuyển đổi số. Tin học hóa, hay ứng dụng công nghệ thông tin, là số hóa quy trình đã có, theo mô hình hoạt động đã có, để cung cấp dịch vụ đã có. Chuyển đổi số là số hóa toàn bộ cả một tổ chức. Chuyển đổi số là thay đổi quy trình mới, mô hình tổ chức mới, phương thức cung cấp dịch vụ hoặc cung cấp dịch vụ mới.

Quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện là thay đổi mọi bộ phận, mọi mặt, là sự sáng tạo phá hủy hoàn toàn những cái cũ, có thể ví như quá trình thay đổi từ con nhộng thành con bướm, khi con nhộng tự vận động, xé rách cái kén, thành con bướm bay lên, nó đã hoàn toàn là con bướm chứ không còn là con nhộng nữa. Ví dụ tiêu biểu cho quá trình này là sự ra đời của điện thoại thông minh đã thay đổi hoàn toàn cách thức liên lạc của người dân Việt Nam. Những chiếc điện thoại di động đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam đã làm giảm nhu cầu sử dụng điện thoại cố định của người dân, nhưng sau đó điện thoại thông minh với nhiều tính năng ra đời và trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống của chúng ta, cách mạng hóa hoàn toàn cách chúng ta giao tiếp, làm việc và giải trí, kéo theo đó là một loại đổi mới từ ứng dụng, băng thông,... Vừa qua, từ tháng 9/2024, Việt Nam đã chính thức tắt sóng 2G, các điện thoại 2G sẽ không còn thực hiện được các chức năng gọi điện, nhắn tin và truy cập internet, đặt ra yêu cầu bắt buộc đối với người dùng phải thay đổi cách thức sử dụng nếu không muốn bị gián đoạn liên lạc. Như vậy, với xu hướng tất yếu chuyển đổi số, thói quen liên lạc của người dân đã bị thay đổi một cách toàn diện.

Chúng ta có thể định nghĩa:

Chuyển đổi số (Digital Transformation): Là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số (như AI, Big Data, Cloud, IoT...). Chuyển đổi số là xu hướng tất yếu trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chuyển đổi số là quá trình khách quan, dù muốn hay không thì chuyển đổi số vẫn xảy ra đang diễn ra và ngày càng phát triển. Mỗi cá nhân, tổ chức có thể tham gia hoặc đứng ngoài quá trình đó. Nếu đứng ngoài, sẽ có khoảng cách lớn giữa các tổ chức, doanh nghiệp, lĩnh vực đã thực hiện và chưa thực hiện chuyển đổi số và khoảng cách đó sẽ dần được nới rộng theo cấp số nhân. Chuyển đổi số thay đổi từ tư duy, lối sống, văn hóa cho đến quy trình vận hành hệ thống kinh tế, hệ thống xã hội, hệ thống chính trị, nhằm tạo ra những giá trị mới hoặc tối ưu hóa những giá trị cũ mà trước đây các phương thức truyền thống không làm được.

2.2.1.2. Những nội dung cơ bản của chuyển đổi số

Để một cuộc chuyển đổi số thành công (dù là ở cấp độ doanh nghiệp hay quốc gia), thường cần tập trung vào các nội dung cốt lõi sau:

Hạ tầng số: Đây là "nền móng" của ngôi nhà. Nó bao gồm mạng 5G, internet cáp quang, hệ thống trung tâm dữ liệu (Data Center) và điện toán đám mây (Cloud) để đảm bảo mọi thứ luôn được kết nối.

Dữ liệu số: Trong kỷ nguyên này, dữ liệu được ví như "dầu mỏ" mới. Việc thu thập, lưu trữ, phân tích và chia sẻ dữ liệu một cách thông minh giúp đưa ra các quyết định chính xác thay vì chỉ dựa trên cảm tính.

Thể chế số: Công nghệ luôn đi trước nhưng chính sách, luật pháp cần theo kịp để bảo vệ quyền lợi người dùng, an toàn thông tin và tạo hành lang pháp lý cho các lĩnh vực hoạt động của cá nhân, các tổ chức và các mô hình tương tác mới.

Nhân lực số và Kỹ năng số: Máy móc dù thông minh đến đâu cũng cần con người vận hành. Nội dung này tập trung vào việc đào tạo chuyên gia công nghệ và phổ cập kỹ năng sử dụng công nghệ cho mọi tầng lớp nhân dân.

An toàn, an ninh mạng: Chuyển mọi thứ lên môi trường số đồng nghĩa với việc đổi mặt với tin tặc. Bảo mật thông tin là yếu tố sống còn để xây dựng niềm tin của người dùng trong quá trình chuyển đổi.

2.2.1.3. Nội dung chuyển đổi số tại Việt Nam

Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030, với mục tiêu sẽ trở thành quốc gia số, Việt Nam xác định “Mỗi cơ quan, tổ chức và cả quốc gia cần tận dụng tối đa cơ hội để phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, trong đó, việc xác định sớm lộ trình và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương có ý nghĩa sống còn, là cơ hội để phát triển các ngành, lĩnh vực, địa phương và nâng cao thứ hạng quốc gia. Đi nhanh, đi trước giúp dễ thu hút nguồn lực. Nếu đi chậm, đi sau, khi chuyển đổi số đã trở thành xu hướng phổ biến thì nguồn lực trở nên khan hiếm, cơ hội sẽ ít đi, sẽ bỏ lỡ cơ hội phát triển” [65] và “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia có tính động, mở, bao trùm, tạo nền móng, làm cơ sở xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội... Các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp phải coi chuyển đổi số quốc gia là một nhiệm vụ quan trọng trong chỉ đạo, điều hành và căn cứ tình hình cụ thể của từng bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp để quyết định xây dựng đề án, chương trình, chiến lược, kế hoạch lồng ghép nội dung về chuyển đổi số trong hoạt động của mình” [65].

Ở Việt Nam, chuyển đổi số quốc gia là quá trình chuyển đổi số ở quy mô rộng lớn, tác động đến mọi mặt của đất nước. Chương trình chuyển đổi số quốc gia được xác định dựa trên 3 trụ cột chính:

- *Chính phủ số*: Chuyển đổi cách vận hành của bộ máy nhà nước, giúp dịch vụ công trở nên nhanh chóng, minh bạch và giảm bớt thủ tục rườm rà cho người dân. Chính phủ số là hệ thống quản lý và hoạt động hoàn toàn trên nền tảng số, sử dụng dữ liệu và công nghệ để tối ưu hóa quy trình làm việc,

cung cấp dịch vụ nhanh chóng và hiệu quả hơn. Vai trò của Chính phủ số là sẽ giúp hiểu rõ nhu cầu của người dân thông qua dữ liệu số, từ đó cung cấp dịch vụ tốt hơn và chăm sóc người dân hiệu quả hơn.

- *Nền kinh tế số*: Sử dụng công nghệ để tạo ra các mô hình sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ mới, trực tuyến, tăng năng suất lao động và đóng góp tỷ trọng cao vào GDP (ví dụ: thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt). giúp tối ưu hóa nguồn lực và tăng cường hiệu quả kinh doanh. Kinh tế số sử dụng các nền tảng và giải pháp công nghệ số để đảm bảo vai trò nâng cao hiệu quả kinh tế, tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và thúc đẩy sự phát triển kinh tế trên địa bàn.

- *Xã hội số*: Người dân có kỹ năng số, hình thành văn hóa số và được thụ hưởng các dịch vụ y tế, giáo dục, giải trí chất lượng cao thông qua môi trường mạng. Xã hội số là một xã hội hiện đại, nơi mà công nghệ số được tích hợp vào mọi khía cạnh của cuộc sống, thay đổi cách chúng ta học tập, làm việc, giao tiếp, mua sắm và giải trí, tạo nên công dân số và văn hóa số. Xã hội số đóng vai trò giúp thay đổi cấu trúc xã hội một cách sâu rộng, thúc đẩy sự phát triển bền vững thông qua việc tận dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả của mọi hoạt động. Đối với cấp tỉnh, chuyển đổi số quốc gia là một quá trình toàn diện, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, và Chính phủ số, phù hợp với đặc thù địa phương. Theo Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ba trụ cột (đã nói ở trên) và 6 nội dung cốt lõi. Sáu nội dung cốt lõi này bao gồm:

Khung chuẩn hiện hành xác định sáu nội dung cốt lõi - hay còn gọi là yếu tố khách quan - làm nền tảng cho chuyển đổi số ở địa phương, được xây dựng dựa trên các văn bản chỉ đạo của Trung ương như Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Những nội dung này mang tính khách quan vì chúng được quy định thống nhất trên toàn quốc, không phụ thuộc vào điều kiện chủ quan của từng địa phương mà phải được triển khai đồng bộ, đo lường qua Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hàng năm. Chúng tạo thành hệ thống hữu cơ, trong đó mỗi nội dung hỗ trợ và bổ trợ lẫn nhau, đảm bảo chuyển đổi số địa phương không chỉ dừng ở mức ứng dụng bề mặt mà đạt đến sự chuyển đổi căn bản, góp phần thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Một là, phát triển hạ tầng số.

Đây được coi là nền tảng vật chất cho toàn bộ quá trình chuyển đổi số. Theo Quyết định 749/QĐ-TTg, hạ tầng số bao gồm mạng lưới băng rộng cáp quang phủ sóng 100% hộ gia đình, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đến cấp xã; triển khai mạng 5G tại các trung tâm đô thị và khu công nghiệp; xây dựng các trung tâm dữ liệu (data center) cấp tỉnh và hệ thống điện toán đám mây (cloud computing) để hỗ trợ lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn. Tại địa phương, việc tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin từ mô hình truyền thống sang hạ tầng số không chỉ đảm bảo tính kết nối liên thông từ tỉnh đến xã mà còn tạo điều kiện cho các ứng dụng số hoạt động mượt mà, giảm chi phí vận hành và tăng khả năng mở rộng. Ví dụ, các tỉnh như Bình Dương hay Đồng Nai (trước sáp nhập) đã đầu tư hạ tầng IoT (Internet of Things) cho đô thị thông minh, giúp giám sát giao thông thời gian thực và quản lý môi trường hiệu quả hơn. Nếu thiếu hạ tầng số vững chắc, chuyển đổi số sẽ gặp rào cản lớn về tốc độ và độ tin cậy, dẫn đến tình trạng "nửa vời" trong triển khai, như đã chỉ ra trong báo cáo đánh giá DTI năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Do đó, địa phương cần ưu tiên nguồn lực từ ngân sách nhà nước và hợp tác công - tư

để đạt mục tiêu phủ sóng 5G toàn tỉnh vào năm 2025, góp phần nâng cao chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

Hai là, dữ liệu số.

Dữ liệu số được xác định là "năng lượng của thời đại số" theo các chiến lược quốc gia. Quyết định 942/QĐ-TTg nhấn mạnh việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp làm dữ liệu trụ cột, yêu cầu địa phương hoàn thành số hóa và kết nối với hệ thống trung ương để hình thành hồ sơ số điện tử cho mọi công dân và tổ chức. Ở cấp tỉnh, dữ liệu số không chỉ dừng ở việc thu thập mà còn tập trung vào chia sẻ dữ liệu an toàn qua nền tảng dùng chung, theo Nghị định 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước. Điều này cho phép địa phương khai thác dữ liệu lớn (big data) để hỗ trợ ra quyết định, như phân tích xu hướng kinh tế địa phương hoặc dự báo dịch bệnh. Chẳng hạn, Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai cơ sở dữ liệu đất đai số hóa 100%, giúp giảm thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hàng tháng xuống chỉ vài ngày. Tuy nhiên, thách thức lớn là chất lượng dữ liệu và tính đồng bộ, đòi hỏi địa phương phải đầu tư công nghệ blockchain để đảm bảo tính toàn vẹn và minh bạch. Việc ưu tiên dữ liệu số giúp địa phương thực hiện nguyên tắc "dữ liệu dẫn dắt chuyển đổi", như nêu trong Nghị quyết 52-NQ/TW, từ đó thúc đẩy sự phát triển đồng đều giữa các trụ cột chuyển đổi số.

Ba là, ứng dụng và nền tảng số.

Nội dung này tập trung vào việc phát triển các giải pháp công nghệ cụ thể để phục vụ người dân, doanh nghiệp và chính quyền. Theo Quyết định 749/QĐ-TTg, địa phương phải xây dựng Cổng dịch vụ công cấp tỉnh kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đạt 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3-4 vào năm 2025, đồng thời thúc đẩy ứng dụng số trong kinh tế như thương mại điện tử, du lịch số và nông nghiệp thông minh. Các nền tảng số như Zalo OA cho cơ quan hành chính hoặc ứng dụng quản lý đô thị thông minh (smart

city) là công cụ then chốt, giúp số hóa quy trình vận hành từ thủ tục hành chính đến giám sát môi trường. Tại các tỉnh miền núi như Lào Cai, Sơn La... ứng dụng số đã hỗ trợ nông dân truy cập thị trường qua nền tảng thương mại điện tử, tăng thu nhập 20-30% theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn năm 2024. Việc triển khai cần ưu tiên nghiên cứu công nghệ cốt lõi như AI và VR/AR để tạo bứt phá, tránh sao chép máy móc mà phải tùy chỉnh theo đặc thù địa phương. Ứng dụng số không chỉ nâng cao hiệu quả mà còn tăng tính tương tác, góp phần xây dựng xã hội số minh bạch và tiện lợi.

Bốn là, nhân lực số.

Nhân lực số là yếu tố quyết định sự thành bại của chuyển đổi số, nhấn mạnh việc nâng cao kỹ năng số cho toàn xã hội. Quyết định 749/QĐ-TTg yêu cầu đào tạo ít nhất 1.000 chuyên gia chuyển đổi số cho mỗi địa phương, tập trung vào cán bộ công chức, doanh nghiệp và người dân, với chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản cho 70% lực lượng lao động đến năm 2025. Ở cấp tỉnh, điều này bao gồm chuyển đổi nhận thức về văn hóa số, tổ chức các khóa học trực tuyến và hợp tác với doanh nghiệp công nghệ để phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao. Theo Chiến lược phát triển nhân lực số quốc gia, địa phương phải xây dựng đội ngũ "người lái tàu" chuyển đổi số, như các chuyên gia AI tại Đà Nẵng, đã hỗ trợ triển khai chính quyền số hiệu quả. Thách thức là khoảng cách số giữa đô thị và nông thôn, đòi hỏi các chương trình đào tạo di động và hỗ trợ thiết bị cho nhóm yếu thế. Nhân lực số không chỉ là kỹ thuật mà còn là sự thay đổi tư duy, giúp địa phương vượt qua rào cản "sợ thay đổi" và thúc đẩy sáng tạo.

Năm là, an toàn và an ninh mạng.

Nội dung này là "lá chắn" bảo vệ toàn bộ hệ thống chuyển đổi số. Luật An toàn thông tin mạng 2015 và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2023 quy định địa phương phải xây dựng Trung tâm giám sát an ninh mạng (SOC) cấp tỉnh, thực hiện ứng phó sự cố và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo tiêu chuẩn quốc tế.

Quyết định 942/QĐ-TTg nhấn mạnh việc ưu tiên nguồn lực cho an ninh mạng trong hạ tầng số, tránh rủi ro như tấn công DDoS hoặc rò rỉ dữ liệu. Tại địa phương, việc triển khai đã giúp giảm 40% sự cố mạng theo báo cáo của Cục An toàn thông tin năm 2024 nhưng vẫn cần tăng cường hợp tác quốc tế và đào tạo chuyên sâu. An ninh mạng đảm bảo tính bền vững, ngăn chặn các mối đe dọa từ không gian mạng, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số tăng tốc.

Sáu là, thể chế và chính sách.

Thể chế và chính sách đóng vai trò "bộ khung pháp lý" dẫn dắt chuyển đổi số. Nghị quyết 52-NQ/TW yêu cầu địa phương xây dựng chiến lược CDS riêng, ban hành cơ chế ưu đãi cho doanh nghiệp số và sửa đổi quy định để "thể chế đi trước một bước". Quyết định 749/QĐ-TTg hướng dẫn địa phương lập kế hoạch hàng năm, tích hợp chuyển đổi số vào nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội. Các tỉnh như Quảng Ninh đã áp dụng chính sách đặc thù, thu hút đầu tư công nghệ cao, góp phần tăng GDP số lên 20%. Thể chế phải đảm bảo tính đồng bộ với quốc gia, loại bỏ rào cản hành chính và khuyến khích đổi mới.

Sáu nội dung cốt lõi này tạo thành hệ thống khép kín, hỗ trợ địa phương thực hiện chuyển đổi số toàn diện, góp phần vào mục tiêu kinh tế số chiếm 30% GDP quốc gia năm 2030 theo Nghị quyết 57-NQ/TW. Việc triển khai đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng, với đánh giá định kỳ qua DTI để điều chỉnh kịp thời. Chỉ khi sáu yếu tố khách quan này được ưu tiên đồng đều, chuyển đổi số địa phương mới thực sự trở thành động lực phát triển bền vững, đưa Việt Nam vươn lên nhóm dẫn đầu khu vực về chính phủ điện tử và kinh tế số.

2.2.2. Yêu cầu đặt ra đối với năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong bối cảnh chuyển đổi số, năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh không chỉ là một yêu cầu mang tính chiến lược mà còn là yếu tố quyết định sự thành bại của quá trình phát triển địa phương. Chuyển đổi số đã tác động sâu

sắc đến cách thức đảng bộ tỉnh phải làm việc và tư duy. Nếu trước đây, việc lãnh đạo chủ yếu dựa trên kinh nghiệm và các phương pháp truyền thống, thì nay, nó đòi hỏi phải có tư duy số, khả năng phân tích dữ liệu lớn để đưa ra những quyết sách chính xác và kịp thời. Đồng thời, năng lực truyền cảm hứng cũng phải được nâng cao, không chỉ qua các buổi hội nghị mà còn qua các nền tảng số, tạo sự đồng thuận và đoàn kết rộng rãi trong toàn xã hội. Chính sự thay đổi này đã tạo ra áp lực đổi mới mạnh mẽ, buộc đảng bộ phải liên tục học hỏi, cập nhật kiến thức để luôn đi trước, dẫn dắt và định hướng thành công cho sự phát triển của tỉnh trong kỷ nguyên số. Trong bối cảnh chuyển đổi số, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh phải đáp ứng các yêu cầu mới để đảm bảo vai trò hạt nhân, định hướng và thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số và Chính phủ số tại địa phương. Chuyển đổi số không chỉ là xu hướng công nghệ mà còn là động lực đổi mới toàn diện, đòi hỏi đảng bộ tỉnh nâng cao khả năng xây dựng tầm nhìn, truyền cảm hứng, và tổ chức thực hiện hiệu quả, phù hợp.

2.2.2.1. Yêu cầu đối với chủ thể lãnh đạo

Chủ thể lãnh đạo của đảng bộ tỉnh, bao gồm Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy phải đáp ứng các yêu cầu cao về phẩm chất, năng lực, và nhận thức trong bối cảnh chuyển đổi số. Trong bối cảnh chuyển đổi số, các chủ thể lãnh đạo trên đặc biệt là Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh (thay mặt Đại hội Đảng bộ tỉnh giữa 2 nhiệm kỳ để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng bộ) không chỉ cần có tư duy chiến lược mà còn phải trang bị tri thức về công nghệ, dữ liệu, an toàn thông tin và quản trị số. Lãnh đạo cần có khả năng ra quyết định dựa trên dữ liệu (data-driven decision-making), sử dụng các công cụ kỹ thuật số để phân tích, dự báo và hoạch định chính sách. Ngoài ra, năng lực lãnh đạo trong môi trường số còn yêu cầu khả năng thích ứng nhanh, sáng tạo và đổi mới trong phương thức lãnh đạo, chỉ đạo.

Đối với chủ thể lãnh đạo, tác động của chuyển đổi số và việc ứng dụng công nghệ số trong tất cả các nội dung và phương thức lãnh đạo như chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra, giám sát là một yêu cầu cao, phức tạp và thay đổi về chất trong hoạt động lãnh đạo. Điều này đòi hỏi đảng bộ phải có nỗ lực rất lớn, mang tính cách mạng mới có thể đáp ứng được yêu cầu của công cuộc chuyển đổi số quốc gia.

2.2.2.2. Yêu cầu đối với đối tượng lãnh đạo

Đối tượng lãnh đạo của đảng bộ tỉnh bao gồm các tổ chức đảng trực thuộc, cán bộ, đảng viên, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và toàn thể nhân dân tại địa phương. Chuyển đổi số làm thay đổi tư duy, thói quen làm việc và phương thức giao tiếp của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Các đối tượng lãnh đạo ngày càng tiếp cận với công nghệ, sử dụng nền tảng số để bày tỏ quan điểm, giám sát và tham gia vào quá trình quản lý, điều hành. Điều này đòi hỏi đảng bộ tỉnh phải đổi mới cách thức tiếp cận, nâng cao hiệu quả truyền thông chính trị, tăng cường sự tương tác và minh bạch trong hoạt động lãnh đạo, điều hành. Để có những “đảng viên số”, “công dân số”, đảng bộ phải tổ chức thực hiện phong trào "Bình dân học vụ số" trên phạm vi toàn tỉnh theo Kế hoạch 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm phổ cập kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân, không chỉ đơn thuần là xóa mù chữ về công nghệ mà mục tiêu cao hơn là xây dựng một đội ngũ công dân số có kiến thức, kỹ năng và thái độ đúng đắn, để tham gia tích cực vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh và quốc gia [16].

2.2.2.3. Yêu cầu về nội dung lãnh đạo

Nội dung lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số phải toàn diện, bao quát các lĩnh vực kinh tế, xã hội, và quản lý nhà nước. Trong bối cảnh chuyển đổi số, nội dung lãnh đạo không chỉ giới hạn trong quản lý hành chính - chính trị truyền thống mà còn phải mở rộng sang quản trị số,

phát triển kinh tế số, xây dựng chính quyền số và xã hội số. Lãnh đạo cần đặt trọng tâm vào xây dựng hạ tầng số, chuyển đổi mô hình kinh tế - xã hội theo hướng số hóa, đồng thời đảm bảo an toàn, an ninh mạng, phòng chống tội phạm công nghệ cao.

2.2.2.4. Yêu cầu về phương thức lãnh đạo

Phương thức lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số cần đổi mới để đảm bảo tính khoa học, dân chủ, và hiệu quả. Cần ứng dụng công nghệ số trong lãnh đạo, sử dụng các nền tảng họp trực tuyến, quản lý công việc số, và phân tích dữ liệu để ra quyết định nhanh chóng, chính xác. Tăng cường tính dân chủ và minh bạch, công khai tiến độ chuyển đổi số trên các cổng thông tin điện tử, tạo điều kiện để người dân giám sát và phản hồi. Phối hợp liên ngành và liên cấp, đảm bảo sự hợp tác giữa các sở, ngành, và tích hợp với các hệ thống quốc gia, như Trục liên thông văn bản quốc gia. Giám sát và kiểm tra thường xuyên, sử dụng công nghệ để theo dõi tiến độ thực hiện nghị quyết, phát hiện và xử lý kịp thời các sai phạm, đặc biệt trong quản trị dữ liệu và an ninh mạng.

2.3. KHÁI NIỆM, NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

2.3.1. Khái niệm phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số

- Khái niệm phát triển

Phát triển là một quá trình biến đổi về chất, phản ánh sự chuyên hóa từ trạng thái chất lượng cũ sang trạng thái chất lượng mới, từ đơn giản đến phức tạp, từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn.

Theo Từ điển tiếng Việt của Nhà xuất bản Đà Nẵng (1997): Phát triển là “Biến đổi hoặc làm cho biến đổi từ ít đến nhiều, hẹp đến rộng, thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp” [88, tr.769].

Định nghĩa phát triển: Là quá trình biến đổi từ chất lượng cũ sang chất lượng mới, từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, phát triển là phạm trù triết học chỉ sự vận động theo khuynh hướng đi lên, từ thấp đến cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của mọi sự vật, hiện tượng, quá trình trong thế giới, từ vô cơ đến hữu cơ, từ vật chất đến tinh thần [45]. Phương thức của phát triển là cuộc đấu tranh giữa các mặt đối lập, là quá trình giải quyết mâu thuẫn của sự vật. Đó là quá trình cái cũ, cái lạc hậu sẽ được thay thế bằng cái mới, cái tiến bộ thông qua con đường phủ định biện chứng, tạo ra khuynh hướng phát triển tất yếu ngày một tiến bộ và hoàn thiện hơn. Phát triển bao giờ cũng từ thấp đến cao, từ ít đến nhiều, từ yếu đến mạnh, bao hàm trong đó một số giai đoạn phát triển có cả đường cong, đường dốc dốc, vừa liên tục vừa đứt đoạn, vừa có tính phổ biến vừa mang tính đặc thù. Đó là một quá trình tích lũy và chuyển hóa không ngừng giữa lượng và chất, thông qua sự đấu tranh giữa các mặt đối lập theo con đường phủ định của phủ định. Nó bao hàm cả những bước tiệm tiến và cả những bước nhảy vọt.

Như vậy, phát triển không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về số lượng hay mở rộng quy mô mà là một quá trình vận động có định hướng từ thấp đến cao, mang tính quy luật, mà quan trọng hơn, phát triển phản ánh sự tiến bộ về chất và hoàn thiện của sự vật, hiện tượng trong xã hội và tự nhiên. Đây là yêu cầu mới trong phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng nói chung, của đảng bộ tỉnh nói riêng, phù hợp với đòi hỏi của kỷ nguyên số - sự thay đổi về chất. Trong phạm vi luận án đưa ra Khái niệm phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh như sau:

- Khái niệm về phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh

Phát triển năng lực lãnh đạo là quá trình phát triển từ chất lượng cũ, sang chất lượng mới, từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện các

tri thức, kỹ năng và thái độ lãnh đạo, nhằm định hướng, dẫn dắt, truyền cảm hứng và tạo động lực đến đối tượng lãnh đạo (những người đi theo) một cách hiệu quả.

Phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh là quá trình biến đổi về chất từ năng lực lãnh đạo cũ sang năng lực lãnh đạo mới, phức tạp hơn, với trình độ cao hơn, hoàn thiện hơn của đảng bộ trong việc thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo của mình, nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của địa phương và đất nước trong bối cảnh mới

Phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh là *các hoạt động tác động đến* (i) Quan điểm, cách tiếp cận, thái độ, quyết tâm chính trị của đảng bộ đối với vai trò lãnh đạo của đảng bộ trong bối cảnh chuyển đổi số của đất nước và địa phương đang đặt ra; (ii) Nâng cao, hoàn thiện nhận thức về chức năng, vai trò, nhiệm vụ lãnh đạo của đảng bộ trong bối cảnh mới; (iii) Hoàn thiện các kỹ năng hoạch định chủ trương, đường lối; tuyên truyền vận động, tổ chức đảng viên và quần chúng; kỹ năng công tác tổ chức, vận hành bộ máy, kỹ năng phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, sử dụng đội ngũ cán bộ đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ; kỹ năng kiểm tra giám sát quá trình lãnh đạo của các tổ chức đảng và đảng viên trong thực hiện sứ mệnh và nhiệm vụ của mình.

Phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ cấp tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số là quá trình tác động có mục tiêu, có tổ chức và có định hướng nhằm nâng cao toàn diện tri thức, kỹ năng và thái độ lãnh đạo của đảng bộ cấp tỉnh; qua đó làm cho năng lực lãnh đạo của đảng bộ chuyển biến về chất, từ trình độ thấp lên trình độ cao hơn, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Quá trình này nhằm bảo đảm để đảng bộ cấp tỉnh thực hiện ngày càng hiệu quả vai trò lãnh đạo đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, bảo đảm quốc phòng - an ninh của địa phương trong điều kiện chuyển đổi số quốc gia và chuyển đổi số ở địa phương đang diễn ra sâu rộng.

Về cơ sở chính trị - tư tưởng, nội dung này xuất phát từ nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là yêu cầu không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo để đáp ứng sự vận động của thực tiễn. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo” [56, tr.168]; “Đảng có vững cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy” [55, tr.289]. Kế thừa tư tưởng của Người, Đảng ta nhất quán quan điểm rằng đổi mới, chỉnh đốn Đảng là quy luật, là nhiệm vụ thường xuyên của các tổ chức đảng. Tính từ Đại hội VI của Đảng đến nay, không có nhiệm kỳ nào Trung ương Đảng không có nghị quyết về xây dựng Đảng, về đổi mới, chỉnh đốn Đảng, trong đó có 2 cuộc vận động lớn: Cuộc vận động “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng”(Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII) và Cuộc vận động “Học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” (Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 07-11-2006 của Bộ Chính trị khóa X). Từ Đại hội lần thứ XII của Đảng đến nay, quan điểm xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt tiếp tục được khẳng định nhất quán. Đại hội XIV của Đảng khẳng định: “Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện, văn minh là điều kiện quyết định mọi thắng lợi. Phải nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng”.

Về cơ sở pháp lý, chuyên đổi số gắn với các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước như Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Về cơ sở khoa học, phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số phản ánh xu thế tất yếu của quản trị hiện đại, trong đó dữ liệu, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành nguồn lực quan trọng nâng cao chất lượng lãnh đạo của đảng bộ cấp tỉnh.

Phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ cấp tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số không chỉ là sự gia tăng đơn thuần về kỹ năng sử dụng công

nghệ số, mà là sự nâng cao đồng bộ bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, phương pháp lãnh đạo, năng lực tổ chức thực tiễn và khả năng thích ứng, đổi mới sáng tạo của đảng bộ trước những yêu cầu mới do chuyển đổi số đặt ra.

Mục tiêu của phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ cấp tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số là nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo toàn diện của đảng bộ đối với địa phương, bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời và phù hợp trước những biến đổi nhanh chóng của môi trường kinh tế - xã hội số. Thông qua đó, đảng bộ cấp tỉnh có đủ năng lực để xây dựng tầm nhìn chiến lược, ban hành chủ trương, nghị quyết đúng đắn; tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển; đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Chủ thể của quá trình phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số là đảng bộ cấp tỉnh, bao gồm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, các tổ chức đảng trực thuộc và đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của tỉnh. Trong đó, Đảng bộ vừa là chủ thể lãnh đạo, vừa là chủ thể tự phát triển năng lực lãnh đạo, thông qua việc chủ động đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị trong điều kiện mới.

Về nội dung, phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ cấp tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số được thực hiện thông qua việc nâng cao đồng bộ các năng lực lãnh đạo cốt lõi của đảng bộ, gắn với toàn bộ quá trình lãnh đạo từ hoạch định chủ trương, nghị quyết; tổ chức tuyên truyền, vận động; xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, đảng viên; đến tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương trong điều kiện mới. Các nội dung này được triển khai theo hướng thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, hiệu lực và hiệu quả của đảng bộ cấp tỉnh.

Về phương thức, phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ cấp tỉnh được thực hiện thông qua chính các phương thức lãnh đạo của Đảng, như ban

hành và tổ chức thực hiện nghị quyết, làm công tác tư tưởng và dân vận, công tác tổ chức - cán bộ, cũng như hoạt động kiểm tra, giám sát; đồng thời từng bước đổi mới các phương thức đó theo hướng phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số của đất nước và địa phương.

Phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ cấp tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số đòi hỏi phải có các điều kiện bảo đảm, bao gồm: sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Trung ương; thể chế, cơ chế, chính sách phù hợp; bộ máy tổ chức tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn và năng lực số đáp ứng yêu cầu; cùng với hạ tầng công nghệ, dữ liệu và nền tảng số phục vụ hoạt động lãnh đạo của đảng bộ.

2.3.2. Nội dung phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số

2.3.2.1. Phát triển năng lực hoạch định nghị quyết, chủ trương và tuyên truyền vận động nhân dân của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc phát triển năng lực hoạch định nghị quyết, chủ trương và tuyên truyền vận động nhân dân của đảng bộ tỉnh là nội dung đầu tiên, mang tính nền tảng, quyết định thành công của mọi hoạt động chuyển đổi số. Đây không phải là một sự ngẫu nhiên mà là một logic tất yếu xuất phát từ vai trò tiên phong, định hướng của Đảng.

Năng lực lãnh đạo chính trị, thể hiện ở khả năng hoạch định nghị quyết, là kim chỉ nam cho toàn bộ quá trình chuyển đổi số. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh là văn bản hàng đầu, có ý nghĩa quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo của đảng bộ tỉnh, trong đó đề ra các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong nhiệm kỳ của toàn đảng bộ. Căn cứ vào nội dung, tính chất của từng lĩnh vực, cấp uỷ cấp tỉnh ra nghị quyết hoặc kết luận để lãnh đạo. Những văn bản này là cơ sở, căn cứ, tiền đề để đảng bộ tỉnh lãnh

đạo tổ chức thực hiện, chính quyền cụ thể hoá, tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Bởi vậy, năng lực lãnh đạo chính trị của đảng bộ tỉnh, đặc biệt trong việc hoạch định nghị quyết của đảng bộ và tuyên truyền, vận động nhân dân, cần được phát triển để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số, là nội dung nền tảng trong phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh.

Trước đây, các nghị quyết thường được xây dựng dựa trên báo cáo tổng hợp, dữ liệu thủ công và kinh nghiệm chủ quan. Tuy nhiên, trong bối cảnh chuyển đổi số, phương thức này không còn phù hợp. Đảng bộ tỉnh cần phải phát triển một năng lực hoạch định nghị quyết hoàn toàn mới, dựa trên việc khai thác sức mạnh của dữ liệu số. Cụ thể, các quyết sách không thể chỉ dựa vào một vài chỉ số kinh tế truyền thống mà phải được hỗ trợ bởi hệ thống phân tích dữ liệu lớn (Big Data), từ đó đưa ra những dự báo chính xác về xu hướng phát triển của các ngành công nghiệp số, nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Chẳng hạn, để xây dựng nghị quyết về phát triển du lịch thông minh, Đảng bộ cần phân tích dữ liệu về hành vi của du khách trên các nền tảng số, mức độ tương tác với các điểm đến, từ đó đưa ra các chính sách thu hút khách du lịch phù hợp hơn, thay vì chỉ dựa vào các cuộc khảo sát truyền thống. Điều này cho thấy, năng lực lãnh đạo chính trị trong kỷ nguyên số không chỉ là khả năng tư duy mà còn là khả năng làm chủ và sử dụng công cụ số để nâng cao chất lượng của các quyết sách. Trong bối cảnh chuyển đổi số, các văn bản này cần phản ánh tư duy đổi mới, ứng dụng công nghệ số để thu thập, chia sẻ dữ liệu trong nắm tình hình, nhu cầu chính trị, nguyện vọng, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các cộng đồng dân cư, các nhóm xã hội... nâng cao hiệu quả lãnh đạo, khả năng tương tác với nhân dân, mang tính khả thi cao và đáp ứng yêu cầu của thời đại số.

Bên cạnh đó, việc hoạch định nghị quyết còn liên quan chặt chẽ đến năng lực thể chế. Chuyển đổi số đòi hỏi sự ra đời của những chính sách mới, đột phá để khuyến khích sự đổi mới sáng tạo, thu hút đầu tư vào các lĩnh vực

công nghệ cao, hay đơn giản là tạo ra một hành lang pháp lý an toàn cho việc sử dụng dữ liệu. Nếu Đảng bộ không có năng lực hoạch định một tầm nhìn chiến lược, không thể ban hành những nghị quyết đúng đắn và kịp thời, thì mọi nỗ lực về chuyển đổi số ở các cấp dưới sẽ trở nên rời rạc, thiếu định hướng và khó đạt được hiệu quả. Do đó, việc đặt năng lực hoạch định nghị quyết lên hàng đầu là một yêu cầu tất yếu, bởi nó chính là "bản thiết kế" đầu tiên, là "bộ não" chỉ đạo cho toàn bộ quá trình chuyển đổi số của địa phương.

Sau khi có nghị quyết, việc quan trọng tiếp theo là biến nghị quyết thành hiện thực, và công tác tuyên truyền, vận động nhân dân đóng vai trò then chốt. Năng lực này được coi là nội dung đầu tiên vì nó tạo ra sự đồng thuận, là chất keo kết dính, là động lực để thực hiện mọi chủ trương. Trong kỷ nguyên số, phương thức tuyên truyền đã thay đổi hoàn toàn. Nếu trước đây, việc tuyên truyền chủ yếu thông qua báo, đài và các cuộc họp, thì nay, đảng bộ tỉnh phải làm chủ các nền tảng số như mạng xã hội, ứng dụng di động và các cổng thông tin điện tử để tiếp cận người dân một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Việc phát triển năng lực tuyên truyền, vận động nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số đòi hỏi đảng bộ phải có khả năng tạo ra những nội dung hấp dẫn, dễ hiểu, phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Thay vì chỉ đưa ra những thông điệp một chiều, đảng bộ cần tận dụng các kênh tương tác số để lắng nghe, giải đáp thắc mắc và tiếp thu ý kiến phản biện của người dân. Điều này không chỉ giúp các chủ trương đi vào cuộc sống mà còn củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Một ví dụ điển hình là việc sử dụng các nền tảng mạng xã hội để phổ biến các dịch vụ công trực tuyến, hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng tiện ích của tỉnh. Điều này không chỉ giúp đẩy nhanh quá trình xây dựng chính quyền số mà còn tạo ra sự tham gia tích cực của người dân vào quá trình chuyển đổi.

Việc phát triển năng lực hoạch định quyết sách và tuyên truyền, vận động nhân dân là nội dung đầu tiên, đóng vai trò định hướng, tạo nền móng

vững chắc cho toàn bộ quá trình chuyển đổi số. Thiếu một tầm nhìn chiến lược đúng đắn (năng lực hoạch định) và một sự đồng thuận mạnh mẽ từ nhân dân (năng lực tuyên truyền) thì mọi nỗ lực xây dựng hạ tầng công nghệ, số hóa quy trình hay quản trị dữ liệu sẽ chỉ là những mảnh ghép rời rạc, khó có thể tạo ra một bức tranh chuyển đổi số thành công, toàn diện và bền vững.

2.3.2.2. Đổi mới tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc đổi mới tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên là yếu tố then chốt, có ý nghĩa quyết định đảm bảo năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh. Đây cũng chính là nguồn nhân lực số và kỹ năng số - một nội dung quan trọng của chuyển đổi số. Trước đây, tổ chức bộ máy của đảng bộ tỉnh thường mang tính truyền thống, với cấu trúc cứng nhắc, ít liên kết giữa các đơn vị và việc ra quyết định tập trung, dựa trên các quy trình thủ công. Việc đánh giá năng lực cán bộ, đảng viên chủ yếu dựa vào bằng cấp và kinh nghiệm, còn đào tạo thì mang tính định kỳ và ít cập nhật kỹ năng số. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, tổ chức bộ máy đang được đổi mới theo hướng tinh gọn, linh hoạt và liên kết chặt chẽ hơn nhờ vào các nền tảng công nghệ số. Sự thay đổi này đòi hỏi một đội ngũ cán bộ, đảng viên có tư duy số, khả năng phân tích dữ liệu và ra quyết định nhanh chóng. Việc đào tạo, bồi dưỡng cũng được thực hiện liên tục, tập trung vào kỹ năng công nghệ và tư duy đổi mới, biến mỗi cán bộ trở thành một “công dân số” để nâng cao hiệu quả công việc.

Bộ máy cần được tinh gọn, ứng dụng công nghệ số để tăng cường hiệu lực, hiệu quả, đồng thời đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Đảng bộ cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về năng lực chuyên môn, kiến thức chính trị và kỹ năng lãnh đạo, đặc biệt là về kỹ năng số, kiến thức quản lý hiện đại và tư duy đổi mới để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong môi trường số hóa.

Bên cạnh đào tạo, bồi dưỡng về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, cần đổi mới phong cách, lề lối làm việc cho đội ngũ cán bộ, đảng viên để phát triển năng lực, phẩm chất của đội ngũ là nội dung cần thiết góp phần vào phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng. Bên cạnh nâng cao trình độ chuyên môn, việc đổi mới phong cách làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và xây dựng văn hóa làm việc số là cần thiết. Đội ngũ cán bộ, đảng viên cần được trang bị kỹ năng sử dụng các công cụ số để phân tích dữ liệu và ra quyết định.

2.3.2.3. Hoàn thiện phương thức lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phù hợp bối cảnh mới

Hoàn thiện phương thức lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu để đảng bộ tỉnh thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị. Đảng bộ tỉnh là hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị địa phương, là lực lượng lãnh đạo toàn diện các mặt đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh. Phương thức lãnh đạo trước đây chủ yếu dựa vào các hội nghị, cuộc họp trực tiếp và các văn bản chỉ đạo bằng giấy, khiến quá trình triển khai và giám sát nhiệm vụ thường chậm trễ. Mọi thông tin truyền đạt chủ yếu là một chiều, ít có cơ chế phản hồi linh hoạt từ cơ sở. Ngược lại, trong bối cảnh chuyển đổi số, phương thức lãnh đạo đã được hoàn thiện với việc ứng dụng công nghệ. Các cuộc họp trực tuyến, hệ thống báo cáo điện tử và nền tảng quản lý công việc giúp rút ngắn thời gian ra quyết định, tăng cường sự tương tác hai chiều và đảm bảo thông tin thông suốt. Phương thức này hướng tới sự linh hoạt, minh bạch, cho phép lãnh đạo giám sát tiến độ công việc theo thời gian thực và tận dụng các kênh số để lắng nghe, huy động sức mạnh của nhân dân một cách hiệu quả hơn.

Phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng phải hướng đến nhiệm vụ trung tâm là lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh, được xác định về mục tiêu, phương hướng, giải pháp trong nghị quyết của đảng bộ tỉnh. Phát triển năng lực lãnh đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết của đảng bộ

tỉnh về thực hiện các nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: lãnh đạo phát triển kinh tế, lãnh đạo các lĩnh vực văn hoá - xã hội; lãnh đạo công tác quốc phòng, an ninh, công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo; lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị.

Phát triển năng lực lãnh đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết của đảng bộ tỉnh về xây dựng nội bộ Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng thuộc đảng bộ tỉnh. Xây dựng nội bộ Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh phải đảm bảo nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng trực thuộc, cấu thành nên tổ chức đảng bộ tỉnh. Đảng bộ tỉnh có nhiệm vụ định hướng hoặc quyết định theo thẩm quyền những vấn đề về xây dựng Đảng, công tác tổ chức và cán bộ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng. Theo đó, phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh cần phát triển năng lực về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp mà nghị quyết của đảng bộ tỉnh đã thống nhất, chủ yếu được thể hiện qua các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (Tỉnh uỷ).

Phát triển năng lực lãnh đạo tổ chức thực hiện nghị quyết đòi hỏi sử dụng các nền tảng số để tăng tính minh bạch, kịp thời và hiệu quả. Tầm quan trọng của việc này nằm ở chỗ chuyển đổi số tạo ra các cơ hội và thách thức mới, đòi hỏi đảng bộ tỉnh phải đổi mới cách thức phân công, phối hợp và phát huy vai trò của các tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị. Để thực hiện được sứ mệnh của mình, đảng bộ tỉnh cần xây dựng hệ thống tổ chức và bộ máy có khả năng thực hiện hiệu quả các nghị quyết đã ban hành. Điều này bao gồm việc phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các tổ chức, cá nhân, đồng thời tạo ra cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành để bảo đảm sự đồng bộ trong thực hiện. Đổi mới phương pháp lãnh đạo, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển: Đảng bộ tỉnh cần cập nhật và đổi mới các phương pháp lãnh đạo, quản

lý để phù hợp với xu thế phát triển và yêu cầu của tình hình mới. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giao tiếp và tương tác với nhân dân. Đảng bộ cần có các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và các doanh nghiệp có thể tham gia vào phát triển địa phương.

Đảng bộ tỉnh cần xây dựng cơ chế khuyến khích và phát huy vai trò của các tổ chức, đoàn thể và cá nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Việc phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội sẽ giúp nâng cao hiệu quả lãnh đạo và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Đổi mới công tác tuyên truyền, vận động theo hướng nâng cao tính giáo dục, thuyết phục, tính chiến đấu, tạo sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong nhân dân. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động, tập hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2.3.2.4. Nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong bối cảnh chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát là yếu tố sống còn để đảng bộ tỉnh đảm bảo kỷ luật và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời, việc ứng dụng công nghệ số trong kiểm tra, giám sát rất hữu ích đối với việc phát hiện kịp thời những vấn đề, khó khăn trong quá trình thực hiện nghị quyết, từ đó có biện pháp điều chỉnh và hỗ trợ phù hợp. Phát triển năng lực thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, nghiên cứu lý luận về xây dựng đảng bộ tỉnh. Đảng bộ cần xây dựng các cơ chế, quy định để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và hiệu quả.

Trước đây, hoạt động kiểm tra, giám sát của đảng bộ tỉnh thường dựa trên hồ sơ, tài liệu giấy và các cuộc làm việc trực tiếp, tốn nhiều thời gian và nhân lực. Dữ liệu rời rạc khiến việc tổng hợp, phân tích để phát hiện sai phạm

trở nên khó khăn. Tuy nhiên, trong kỷ nguyên số, hoạt động này đã được số hóa và ứng dụng công nghệ để nâng cao hiệu quả rõ rệt. Các hệ thống kiểm tra, giám sát chuyên biệt và phần mềm phân tích dữ liệu giúp tự động phát hiện những dấu hiệu bất thường, các rủi ro tiềm ẩn một cách liên tục. Điều này giúp hoạt động kiểm tra, giám sát có trọng tâm hơn, kịp thời hơn và mang tính phòng ngừa cao. Năng lực của đội ngũ kiểm tra, giám sát cũng được nâng cao, không chỉ về nghiệp vụ mà còn về khả năng sử dụng công nghệ để làm việc, xử lý dữ liệu, từ đó đảm bảo tính rắn đẽ và hiệu quả tổng thể.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo của đảng bộ tỉnh, việc tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ chính trị, Ban Bí thư và Nghị quyết của cấp ủy cấp tỉnh là nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa quan trọng. Phát triển năng lực này cần thực hiện tăng cường công tác kiểm tra, giám sát gắn với coi trọng việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng ở các cấp. Đẩy mạnh nghiên cứu lý luận về Đảng cầm quyền; thể chế hoá, cụ thể hoá mối quan hệ "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ".

2.3.3. Tiêu chí đánh giá phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số

2.3.3.1. Năng lực đổi mới, sáng tạo và thích ứng của cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở bối cảnh chuyển đổi số

Năng lực đổi mới, sáng tạo và thích ứng là tiêu chí cốt lõi phản ánh trình độ tư duy chiến lược và bản lĩnh chính trị của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong đảng bộ tỉnh khi đối diện với những thay đổi sâu rộng của thời kỳ chuyển đổi số. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số quốc gia diễn ra mạnh mẽ, năng lực lãnh đạo của Đảng không còn chỉ dừng lại ở việc quán triệt và thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Trung ương, mà phải thể hiện rõ khả năng sáng tạo trong việc cụ thể hóa các nghị

quyết bằng những cách làm mới, phù hợp với đặc thù địa phương và xu thế công nghệ.

Mức độ đổi mới được thể hiện qua việc cấp ủy chủ động tiếp cận, làm chủ và ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo: sử dụng công cụ phân tích dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) để dự báo xu hướng kinh tế - xã hội, xây dựng kịch bản phát triển tỉnh; chuyển đổi phương thức điều hành từ truyền thống sang các hệ thống quản lý trực tuyến, hội nghị trực tuyến, chữ ký số và quy trình điện tử; triển khai các mô hình làm việc thông minh (smart working) trong nội bộ tổ chức đảng như hệ thống quản lý đảng viên điện tử, học tập trực tuyến, sinh hoạt chi bộ số. Những cách làm này không chỉ nâng cao hiệu suất mà còn tạo ra các mô hình lãnh đạo mới, phù hợp với yêu cầu “Đảng lãnh đạo bằng đường lối, chủ trương, nghị quyết và bằng công cụ số” như Nghị quyết Đại hội XIII và Nghị quyết 52-NQ/TW đã xác định.

Khả năng thích ứng lại thể hiện ở sự nhạy bén, linh hoạt trong điều chỉnh chiến lược khi môi trường số thay đổi nhanh chóng: kịp thời cập nhật các quy định mới về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, ứng phó với các nguy cơ tấn công mạng; chủ động điều chỉnh kế hoạch, chương trình hành động khi xuất hiện công nghệ đột phá hoặc khi Trung ương ban hành các nghị quyết mới về chuyển đổi số (ví dụ: Nghị quyết 57-NQ/TW năm 2024 của Bộ Chính trị). Một cấp ủy có năng lực thích ứng cao sẽ biến thách thức thành cơ hội, duy trì được tính ổn định chính trị - xã hội đồng thời tạo động lực bứt phá trong phát triển. Ngược lại, sự chậm trễ hoặc bảo thủ trong tiếp cận công nghệ sẽ làm giảm tính tiên phong của tổ chức đảng, khiến nghị quyết dù đúng đắn cũng khó đi vào cuộc sống. Do đó, tiêu chí này chính là thước đo trực tiếp năng lực “tự đổi mới, tự chỉnh đốn” của đảng bộ tỉnh trong kỷ nguyên số.

Năng lực đổi mới, sáng tạo và thích ứng của cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số,

được thể hiện thông qua số lượng và chất lượng các mô hình, sáng kiến lãnh đạo gắn với ứng dụng công nghệ số, mức độ chủ động điều chỉnh chủ trương, giải pháp dựa trên dữ liệu và thông tin số, cũng như khả năng xử lý kịp thời các vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn. Để đánh giá theo tiêu chí này, cần xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực của tổ chức và cá nhân trong bộ máy.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc đánh giá năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh cần dựa trên các tiêu chí cụ thể, phản ánh khả năng thích ứng với yêu cầu mới và hiệu quả lãnh đạo trong môi trường số. Dưới đây là các chỉ số đánh giá (KPIs) năng lực lãnh đạo trong môi trường chuyển đổi số với 3 nhóm chỉ số:

Nhóm 1: Chỉ số về sự phát triển tư duy (nhận thức) và ra quyết định (Mindset & Decisions).

- Tỷ lệ thay đổi (tiến bộ) các quyết định dựa trên dữ liệu: Bao nhiêu phần trăm các báo cáo, kế hoạch được phê duyệt dựa trên phân tích số liệu thực tế thay vì cảm tính hay kinh nghiệm thuần túy?

- Chỉ số thích ứng (Agility Index): Thời gian trung bình để lãnh đạo và tổ chức phản ứng, điều chỉnh quy trình trước một sự thay đổi công nghệ hoặc yêu cầu mới từ thực tế.

Nhóm 2: Chỉ số về dự thay đổi của tổ chức trong bộ máy đảng bộ tỉnh.

- Tỷ lệ dịch vụ số hóa: Số lượng quy trình chuyên môn hoặc dịch vụ công được chuyển từ thủ công sang môi trường số hoàn toàn.

- Mức độ thành thạo của đội ngũ: Tỷ lệ cán bộ dưới quyền đạt chuẩn kỹ năng số cần thiết cho công việc.

Nhóm 3: Chỉ số đổi mới sáng tạo (Innovation).

- Số lượng sáng kiến số: Những giải pháp công nghệ mới được đề xuất hoặc áp dụng thử nghiệm trong năm.

- Tỷ lệ tối ưu hóa nguồn lực: Mức độ giảm thiểu chi phí vận hành và thời gian xử lý công việc sau khi áp dụng các công cụ số.

Sự phát triển về chất trong quá trình phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh ở chỗ thay đổi phương pháp tư duy, phương pháp ra quyết định, phương thức tác động vào đối tượng lãnh đạo. Đó là thay đổi từ quản lý, mệnh lệnh hành chính (đối với chính quyền các cấp) sang quản trị, từ quản trị sang kiến tạo, từ tư duy sang hành động, từ quản lý sang phục vụ... Lãnh đạo cần tận dụng dữ liệu để hiểu rõ mong muốn của người dân và doanh nghiệp. Thay vì đợi dân đến hỏi, hệ thống số có thể chủ động gợi ý các thủ tục cần thiết. Đây là sự chuyển dịch từ phong cách mệnh lệnh sang phong cách phục vụ dựa trên nền tảng công nghệ.

Công nghệ số (như Blockchain hay các hệ thống lưu vết dữ liệu) là công cụ đắc lực để lãnh đạo thực hiện giám sát. Khi mọi quy trình đều có "vết số hóa", tính minh bạch sẽ tăng lên, giúp hạn chế tiêu cực và tham nhũng một cách tự thân từ trong hệ thống.

Lãnh đạo phải là người tiên phong sử dụng chữ ký số, điều hành qua các nền tảng dùng chung thay vì văn bản giấy. Sự gương mẫu này tạo ra áp lực tích cực, thúc đẩy cấp dưới thay đổi thói quen làm việc cũ.

2.3.3.2. Hiệu quả hoạch định chủ trương, kế hoạch và tuyên truyền vận động trong bối cảnh chuyển đổi số

Hiệu quả hoạch định chủ trương, kế hoạch và tuyên truyền vận động là tiêu chí quan trọng để đánh giá năng lực lãnh đạo chính trị của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số. Tiêu chí này tập trung vào hai khía cạnh chính: nhận thức, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân và kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Một là, nhận thức, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Mức độ thấm nhuần các chủ trương, nghị quyết của đảng bộ tỉnh trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận của nhân dân là thước đo quan trọng. Trong bối cảnh chuyển đổi số, đảng bộ cần sử dụng các nền tảng số để tuyên truyền, vận động, đảm bảo thông tin được truyền tải nhanh chóng, minh bạch và dễ tiếp cận. Sự hiểu biết và ủng hộ của nhân dân đối với các chính

sách số hóa, như phát triển kinh tế số hay chính quyền điện tử, phản ánh hiệu quả lãnh đạo trong việc định hướng tư tưởng.

Hai là, kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số.

Hiệu quả lãnh đạo được thể hiện qua các chỉ số phát triển kinh tế - xã hội, như tăng trưởng kinh tế số, tỷ lệ ứng dụng công nghệ trong sản xuất, dịch vụ, và quản lý hành chính. Các nghị quyết của đảng bộ cần định hướng đúng đắn, thúc đẩy các ngành kinh tế số, chuyển đổi mô hình sản xuất, và cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân. Nếu không đạt được kết quả rõ rệt, điều đó cho thấy năng lực hoạch định và tuyên truyền của đảng bộ chưa đáp ứng yêu cầu của thời đại số.

2.3.3.3. Mức độ tinh gọn, hiệu quả của bộ máy tổ chức đảng bộ tỉnh và tỷ lệ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu về năng lực số trong bối cảnh chuyển đổi số

Bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên là nền tảng để đảng bộ tỉnh thực hiện vai trò lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số. Tiêu chí này đánh giá ba khía cạnh: mức độ tinh gọn, hiệu quả của bộ máy; hiệu quả ứng dụng công nghệ số và năng lực số của cán bộ, đảng viên.

Một là, mức độ tinh gọn, hiệu quả của bộ máy tổ chức đảng bộ tỉnh.

Một bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là yếu tố then chốt để đảm bảo khả năng điều hành và ra quyết định nhanh chóng trong môi trường số hóa. Điều này bao gồm việc tối ưu hóa cơ cấu tổ chức, giảm thiểu chồng chéo chức năng và nâng cao tính phối hợp giữa các cấp ủy, tổ chức đảng. Bộ máy tinh gọn sẽ giúp đảng bộ phản ứng kịp thời với các thách thức và cơ hội từ chuyển đổi số.

Hai là, hiệu quả ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của tổ chức bộ máy đảng bộ tỉnh.

Việc tích hợp công nghệ số vào quản lý, điều hành, như sử dụng hệ

thống quản lý dữ liệu, nền tảng họp trực tuyến, hay các công cụ phân tích số liệu, là thước đo quan trọng. Hiệu quả ứng dụng công nghệ số được đánh giá qua mức độ tự động hóa các quy trình, giảm thời gian xử lý công việc và tăng tính minh bạch trong hoạt động lãnh đạo.

Ba là, tỷ lệ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu về năng lực số và hiệu quả công việc trong bối cảnh mới.

Năng lực số của cán bộ, đảng viên, bao gồm kỹ năng sử dụng công nghệ, phân tích dữ liệu và ra quyết định dựa trên thông tin số, là yếu tố quyết định chất lượng lãnh đạo. Tỷ lệ cán bộ được đào tạo và đáp ứng các tiêu chuẩn năng lực số, cùng với hiệu quả công việc trong các nhiệm vụ liên quan đến chuyển đổi số, phản ánh mức độ sẵn sàng của đảng bộ tỉnh trong thời đại số. Nếu tỷ lệ này thấp, đảng bộ sẽ khó duy trì vai trò lãnh đạo hiệu quả.

2.3.3.4. Mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp thông qua chất lượng cung ứng dịch vụ công và tương tác số của đảng bộ tỉnh

Sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp là thước đo trực tiếp phản ánh chất lượng lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số. Tiêu chí này bao gồm hai khía cạnh: mức độ đổi mới trong phương thức lãnh đạo và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Một là, mức độ đổi mới trong phương thức lãnh đạo của đảng bộ tỉnh.

Chuyển đổi số đòi hỏi đảng bộ tỉnh đổi mới cách thức lãnh đạo, từ việc sử dụng các kênh giao tiếp số để tương tác với nhân dân đến việc áp dụng công nghệ trong quản lý hành chính và giám sát thực hiện nhiệm vụ. Sự đổi mới được đánh giá qua các sáng kiến như triển khai chính quyền điện tử, tổ chức các diễn đàn trực tuyến để lắng nghe ý kiến nhân dân, hay ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạch định chính sách. Mức độ đổi mới này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Hai là, sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự lãnh đạo của đảng bộ tỉnh.

Mức độ hài lòng được đo lường qua các khảo sát, phản hồi trực tiếp hoặc gián tiếp từ người dân và doanh nghiệp về hiệu quả các chính sách, dịch vụ công trực tuyến và môi trường đầu tư. Trong bối cảnh chuyển đổi số, sự hài lòng còn phụ thuộc vào khả năng của đảng bộ trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển kinh tế số và cung cấp các dịch vụ công minh bạch, tiện lợi cho người dân. Nếu không đạt được sự hài lòng cao, điều đó cho thấy năng lực lãnh đạo của đảng bộ chưa đáp ứng được kỳ vọng trong thời đại số.

Sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự lãnh đạo của đảng bộ tỉnh, được phản ánh thông qua mức độ cải thiện chất lượng cung ứng dịch vụ công, tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn trên môi trường số, mức độ sử dụng các nền tảng số trong tương tác giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp, cũng như kết quả khảo sát mức độ hài lòng trong bối cảnh chuyển đổi số.

2.3.3.5. Hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát trong bối cảnh chuyển đổi số

Hiệu quả kiểm tra, giám sát là tiêu chí quan trọng để đánh giá tính kỷ luật và năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong môi trường số hóa. Tiêu chí này tập trung vào hai khía cạnh: mức độ minh bạch, công bằng trong kiểm tra, giám sát và tỷ lệ vi phạm được phát hiện, xử lý.

Một là, mức độ minh bạch, công bằng và hiệu quả của các hoạt động kiểm tra, giám sát trong môi trường số.

Việc ứng dụng công nghệ số, như hệ thống giám sát trực tuyến, cơ sở dữ liệu tập trung, và các công cụ phân tích số liệu, giúp nâng cao tính minh bạch và công bằng trong kiểm tra, giám sát. Hiệu quả được đánh giá qua khả năng phát hiện sớm các sai phạm, giảm thiểu tình trạng bao che và đảm bảo các quy trình kiểm tra được thực hiện nhanh chóng, chính xác. Một hệ thống kiểm tra, giám sát minh bạch sẽ củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng bộ.

Hai là, tỷ lệ vi phạm được phát hiện và xử lý kịp thời, mức độ cải thiện kỷ luật, kỷ cương trong Đảng bộ.

Tỷ lệ vi phạm được phát hiện và xử lý kịp thời phản ánh năng lực quản lý và giám sát của đảng bộ tỉnh. Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc sử dụng công nghệ để theo dõi, phân tích và xử lý vi phạm giúp nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Mức độ cải thiện này được đánh giá qua sự giảm thiểu các vụ việc vi phạm nghiêm trọng và sự tăng cường chấp hành các quy định trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nếu tỷ lệ xử lý vi phạm thấp hoặc kỷ luật không được cải thiện, năng lực lãnh đạo của đảng bộ sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

2.3.3.6. Hiệu quả tổ chức triển khai và thực hiện Nghị quyết của đảng bộ tỉnh gắn với ứng dụng chuyển đổi số

Hiệu quả thực hiện Nghị quyết là tiêu chí mang tính kết quả, phản ánh mức độ thành công thực tiễn của đảng bộ tỉnh trong việc biến chủ trương, đường lối thành hiện thực thông qua việc gắn kết chặt chẽ với chuyển đổi số. Đây không chỉ là việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội thông thường mà phải đo lường được sự đóng góp cụ thể của công nghệ số vào kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Hiệu quả được đánh giá qua các chỉ tiêu định lượng và định tính rõ ràng: tỷ lệ hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số trong nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh (ví dụ: tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn qua cổng dịch vụ công, mức độ phủ sóng 5G, tỷ lệ dân cư có hồ sơ số...); tốc độ và chất lượng triển khai các nghị quyết chuyên đề về chuyển đổi số, kinh tế số, chính quyền số; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và của chính cán bộ, đảng viên đối với kết quả thực hiện nghị quyết. Đặc biệt, cần đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ chu trình quản lý nghị quyết: xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá thực hiện nghị quyết trực tuyến; sử dụng dashboard dữ liệu để theo dõi tiến độ theo thời gian thực; áp dụng công nghệ blockchain để bảo đảm tính minh bạch, không

thể sửa đổi trong báo cáo kết quả; triển khai các nền tảng số để lấy ý kiến góp ý, giám sát của nhân dân đối với việc thực hiện nghị quyết.

Một đảng bộ tỉnh đạt hiệu quả cao là khi các nghị quyết không chỉ được triển khai đúng tiến độ mà còn tạo ra giá trị gia tăng rõ rệt nhờ chuyển đổi số: rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ hàng tuần xuống còn vài giờ, tăng thu ngân sách từ các hoạt động kinh tế số, nâng cao chỉ số PCI, PAPI, SIPAS nhờ tính minh bạch và sự tham gia của người dân, hoặc giảm đáng kể chi phí tổ chức các chương trình hành động nhờ ứng dụng công nghệ. Ngược lại, nếu nghị quyết vẫn được thực hiện theo cách truyền thống, chậm ứng dụng công nghệ hoặc chỉ ứng dụng hình thức thì dù đạt chỉ tiêu kinh tế vẫn bị đánh giá là chưa đạt yêu cầu trong bối cảnh chuyển đổi số.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, các tiêu chí đánh giá phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ cấp tỉnh cần được xem xét không chỉ trên phương diện định tính truyền thống, mà còn thông qua các chỉ số đo lường gắn với ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số và môi trường số. Việc bổ sung các chỉ báo mang đặc thù “số” góp phần làm rõ mức độ phát triển thực chất năng lực lãnh đạo của đảng bộ, đồng thời phù hợp với yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

2.3.4. Tính tất yếu về phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, việc phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trở thành yêu cầu tất yếu, mang tính sống còn để đảm bảo vai trò lãnh đạo toàn diện và hiệu quả. Chuyển đổi số không chỉ là xu hướng công nghệ mà còn là sự thay đổi sâu rộng trong mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý và điều hành. Để đáp ứng những yêu cầu mới này, đảng bộ tỉnh cần phát triển năng lực lãnh đạo, từ tư duy chiến lược đến khả năng ứng dụng công nghệ, nhằm định hướng và thúc đẩy sự phát triển bền vững.

Tầm quan trọng của việc phát triển năng lực lãnh đạo nằm ở chỗ chuyển đổi số đòi hỏi sự nhạy bén trong nhận diện cơ hội, quản lý rủi ro và đưa ra các quyết sách kịp thời. đảng bộ tỉnh, với vai trò hạt nhân lãnh đạo, cần hiểu rõ bản chất của chuyển đổi số, từ đó xây dựng chiến lược phù hợp, huy động nguồn lực hiệu quả và dẫn dắt toàn hệ thống chính trị, xã hội đi đúng hướng. Nếu không phát triển năng lực lãnh đạo, đảng bộ sẽ gặp khó khăn trong việc nắm bắt các xu hướng mới, dẫn đến nguy cơ tụt hậu, mất khả năng định hướng và không thể thực hiện vai trò lãnh đạo của mình.

Một mặt, chuyển đổi số thay đổi cách thức quản lý và vận hành, đòi hỏi lãnh đạo phải có tư duy đổi mới, am hiểu công nghệ và khả năng ra quyết định dựa trên dữ liệu. Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số tạo ra những thách thức về an ninh mạng, quản lý thông tin và bảo vệ lợi ích cộng đồng, yêu cầu lãnh đạo phải có năng lực dự báo và ứng phó linh hoạt. Mặt khác, chuyển đổi số thúc đẩy sự tham gia của người dân vào quản lý xã hội thông qua các nền tảng số, buộc đảng bộ phải nâng cao khả năng tương tác và đáp ứng kỳ vọng của nhân dân. Cuối cùng, trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, năng lực lãnh đạo số hóa là yếu tố then chốt để tỉnh phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện đời sống nhân dân.

Nếu không phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số, đảng bộ tỉnh sẽ khó có thể thực hiện vai trò lãnh đạo, dẫn đến nguy cơ mất phương hướng, giảm hiệu quả điều hành và đánh mất lòng tin của nhân dân. Do đó, việc nâng cao năng lực lãnh đạo là nhiệm vụ cấp bách, đòi hỏi sự đầu tư nghiêm túc vào đào tạo, đổi mới tư duy và ứng dụng công nghệ, nhằm đảm bảo đảng bộ tỉnh luôn giữ vững vai trò tiên phong trong thời đại số.

2.3.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong bối cảnh chuyển đổi số, năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh cần được phát triển để đáp ứng các yêu cầu mới về quản lý, điều hành và định

hướng phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, quá trình này chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, bao gồm cả yếu tố khách quan (những điều kiện bên ngoài, mang tính tất yếu do xu thế thời đại và đặc thù địa phương tạo ra) và yếu tố chủ quan (năng lực nhận thức, bản lĩnh chính trị, ý chí hành động của cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên). Trong đó, yếu tố khách quan tạo ra môi trường, điều kiện, áp lực và cơ hội; còn yếu tố chủ quan giữ vai trò quyết định, bởi chính năng lực chủ quan của đảng bộ sẽ quyết định việc tận dụng, chuyển hóa các yếu tố khách quan thành động lực phát triển hay để chúng trở thành lực cản.

2.3.5.1. Các yếu tố khách quan

Một là, bối cảnh chính trị - kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế và đặc thù kinh tế - xã hội và vị trí địa lý của tỉnh.

Bối cảnh chính trị ổn định, hội nhập quốc tế sâu rộng, áp lực cạnh tranh khu vực về kinh tế số, cùng các nghị quyết lớn của Trung ương tạo ra một “sân chơi mới” mà mọi đảng bộ tỉnh đều phải tham gia. Đồng thời, sự chênh lệch phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương, mức độ đô thị hóa, cơ cấu dân số trẻ, tỷ lệ lao động trong khu vực công nghiệp - dịch vụ... cũng là những điều kiện khách quan quyết định tốc độ và mức độ chuyển đổi số có thể đạt được. Những tỉnh có vị trí địa chính trị quan trọng, gần trung tâm kinh tế lớn hoặc có cảng biển, khu công nghiệp thường có lợi thế khách quan lớn hơn. Tuy nhiên, lịch sử đã chứng minh: cùng một bối cảnh khách quan, nơi nào có Đảng bộ mạnh thì biến thách thức thành cơ hội (ví dụ: Bình Dương (trước sáp nhập), Đà Nẵng), nơi yếu thì trở thành tụt hậu (một số tỉnh miền núi phía Bắc trước 2020). Do đó, yếu tố này chỉ tạo ra “khung vận động”, không tự động quyết định kết quả.

Đặc thù kinh tế - xã hội và vị trí địa lý của tỉnh như cơ cấu kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ), tỷ lệ đô thị hóa, dân số trẻ, mức thu nhập bình quân đầu người, vị trí địa chính trị (gần trung tâm lớn, có cảng biển, biên giới, hay vùng sâu vùng xa) quyết định xuất phát điểm và tốc độ

chuyển đổi số có thể đạt được. Các tỉnh miền núi phía Bắc hay Tây Nguyên thường gặp bất lợi khách quan lớn hơn so với các tỉnh Đồng bằng Sông Hồng hay Đông Nam Bộ.

Hai là, hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách và môi trường sinh thái số.

Cơ chế, chính sách hỗ trợ đóng vai trò nền tảng trong việc thúc đẩy phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số. Các chính sách từ Trung ương và địa phương, như chiến lược chuyển đổi số quốc gia, kế hoạch phát triển kinh tế số, hay các quy định về ứng dụng công nghệ trong quản lý hành chính, tạo khung pháp lý và định hướng cho đảng bộ tỉnh xây dựng các nghị quyết phù hợp. Những cơ chế khuyến khích đổi mới, hỗ trợ đào tạo năng lực số, và thúc đẩy hợp tác công - tư trong lĩnh vực công nghệ số là yếu tố quan trọng để nâng cao khả năng hoạch định và thực thi chính sách của Đảng bộ.

Tuy nhiên, nếu cơ chế, chính sách thiếu đồng bộ, không sát với thực tiễn địa phương, hoặc chậm cập nhật theo xu hướng công nghệ, sẽ gây cản trở cho việc đổi mới phương thức lãnh đạo. Ví dụ, việc thiếu chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp công nghệ hoặc quy định chưa rõ ràng về bảo mật dữ liệu có thể hạn chế khả năng ứng dụng công nghệ số của Đảng bộ. Do đó, một hệ thống cơ chế, chính sách linh hoạt, khuyến khích đổi mới sáng tạo là yếu tố sống còn để đảng bộ tỉnh phát triển năng lực lãnh đạo, đảm bảo vai trò định hướng trong môi trường số hóa.

Đặc biệt, môi trường sinh thái số (digital ecosystem) - bao gồm hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các doanh nghiệp công nghệ lớn (Viettel, FPT, VNPT...), các trường đại học, viện nghiên cứu, cộng đồng công nghệ trên địa bàn - phần lớn do chính sách địa phương kiến tạo. Đảng bộ tỉnh nào chủ động xây dựng thể chế “đi trước một bước”, hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, chính sách “ba sẵn sàng” (sẵn sàng đất, sẵn sàng hạ tầng, sẵn sàng nhân lực) thì sẽ tạo được môi trường sinh thái số thuận lợi, ngược lại sẽ bị “đóng băng” bởi chính sách lạc hậu.

Ba là, điều kiện vật chất - kỹ thuật.

Điều kiện vật chất, kỹ thuật và nhân lực là yếu tố trực tiếp ảnh hưởng đến khả năng triển khai các nhiệm vụ lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số. Về mặt vật chất và kỹ thuật, hạ tầng công nghệ thông tin, như mạng lưới internet tốc độ cao, hệ thống dữ liệu số, và các nền tảng quản lý điện tử, là điều kiện tiên quyết để đảng bộ ứng dụng công nghệ vào hoạt động lãnh đạo, giám sát và tuyên truyền. Thiếu hụt hạ tầng công nghệ hoặc hệ thống kỹ thuật lạc hậu sẽ làm giảm hiệu quả điều hành, gây khó khăn trong việc thực hiện các mục tiêu chuyển đổi số. Độ phủ sóng 4G/5G, đường truyền cáp quang biển, các trung tâm dữ liệu quốc gia, sự hiện diện của các tập đoàn công nghệ lớn (Viettel, VNPT, FPT...) trên địa bàn phần lớn do chiến lược quốc gia quyết định, địa phương chỉ có khả năng ảnh hưởng hạn chế. Hạ tầng viễn thông, mạng 5G, trung tâm dữ liệu, hệ thống IOC, SOC... là yếu tố vật chất mang tính khách quan cao, phụ thuộc vào nguồn vốn đầu tư và công nghệ. Tuy nhiên, việc ưu tiên phân bổ ngân sách cho hạ tầng số, khả năng huy động nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công - tư (PPP), thu hút FDI công nghệ cao lại hoàn toàn do năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh quyết định. Nhiều tỉnh xuất phát điểm thấp nhưng nhờ đổi mới phương thức lãnh đạo (thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số do Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban, ký cam kết trách nhiệm với các nhà đầu tư) đã bứt phá về hạ tầng (ví dụ: tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên giai đoạn 2021-2024). Vì vậy, tuy yếu tố này mang tính khách quan ban đầu nhưng có thể được chuyển hóa mạnh mẽ nhờ ý chí và phương thức lãnh đạo sáng tạo của đảng bộ.

2.3.5.2. Các yếu tố chủ quan

Một là, phương thức lãnh đạo của đảng bộ tỉnh.

Phương thức lãnh đạo và năng lực đổi mới, sáng tạo của cấp ủy, tổ chức đảng địa phương là yếu tố chủ quan quyết định. Phương thức lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong thời kỳ chuyển đổi số phải chuyển từ lãnh đạo trực

tiếp, hành chính mệnh lệnh sang lãnh đạo bằng đường lối, nghị quyết, bằng nền tảng số và bằng việc kiến tạo thể chế. Năng lực đổi mới thể hiện ở chỗ: (i) đổi mới cách ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết (sử dụng công nghệ để lấy ý kiến rộng rãi, giám sát trực tuyến, đánh giá thời gian thực); (ii) đổi mới sinh hoạt chi bộ, quản lý đảng viên bằng hồ sơ số, học tập trực tuyến; (iii) lãnh đạo bằng dữ liệu (data-driven leadership), sử dụng AI, Big data để dự báo và ra quyết định chính sách. Nếu đảng bộ tỉnh bảo thủ, duy ý chí, không dám thay đổi phương thức lãnh đạo thì dù có hạ tầng tốt, thể chế tốt cũng không thể phát huy. Ngược lại, nhiều tỉnh có nguồn lực hạn chế nhưng nhờ đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo đã đạt kết quả vượt bậc.

Hai là, văn hóa chính trị của đảng bộ tỉnh.

Văn hóa chính trị của đảng bộ tỉnh - bao gồm văn hóa đổi mới sáng tạo, văn hóa trách nhiệm, văn hóa minh bạch, văn hóa chấp nhận rủi ro khi thử nghiệm công nghệ mới - là yếu tố mềm nhưng có sức mạnh chi phối lâu dài. Nếu trong nội bộ cấp ủy còn tồn tại tư duy “sợ trách nhiệm”, “né tránh công nghệ”, hoặc văn hóa “báo cáo đẹp” thay vì báo cáo số liệu thực, thì mọi nghị quyết chuyển đổi số đều chỉ dừng ở hình thức. Đồng thời, kỹ năng số và nhận thức số của đội ngũ cán bộ, đảng viên và của người dân quyết định mức độ đồng thuận xã hội. Đảng bộ tỉnh phải chủ động xây dựng văn hóa số trong hệ thống chính trị (qua các chương trình đào tạo, phong trào thi đua “cán bộ số”, “chi bộ số”), lan tỏa ra cộng đồng thông qua giáo dục công dân số và truyền thông chính sách. Chỉ khi văn hóa chính trị chuyển đổi theo hướng cởi mở, dám nghĩ dám làm, lấy dân làm gốc trên nền tảng số thì năng lực lãnh đạo mới thực sự được nâng lên một tầm cao mới.

Ba là, khả năng thích ứng của các tổ chức, cá nhân.

Về nhân lực, đội ngũ cán bộ, đảng viên có năng lực số và tư duy đổi mới là yếu tố cốt lõi. Năng lực số bao gồm khả năng sử dụng các công cụ công nghệ, phân tích dữ liệu, và ra quyết định dựa trên thông tin số. Nếu đội ngũ cán bộ thiếu kỹ năng này hoặc không được đào tạo kịp thời, đảng bộ sẽ

khó đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong môi trường số hóa. Tầm quan trọng của yếu tố này nằm ở chỗ chuyển đổi số đòi hỏi sự sẵn sàng về cả công nghệ và con người; nếu không đảm bảo điều kiện vật chất và nhân lực, Đảng bộ sẽ không thể thực hiện vai trò lãnh đạo, dẫn đến nguy cơ mất khả năng định hướng phát triển tỉnh.

Khả năng thích ứng của các tổ chức và cá nhân trong hệ thống chính trị và xã hội là yếu tố then chốt, quyết định sự thành công của quá trình chuyển đổi số và ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh. Về phía các tổ chức, sự thích ứng không chỉ là việc tiếp nhận các công nghệ mới mà còn là khả năng tái cấu trúc quy trình và tư duy quản lý. Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc cần nâng cao kỹ năng quản trị số, học cách sử dụng các nền tảng số để quản lý, giám sát công việc một cách hiệu quả, minh bạch. Khả năng phối hợp liên ngành trên các nền tảng số cũng là một kỹ năng quan trọng, giúp phá vỡ các "silo" thông tin truyền thống, tạo ra một hệ thống làm việc liền mạch và tinh gọn hơn. Nếu các tổ chức thiếu những kỹ năng này, việc triển khai các chủ trương lãnh đạo của đảng bộ sẽ gặp nhiều trở ngại, thậm chí là thất bại.

Về phía cá nhân, việc thích ứng được thể hiện qua việc nâng cao các kỹ năng số. Đối với cán bộ, đảng viên, đây là việc phải học cách sử dụng các công cụ, phần mềm chuyên dụng, từ việc sử dụng các hệ thống báo cáo điện tử, dịch vụ công trực tuyến đến khả năng phân tích dữ liệu cơ bản. Kỹ năng làm việc nhóm từ xa, sử dụng các nền tảng cộng tác trực tuyến cũng trở nên thiết yếu. Đối với người dân, sự thích ứng thể hiện qua việc phát triển kỹ năng công dân số cơ bản, như khả năng tiếp cận thông tin chính xác trên mạng, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến và tham gia vào các diễn đàn phản ánh ý kiến một cách có trách nhiệm. Nếu các cá nhân, từ cán bộ đến người dân, không được trang bị đủ kỹ năng, sẽ khó có thể hình thành một văn hóa số chung, từ đó hạn chế khả năng huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh mới.

Tiểu kết chương 2

Phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh là quá trình biến đổi về chất từ năng lực lãnh đạo cũ sang năng lực lãnh đạo mới, phức tạp hơn, với trình độ cao hơn, hoàn thiện hơn của đảng bộ trong việc thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo của mình, nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của địa phương và đất nước trong bối cảnh mới.

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, việc phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trở thành yêu cầu tất yếu, mang tính sống còn để đảm bảo vai trò lãnh đạo toàn diện và hiệu quả. Nội dung phát triển năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số bao gồm: Một là, phát triển năng lực lãnh đạo chính trị (năng lực hoạch định nghị quyết, chủ trương) và tuyên truyền vận động nhân dân của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số; Hai là, đổi mới tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số; Ba là, hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phù hợp bối cảnh mới; Bốn là, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát của đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, năng lực lãnh đạo của đảng bộ tỉnh cần được phát triển để đáp ứng các yêu cầu mới về quản lý, điều hành và định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, quá trình này chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, bao gồm cơ chế chính sách, điều kiện vật chất - kỹ thuật, nhân lực và khả năng thích ứng của các tổ chức, cá nhân.

Mặc dù việc phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số đã được nhận diện là yêu cầu sống còn, song thực tiễn triển khai vẫn còn nhiều thách thức, đặt ra yêu cầu đối với các đảng bộ tỉnh phải đánh giá đúng và đầy đủ thực trạng năng lực lãnh đạo hiện tại của mình, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế, thách thức nhằm làm cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp khả thi, từ đó thúc đẩy quá trình chuyển đổi số thành công và toàn diện tại các địa phương.

Chương 3
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO
CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH TRONG BỐI CẢNH
CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

3.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH VÀ QUÁ TRÌNH
CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TỈNH NINH BÌNH

3.1.1. Khái quát về Đảng bộ tỉnh Ninh Bình

3.1.1.1. Khái quát về đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình

Điều kiện tự nhiên

Trước 01/7/2025, Tỉnh Ninh Bình (cũ) nằm ở phía Nam Đồng bằng Bắc Bộ, cách Hà Nội khoảng 90 km, sở hữu vị trí chiến lược giáp các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thanh Hóa và biển Đông. Địa hình đa dạng với đồng bằng, đồi núi thấp và vùng núi đá vôi đặc trưng, nổi bật bởi quần thể danh thắng Tràng An - Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới, cùng các cảnh quan, hang động như Tam Cốc - Bích Động. Khí hậu nhiệt đới nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, cận nhiệt đới ẩm, đặc trưng bởi 4 mùa rõ rệt: xuân, hạ, thu, đông. Hệ thống sông ngòi phong phú, với sông Đáy, sông Vân, sông Hoàng Long, đóng vai trò quan trọng trong tưới tiêu và giao thông, tài nguyên đá vôi dồi dào tạo điều kiện cho nông nghiệp và công nghiệp; có các khu vực rừng đặc dụng như Vườn quốc gia Cúc Phương, khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long...

Từ 01/7/2025, tỉnh Ninh Bình (mới) được thành lập trực thuộc Trung ương trên cơ sở hợp nhất 3 tỉnh Hà Nam, tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định thành 1 tỉnh lấy tên là tỉnh Ninh Bình, Trung tâm chính trị - hành chính đặt tại phường Hoa Lư (thuộc tỉnh Ninh Bình trước sáp nhập). Việc hợp nhất tỉnh được thực hiện theo đúng chủ trương tại Nghị quyết số 60-KL/TW ngày 12/4/2025 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Kết luận số 137-KL/TW

ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với quy hoạch phát triển vùng. Vị trí địa lý thuận lợi, hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, dễ dàng kết nối với các khu vực trong nội tỉnh, thành phố và các đô thị lớn, trung tâm kinh tế của cả nước hoặc với hệ thống không gian biển. Có không gian phát triển trong tương lai; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị hành chính mới, bảo đảm hài hòa, hợp lý, tránh sự mất cân đối giữa các địa phương khi sáp nhập và giữ vững quốc phòng, an ninh.

Hiện nay, tỉnh Ninh Bình (mới) có diện tích 3.942,6 km², đạt 112,645% theo tiêu chuẩn của tỉnh thuộc Đồng bằng Sông Hồng và đạt 262,84% theo tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương. Quy mô dân số 4.412.264 người đạt 315,16% theo tiêu chuẩn của tỉnh thuộc Đồng bằng Sông Hồng và đạt 882,45% theo tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương, có 129 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (gồm 97 xã, 32 phường).

Khái quát về đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình

Kinh tế của tỉnh Ninh Bình dựa trên nông nghiệp (lúa gạo, chăn nuôi), công nghiệp (xi măng, lắp ráp ô tô) và đặc biệt là du lịch, với các điểm đến nổi tiếng như: Cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính, Vườn quốc gia Cúc Phương, Nhà thờ đá Phát Diệm, Đầm ngập nước Vân Long... thu hút hàng triệu du khách. Dân số chủ yếu là người Kinh, ngoài ra có các dân tộc thiểu số như Mường, Tày, Thái, Nùng... sinh sống gắn với văn hóa giàu bản sắc qua các lễ hội truyền thống và làng nghề thủ ren, làm gốm, mây tre, chiếu cói. Hạ tầng giao thông phát triển với quốc lộ 1A, cao tốc Bắc - Nam, hỗ trợ phát triển kinh tế, du lịch và giao lưu văn hóa.

Ninh Bình là vùng đất được thiên nhiên ưu đãi có cảnh quan tươi đẹp, đặc sắc, sở hữu đa dạng di tích - danh thắng, nhất là Quần thể danh thắng Tràng An đã được UNESCO vinh danh là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới - di sản hỗn hợp duy nhất ở Đông Nam Á đến thời điểm hiện tại. Đây

cũng là vùng đất địa linh nhân kiệt, có bề dày lịch sử và chiều sâu văn hóa. Là Kinh đô đầu tiên của Nhà nước phong kiến Trung ương tập quyền tại Việt Nam, trải qua 3 triều đại phong kiến Nhà Đinh, Nhà Tiền Lê và Nhà Lý (những năm đầu). Ninh Bình là một trong những nơi phát tích của Phật giáo và cũng là một trong những nơi Công giáo du nhập sớm nhất Việt Nam. Tỉnh sở hữu một khối di sản văn hóa đồ sộ, phong phú, từ những di sản gắn với tôn giáo, tín ngưỡng như hành cung Vũ Lâm, chùa Nhất Trụ, cột Kinh Phật, chùa Bái Đính, nhà thờ đá Phát Diệm... đến các loại hình nghệ thuật hát chèo, hát xẩm, các lễ hội văn hóa đặc sắc, cùng với các nghề thủ công truyền thống, các phong tục tập quán tốt đẹp...Ninh Bình cũng là vùng đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, là địa bàn chiến lược quan trọng trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam. Quá trình lịch sử đấu tranh xây dựng và phát triển quê hương của Nhân dân Ninh Bình đã tạo ra một không gian văn hóa đặc sắc, năng động; sự kết hợp giữa di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đã tạo nên những bản sắc ít nơi nào có được của vùng đất Cố đô. Trên nền tảng giá trị lịch sử, văn hóa nghìn năm, hệ thống di sản thiên nhiên đặc sắc và định hướng phát triển bền vững, Ninh Bình đang từng bước thực hiện mục tiêu chiến lược của giai đoạn 2025 - 2030 là trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng là đô thị di sản thiên niên kỷ.

3.1.1.2. Đặc điểm của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình

- Lịch sử hình thành

Cùng với quá trình vận động của cách mạng cả nước, phong trào cách mạng ở Ninh Bình phát triển mạnh mẽ, với sự xuất hiện của các tổ chức Cộng sản đầu thế kỷ XX. Đầu tiên là sự ra đời của Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thôn Lũ Phong (Nho Quan) vào tháng 9/1927; sau đó, Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng Lũ Phong được thành lập vào tháng 6/1929; tiếp nối là Chi bộ Côi Trì (Yên Mô), Chi bộ Trường Yên (Gia Viễn, nay thuộc phường Hoa Lư)... Đặc biệt, tháng 10/1929, Tỉnh ủy Đông Dương Cộng sản

Đảng (lâm thời) Ninh Bình được thành lập, đây là kết quả của quá trình kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào yêu nước và sự giác ngộ cách mạng của quần chúng. Sự kiện này mở đầu cho phong trào đấu tranh của nhân dân trong tỉnh bước sang giai đoạn mới - giai đoạn có tổ chức đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, là bước ngoặt lịch sử, chuẩn bị đầy đủ để thành lập các tổ chức đảng ở tỉnh Ninh Bình.

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc. Từ đây, phong trào cách mạng cả nước nói chung và phong trào cách mạng ở Ninh Bình nói riêng có sự lãnh đạo của chính đảng của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và toàn thể nhân dân lao động, đi theo con đường cách mạng vô sản. Phong trào cách mạng ở Ninh Bình dưới sự lãnh đạo của các tổ chức đảng phát triển mạnh mẽ, giành được nhiều thắng lợi lớn trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 và trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, góp phần hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Sau ngày đất nước thống nhất, Ninh Bình có sự thay đổi về địa danh hành chính. Ngày 27/12/1975, Quốc hội khóa V ra nghị quyết hợp nhất tỉnh Ninh Bình với tỉnh Nam Hà thành tỉnh Hà Nam Ninh. Để phù hợp với nhiệm vụ mới, ngày 26/12/1991, tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa VIII đã thông qua Nghị quyết chia tách tỉnh Hà Nam Ninh thành 2 tỉnh Nam Hà và Ninh Bình; ngày 13/01/1992 Tỉnh ủy Hà Nam Ninh ban hành Nghị quyết số 32-NQ/TU về tổ chức thực hiện việc chia tách, tỉnh Ninh Bình được tái lập. Sau khi được tái lập, Ninh Bình đã kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền, nhanh chóng động viên và phát huy sức mạnh của toàn Đảng bộ và nhân dân, ổn định cuộc sống và thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh...

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quán triệt sâu sắc, vận dụng sáng tạo đường lối cách mạng của Đảng vào điều

kiện cụ thể của địa phương, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình tổ chức lãnh đạo quân, dân toàn tỉnh phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, đẩy lên các phong trào cách mạng trong lao động, chiến đấu, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đạt được nhiều thành tựu to lớn, đưa Ninh Bình cùng cả nước tiến bước trên con đường đấu tranh giành độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo phong trào cách mạng ở địa phương, Đảng bộ đã đúc kết được những bài học và kinh nghiệm lịch sử quý báu có ý nghĩa sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn. Hiện nay, tỉnh Ninh Bình đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới và hội nhập, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, là một trong những tỉnh đang đẩy mạnh định hướng phát triển công nghiệp văn hóa, kết hợp hài hòa giữa phục dựng, bảo tồn di sản gắn với tăng trưởng xanh, phát triển bền vững. Từ một tỉnh có điểm xuất phát thấp, đến nay kinh tế liên tục tăng trưởng khá, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh luôn ở mức cao hơn so với trung bình chung của cả nước, giai đoạn 2020-2023 bình quân đạt 7,3%/năm; 9 tháng năm 2024 đạt 8,45% đứng thứ 5/11 tỉnh, thành phố Đồng bằng Sông Hồng, 15/63 các tỉnh, thành phố; thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đứng thứ 11/63 tỉnh, thành phố của cả nước, Năm 2024 tiếp tục thuộc nhóm các tỉnh, thành phố có thu nhập cao tại Việt Nam; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xanh hóa, gia tăng giá trị gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động (công nghiệp và dịch vụ chiếm trên 90%). Du lịch tiếp tục phục hồi và phát triển mạnh mẽ, chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao, tiếp tục nằm trong nhóm 15 điểm đến hàng đầu, 10 tỉnh có lượng khách đến cao nhất cả nước; đã tạo động lực, đòn bẩy thúc đẩy cho các ngành kinh tế khác. Văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống của Nhân dân tiếp tục được cải thiện và nâng lên. Giáo dục - đào tạo được quan tâm, chú trọng phát triển toàn diện cả quy mô và chất lượng, Ninh Bình có 8

năm liên tục nằm trong top 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp trung học phổ thông. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được tăng cường. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác cải cách hành chính; tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí được quan tâm, tập trung chỉ đạo và có nhiều chuyên biến tích cực [17].

Kể từ khi thành lập đến trước ngày 01/7/2025, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã tổ chức 22 kỳ Đại hội. Mỗi kỳ Đại hội đánh dấu bước phát triển của Đảng bộ tỉnh trong quá trình đề ra chủ trương, giải pháp lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh trong từng giai đoạn cách mạng cụ thể. Hiện nay, hệ thống tổ chức của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình được xây dựng hoàn chỉnh từ cấp tỉnh đến cơ sở. Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 48 ủy viên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 15 ủy viên. Sau sáp nhập tỉnh, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 (diễn ra trong 2 ngày 30/9-1/10/2025). Hiện nay, tỉnh Ninh Bình đang tập trung thực hiện khát vọng với mục tiêu đưa Ninh Bình đến năm 2030 là tỉnh khá, cơ bản đạt tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương; đến năm 2035 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng đô thị di sản thiên niên kỷ, thành phố sáng tạo, một trung tâm lớn, có giá trị thương hiệu cao về du lịch, công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản của cả nước và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; một trung tâm hàng đầu đất nước về công nghiệp cơ khí giao thông hiện đại; một trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở các tỉnh phía Nam vùng Đồng bằng Sông Hồng. Địa bàn vững chắc về quốc phòng, an ninh. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, trong sạch toàn diện, kinh tế phát triển, xã hội phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

- Tổ chức bộ máy

Đảng bộ tỉnh Ninh Bình có một hệ thống tổ chức đảng phát triển với nhiều tổ chức cơ sở đảng và một lực lượng đảng viên đông đảo. Tính đến tháng 6/2025, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình có 11 đảng bộ trực thuộc (07 đảng bộ huyện, thành phố, 01 đảng bộ Khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, 03 đảng bộ lực lượng vũ trang), 76.360 đảng viên với 666 tổ chức cơ sở đảng [69]. Các đảng bộ trực thuộc Đảng bộ tỉnh Ninh Bình bao gồm: Đảng bộ thành phố Hoa Lư; Đảng bộ thành phố Tam Điệp, Đảng bộ huyện Gia Viễn, Đảng bộ huyện Nho Quan, Đảng bộ huyện Yên Khánh, Đảng bộ huyện Yên Mô, Đảng bộ huyện Kim Sơn, Đảng bộ Quân sự tỉnh, Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh và Đảng bộ Khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh.

Từ 01/7/2025, thực hiện Quyết định số 313-QĐ/TW ngày 18/6/2025 của Bộ Chính trị, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng trên cơ sở hợp nhất 3 đảng bộ tỉnh: Ninh Bình, Hà Nam và Nam Định. Đảng bộ tỉnh Ninh Bình gồm các tổ chức đảng và đảng viên thuộc 3 Đảng bộ tỉnh: Ninh Bình, Hà Nam và Nam Định trước hợp nhất. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Tỉnh ủy Ninh Bình do Bộ chính trị quy định.

Hiện nay, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 99 đồng chí; Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 25 đồng chí; Phó Bí thư Tỉnh ủy gồm 4 đồng chí; Thường trực Tỉnh ủy gồm 05 đồng chí: Bí thư Tỉnh ủy và 04 Phó Bí thư Tỉnh ủy. Đảng bộ tỉnh có 133 tổ chức đảng trực thuộc (gồm 04 Đảng bộ trực thuộc tỉnh và 129 Đảng bộ xã, phường); có 1.754 tổ chức cơ sở đảng với hơn 240.000 đảng viên.

3.1.2. Khái quát kết quả quá trình chuyển đổi số tại tỉnh Ninh Bình

Trong gần một thập kỷ qua (2016-2024), tỉnh Ninh Bình đã chuyển mình rõ rệt từ một địa phương chủ yếu dựa vào nông nghiệp và du lịch truyền thống sang một không gian phát triển mới dựa trên nền tảng số. Quá trình chuyển đổi số được triển khai đồng bộ theo định hướng quốc gia tại Nghị

quyết 52-NQ/TW (2019), Quyết định 749/QĐ-TTg (2020), Quyết định 942/QĐ-TTg (2021) và đặc biệt là Nghị quyết 57-NQ/TW (2024) về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kết quả đạt được thể hiện rõ ở cả ba trụ cột (chính quyền số, kinh tế số, xã hội số) và đã bao quát được cả sáu nội dung cốt lõi khách quan của chuyển đổi số: hạ tầng số, dữ liệu số, ứng dụng và nền tảng số, nhân lực số, an toàn an ninh mạng, thể chế và chính sách.

Về trụ cột chính quyền số - đây là lĩnh vực đạt kết quả nổi bật nhất, thể hiện sự chuyển đổi căn bản trong phương thức quản lý, điều hành của hệ thống chính trị tỉnh. Ninh Bình đã hoàn thiện hạ tầng số (nội dung cốt lõi thứ nhất) một cách đồng bộ: 100% cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến xã có mạng nội bộ LAN và kết nối đường truyền số liệu chuyên dùng; 100% công chức cấp tỉnh, 90% cấp huyện và xã được trang bị máy tính cùng thiết bị phụ trợ; toàn tỉnh đã chuẩn hóa kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp 2 cho 143 xã/phường/thị trấn và 8 huyện/thành phố theo yêu cầu của Cục Bưu điện Trung ương. Các nền tảng số dùng chung (nội dung cốt lõi thứ ba) được triển khai và vận hành ổn định: Trung tâm điều hành thông minh (IOC), Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (hơn 11 triệu lượt văn bản luân chuyển, 11.127 tài khoản, tỷ lệ sử dụng thường xuyên trên 85%), Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tỉnh đạt cấp độ an toàn thông tin cấp 3, đáp ứng chuẩn IPv6, kết nối với 19 cơ sở dữ liệu chuyên ngành và Cổng Dịch vụ công quốc gia. Năm 2023, hệ thống này tiếp nhận 485.762 hồ sơ, trong đó 339.252 hồ sơ trực tuyến (chiếm 69,83%), và đã khai thác dữ liệu dân cư để định danh, xác thực điện tử cho 253.351 hồ sơ. Các nền tảng khác như hội nghị trực tuyến, thư công vụ điện tử, hợp không giấy, xác thực tập trung (SSO) cũng được triển khai rộng khắp. Đến nay, 100% dịch vụ công đủ điều kiện đã đạt mức độ 4 và được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia từ năm 2021. Những kết quả này đã đưa chỉ số PAR-

Index của tỉnh năm 2022 lên hạng 17/63 (tăng 3 bậc), SIPAS hạng 25/63, đồng thời góp phần quan trọng giúp chỉ số chuyển đổi số (DTI) của Ninh Bình năm 2023 xếp thứ 21/63 tỉnh, thành phố.

Về trụ cột kinh tế số - dù vẫn ở giai đoạn khởi đầu nhưng đã có những bước đi nền tảng rất quan trọng. Thể chế, chính sách (nội dung cốt lõi thứ sáu) được hoàn thiện nhanh chóng và mang tính đột phá: ngày 03/4/2024, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết 23/NQ-HĐND thông qua Đề án chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2024-2025; UBND tỉnh ban hành Quyết định 02/2024/QĐ-UBND về Quy chế quản lý, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo và Quyết định 356/QĐ-UBND về Quy chế quản lý, khai thác Công dữ liệu mở tỉnh. Đây là những văn bản tạo cơ sở pháp lý quan trọng để thúc đẩy kinh tế số, thương mại điện tử, du lịch thông minh và nông nghiệp công nghệ cao. Dữ liệu số (nội dung cốt lõi thứ hai) đã bắt đầu hình thành: Công dữ liệu mở tỉnh được đưa vào vận hành, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; việc khai thác dữ liệu dân cư để định danh điện tử cho hàng trăm nghìn hồ sơ thủ tục hành chính là bước đi thực chất. Một số ứng dụng kinh tế số tiêu biểu đã xuất hiện như ứng dụng Du lịch Ninh Bình, các sàn thương mại điện tử địa phương, hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, tạo tiền đề để nâng tỷ trọng kinh tế số trong GRDP trong giai đoạn 2025-2030. Chỉ số PCI năm 2022 của tỉnh đã tăng 14 bậc (từ thứ 58 lên thứ 44/63), phần nào phản ánh môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện nhờ các nền tảng số và cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số.

Về trụ cột xã hội số - Ninh Bình đã chú trọng đồng thời cả ba nội dung cốt lõi còn lại: nhân lực số, an toàn an ninh mạng và lan tỏa tiện ích số đến người dân. Nhân lực số (nội dung cốt lõi thứ tư) được quan tâm đặc biệt: Kế hoạch 45/KH-UBND ngày 08/3/2024 tổ chức bồi dưỡng nhận thức số, kỹ năng số cho toàn bộ công chức, viên chức các cấp; các chương trình đào tạo trực tuyến, tập huấn chuyên sâu về chính phủ số, đô thị thông minh được triển

khai thường xuyên. Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt gần 70% năm 2023 cho thấy mức độ tiếp cận dịch vụ số của cộng đồng đã tăng đáng kể. An toàn, an ninh mạng (nội dung cốt lõi thứ năm) được đặt ở mức ưu tiên cao: Kế hoạch 112/KH-UBND ngày 05/6/2024 về ứng phó sự cố an toàn thông tin; các hệ thống trọng yếu đều đạt cấp độ an toàn từ cấp 3 trở lên; tỉnh thường xuyên diễn tập ứng phó sự cố mạng và phối hợp chặt chẽ với Cục An toàn thông tin. Những nỗ lực này đã góp phần xây dựng một xã hội số sơ khai, nơi người dân từng bước làm quen và tin tưởng sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng du lịch thông minh, thanh toán không dùng tiền mặt và tham gia phản hồi chính sách qua các kênh số.

Về tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã thể hiện quyết tâm chính trị rất cao. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 2024 đã ban hành 01 Nghị quyết, 02 Quyết định, 07 Kế hoạch và 02 Thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng Ban Chỉ đạo CDS. Nổi bật là Kế hoạch 30/KH-UBND về CDS năm 2024, Kế hoạch 95/KH-UBND triển khai Đề án CDS 2024-2025, Kế hoạch 91/KH-BCĐ về kiểm tra giám sát, cùng nhiều kế hoạch chuyên đề khác. Đến 30/6/2024, 18/18 sở, ban, ngành và 08/08 huyện, thành phố đều có kế hoạch hành động chuyển đổi số riêng. Sở Thông tin và Truyền thông - cơ quan thường trực - đã tổ chức thẩm tra, đánh giá, xếp loại mức độ chuyển đổi số năm 2023 và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ qua Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh, đồng thời tham mưu tổ chức các hội nghị Ban Chỉ đạo thường kỳ và hội nghị trực tuyến toàn quốc.

Như vậy, có thể khẳng định rằng đến cuối năm 2024, chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đã chuyển từ giai đoạn “xây dựng hạ tầng và nền tảng” (2016-2020) sang giai đoạn “vận hành hiệu quả chính quyền số, đặt nền móng vững chắc cho kinh tế số và xã hội số” (2021-2024). Tỉnh đã bao quát được toàn bộ sáu nội dung cốt lõi khách quan và triển khai đồng bộ ba trụ cột theo đúng tinh thần các nghị quyết của Trung ương. Các chỉ số độc lập (DTI xếp thứ 21, PAR-Index thứ 17, PCI tăng 14 bậc) là minh chứng rõ nét cho hiệu quả lãnh

đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh trong việc cụ thể hóa đường lối đổi mới bằng công nghệ số.

Những kết quả này không chỉ là thành tựu hành chính - kỹ thuật mà còn là minh chứng sống động cho năng lực đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong thời kỳ mới: từ lãnh đạo truyền thống sang lãnh đạo bằng nghị quyết gắn với nền tảng số, bằng dữ liệu và bằng việc kiến tạo môi trường sinh thái số thuận lợi. Đây chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để Đảng bộ tỉnh tiếp tục hoàn thiện, nâng tầm năng lực lãnh đạo trong giai đoạn 2025-2030, góp phần đưa Ninh Bình trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu khu vực Đồng bằng Sông Hồng về chuyển đổi số toàn diện

3.2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

3.2.1. Thực trạng phát triển năng lực hoạch định chủ trương, ra nghị quyết và tuyên truyền vận động nhân dân của Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong thời gian qua, năng lực hoạch định chủ trương, kế hoạch, chuẩn bị, xây dựng và ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, trong đó có yêu cầu từ bối cảnh chuyển đổi số. Tỉnh ủy Ninh Bình đã chủ động, sáng tạo và quyết tâm trong việc xây dựng và ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp để đáp ứng yêu cầu từ bối cảnh chuyển đổi số. Ví dụ điển hình là Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã thể hiện sự nhạy bén trong việc nắm bắt các xu thế và yêu cầu mới của thời đại, đồng thời khẳng định quyết tâm của Đảng bộ tỉnh trong việc phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số. Trong Nghị quyết này, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã xác định rất rõ 03 quan

điểm của Đảng bộ tỉnh trong xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số, xác định mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể, 07 nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu để xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 về công tác lãnh đạo chỉ đạo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức; phát triển nền tảng chính quyền điện tử và chuyển đổi số; phát triển chính quyền số; phát triển kinh tế số; phát triển xã hội số; Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, Đảm bảo nguồn lực chuyển đổi số.

Năng lực xây dựng nghị quyết của các tổ chức đảng ở cơ sở đã có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước được nâng cao để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh chuyển đổi số. Điểm nổi bật là các tổ chức đảng ngày càng thể hiện sự chủ động, sáng tạo trong việc đề ra và triển khai nghị quyết, với tinh thần quyết tâm cao, luôn đảm bảo kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Đồng thời, các tổ chức đảng ở cơ sở cũng cũng kế thừa và vận dụng sáng tạo các nguyên tắc của Đảng vào thực tiễn địa phương, tạo ra sức mạnh tổng hợp và thúc đẩy sự phát triển bền vững trong tỉnh.

Bối cảnh chuyển đổi số đòi hỏi tính công khai, minh bạch phải cao, vì vậy, trong quá trình quán triệt đường lối, chủ trương, các quy định của Đảng, chuẩn bị, xây dựng và ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, các cấp uỷ, tổ chức đảng đã nghiêm túc thực hiện phát huy dân chủ, lấy ý kiến góp ý của các nhóm đảng viên đối với các văn bản quan trọng, tác động trực tiếp để nâng cao chất lượng của chủ trương, chính sách, đảm bảo yêu cầu bám sát thực tiễn, gắn chặt với thực tiễn hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên.

Việc quán triệt đường lối, chủ trương, và các quy định của Đảng đã được đẩy mạnh thông qua hình thức trực tuyến với quy mô lớn đến tận cơ sở,

mang lại nhiều lợi ích thiết thực. Nhờ công nghệ, đảng viên có thể lắng nghe và nắm bắt nội dung nghị quyết trực tiếp, một cách nhanh chóng và đầy đủ, góp phần đảm bảo sự đồng thuận và ủng hộ cao từ đội ngũ đảng viên, tạo ra không khí phấn khởi và tin tưởng. Việc học tập và quán triệt nghị quyết bằng hình thức trực tuyến đã trở thành nền nếp, giúp tiết kiệm đáng kể chi phí in ấn nhờ việc phát hành tài liệu qua mã QR, cho phép đảng viên truy cập dễ dàng, nhanh chóng. Các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu đường lối, chủ trương cũng phát huy hiệu quả tích cực, khơi gợi tinh thần học hỏi, củng cố hiểu biết về đường lối của Đảng trong toàn thể đảng viên. Đây là bước tiến quan trọng trong quá trình hiện đại hóa công tác tuyên truyền và giáo dục chính trị trong Đảng, phù hợp với xu thế chuyển đổi số hiện nay.

Những nỗ lực trong việc xây dựng và ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đã góp phần tạo dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của tỉnh. Sự chủ động, sáng tạo và quyết tâm của Tỉnh ủy và các tổ chức đảng đã nâng cao hiệu quả công việc, tạo sự đoàn kết và đồng thuận trong toàn Đảng bộ, đáp ứng tốt yêu cầu từ bối cảnh chuyển đổi số. Từ đó, khẳng định vai trò và vị trí của Đảng bộ tỉnh trong sự phát triển chung của đất nước. Tuy nhiên, việc chuẩn bị, xây dựng và ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo như nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch... trong một số thời điểm chưa theo kịp thực tiễn, gây ra một số tác động tiêu cực đến quá trình chuyển đổi số trong các hoạt động lãnh đạo.

Một trong những hạn chế đáng chú ý là nội dung của một số văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đôi khi không phù hợp hoặc chưa đáp ứng được các yêu cầu của thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số. Việc thiếu cập nhật về công nghệ và các xu hướng mới đã dẫn đến tình trạng một số chính sách trở nên lạc hậu ngay từ khi được ban hành. Những nội dung này không chỉ không thể hiện được tầm nhìn chiến lược về công nghệ mà còn khiến các cơ quan, tổ chức gặp khó khăn trong việc triển khai các hoạt động chuyển đổi số, gây

lãng phí thời gian và nguồn lực. Ví dụ, trong một số trường hợp, các văn bản chỉ đạo không đề cập đầy đủ các yếu tố liên quan đến an ninh mạng, quy định về dữ liệu số và các phương thức quản lý thông tin hiện đại. Hệ quả là các cấp lãnh đạo và cán bộ thực hiện không có căn cứ rõ ràng để triển khai các giải pháp số hóa, dẫn đến thiếu sự đồng bộ trong việc chuyển đổi và thậm chí phải chỉnh sửa, bổ sung sau khi văn bản đã được ban hành.

Ngoài ra, trong quá trình chuyển đổi số, nhu cầu đánh giá và tối ưu hóa nội dung văn bản là rất lớn, đòi hỏi sự linh hoạt trong việc cập nhật các hướng dẫn và chỉ đạo. Tuy nhiên, nếu không có một hệ thống theo dõi và đánh giá chặt chẽ, việc phát hiện và khắc phục các bất cập sẽ gặp nhiều khó khăn, khiến cho hiệu quả của các văn bản bị hạn chế.

3.2.2. Thực trạng tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng bộ tỉnh thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số

Năng lực thực hiện công tác tổ chức, cán bộ được coi trọng, phát triển năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, đảng viên về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số. Để chuyển đổi số thành công, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình xác định phải: “Có cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác chuyển đổi số; ưu tiên bố trí, thu hút, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, biệt phái người có năng lực, trình độ, có tinh thần đổi mới, sáng tạo để làm công tác quản lý, tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền các cấp trong chỉ đạo, triển khai xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số” [72]. Thời gian vừa qua, công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng số, phát triển nguồn nhân lực số đã được quan tâm chú trọng. Ninh Bình là một trong các địa phương sớm triển khai thực hiện đảm bảo an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp và hoàn thành kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia; đảm bảo an toàn thông tin phục vụ kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 08/3/2024 về bồi dưỡng, tập huấn

nâng cao nhận thức số, kỹ năng số trong các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2024. Các cơ quan, đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 29/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TT ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã chủ động xây dựng và tổ chức các chương trình bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức. Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở (MOOCs) cho 4.140 cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Theo thống kê, đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông, đến hết 30/6/2024, Ninh Bình xếp thứ 03/63 tỉnh, thành phố về số lượng tài khoản đăng ký học viên và xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố về tỷ lệ học viên hoàn thành các khóa học trên Nền tảng (~82%).

Hiện nay, tại các cơ quan, đơn vị, địa phương có khoảng 744 công chức, viên chức chuyên trách/kiêm nhiệm làm về công nghệ thông tin, quản trị mạng và chuyển đổi số (mỗi đơn vị, địa phương có ít nhất 01 cán bộ) có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên. Tại các thôn, bản, khu phố có 1.679 Tổ công nghệ số cộng đồng với 8.529 thành viên (tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2023). Nhân lực quản trị và vận hành hạ tầng, hệ thống thông tin, Trung tâm dữ liệu của tỉnh có trình độ từ đại học trở lên; một số cán bộ, công chức, viên chức đã có các chứng chỉ quốc tế CCNA. Tính từ 01/01/2024 đến hết 30/6/2024, Sở Thông tin và Truyền thông (Trung Tâm Công nghệ Thông tin và truyền thông) đã chủ trì tổ chức 37 lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao nhận

thức về kỹ năng số cho 891 lượt Lãnh đạo, công chức, viên chức, người lao động tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, phát triển năng lực lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ, cũng như nâng cao năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số tại Đảng bộ tỉnh Ninh Bình vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Một bộ phận cán bộ, công chức và viên chức còn tâm lý e ngại, chưa thực sự sẵn sàng làm việc trên môi trường số. Năng lực về kỹ năng số của cán bộ, đảng viên chưa đồng đều, dẫn đến sự chênh lệch trong việc nắm bắt và thực hiện các chủ trương chuyển đổi số. Sự chênh lệch này có thể bắt nguồn từ những khác biệt về độ tuổi, kinh nghiệm làm việc trong môi trường số, và mức độ tiếp cận với các chương trình đào tạo chuyên sâu về kỹ năng số. Trong bối cảnh mà nhiều nhiệm vụ và công việc ngày càng dựa vào nền tảng công nghệ, sự thiếu hụt kỹ năng số ở một số cán bộ không chỉ làm chậm tiến độ mà còn hạn chế khả năng sáng tạo và đổi mới trong thực hiện nhiệm vụ. Đối với các chủ trương yêu cầu ứng dụng số hóa nhanh và toàn diện, sự thiếu hụt kỹ năng đồng đều có thể tạo ra điểm nghẽn, làm giảm tính thống nhất và khả năng hợp tác giữa các đơn vị và cấp cơ sở.

3.2.3. Thực trạng hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phù hợp bối cảnh mới

Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã đạt nhiều kết quả trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, lãnh đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế xã hội địa phương đạt được nhiều kết quả tích cực, đáp ứng cơ bản các yêu cầu của thực tiễn, trong đó có một số yêu cầu của bối cảnh chuyển đổi số. Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về *xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030* xác định: “Xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số hướng tới chính quyền số, kinh tế số, xã hội số là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược quan trọng, vừa

cấp bách, vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, là giải pháp đột phá để thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế, xã hội, cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả, tính minh bạch trong hoạt động của các cấp chính quyền; phát huy quyền làm chủ của người dân và phục vụ người dân tốt hơn” [72].

Về lãnh đạo phát triển kinh tế: Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo phát triển kinh tế số, gồm các ngành công nghiệp công nghệ số, ngành công nghiệp viễn thông, ngành bán hàng hóa đơn dựa trên các nền tảng số mà ta vẫn gọi là kinh doanh số như dịch vụ đặt phương tiện giao thông, dịch vụ đặt nhà hàng, khách sạn. Tỉnh cũng đã và đang thực hiện hiệu quả chiến lược theo hướng phát triển “xanh, bền vững và hài hòa”, lấy du lịch và công nghiệp văn hóa làm mũi nhọn, lấy công nghiệp công nghệ cao là trụ cột của công nghiệp cơ khí ô tô hiện đại; lấy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo làm đột phá; lấy nông nghiệp sinh thái, đa giá trị làm trụ đỡ. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 193 doanh nghiệp công nghệ số. Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 100%; doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 50%. Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt khoảng 30%. Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 8,4%. Số hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số là 134.653 hộ, tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử/hộ gia đình đạt 37%. Số tài khoản được mở trên các sàn thương mại điện tử là 110.162 tài khoản với 1.840 sản phẩm đưa lên sàn và 24.699 lượt giao dịch, đạt giá trị trên 5,2 tỷ đồng [2].

Về lãnh đạo các lĩnh vực văn hóa, xã hội: Thực hiện có hiệu quả đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, tạo sự chuyển biến tích cực cả quy mô và chất lượng giáo dục. Công tác chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo được triển khai đồng bộ. 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã triển khai công tác dạy học trực tuyến; triển khai xây dựng và sử dụng hiệu quả phần mềm cơ sở dữ liệu ngành trong việc quản lý và phục vụ người dân. Bên cạnh

đó, công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập phát triển rộng. Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, được sử dụng trong hoạt động khám chữa bệnh và theo dõi sức khỏe đạt gần 90%. Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 40%. Tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, với mục tiêu xây dựng "bệnh viện thông minh", chú trọng đến "3 không": Không xếp hàng, không giấy tờ, không dùng tiền mặt. Bệnh viện đã đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, tự động hóa với hệ thống quản lý tổng thể bệnh viện: ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách thủ tục hành chính nhằm rút ngắn quy trình khám chữa bệnh với các tiện ích như: rút số qua cây thông minh, gọi số tự động; tiếp đón bằng thẻ khám chữa bệnh thông minh, bằng thẻ Căn cước có gắn chip, thanh toán không dùng tiền mặt... Việc ứng dụng công nghệ số tại Bệnh viện đã trở thành công cụ hữu ích góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe Nhân dân, giúp quy trình khám chữa bệnh của người dân được thuận tiện, dễ dàng, nhanh chóng, đồng bộ. Tỷ lệ đóng học phí, viện phí không dùng tiền mặt đạt khoảng 50%. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng Internet đạt 90%; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng Internet cáp quang đạt 70,8%; tỷ lệ người dân trưởng thành sử dụng điện thoại thông minh đạt 89,1%. Người dân bước đầu đã làm quen với khái niệm chuyển đổi số, từng bước cài đặt và sử dụng dịch vụ số phục vụ cho nhu cầu thiết yếu như y tế, giáo dục, chính sách xã hội, phòng chống dịch, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, tham gia sàn thương mại điện tử... [2].

Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tỉnh Ninh Bình triển khai hiệu quả Dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp căn cước công dân gắn chip. Đến ngày 15/12/2023, toàn tỉnh đã kích hoạt 529.510 tài khoản định danh điện tử, vượt 18% chỉ tiêu do Bộ Công an giao.

Trong công tác xây dựng Đảng, Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong lãnh đạo, điều hành; văn bản

điện tử và báo cáo công tác Đảng được số hóa nhằm tăng cường minh bạch, hiệu quả. Công tác tư tưởng được đổi mới thông qua Internet và mạng xã hội, giúp lan tỏa thông tin tích cực. Các lớp bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ tổ chức linh hoạt bằng cả hình thức trực tuyến và trực tiếp, hỗ trợ nâng cao năng lực đảng viên. Các tổ chức Đảng còn chủ động giám sát, phản biện các thông tin tiêu cực trên không gian mạng. Việc triển khai “Sổ tay đảng viên điện tử” tại gần 100% xã, phường, thị trấn đã tăng cường tương tác giữa cấp ủy với cơ sở.

Về phát huy vai trò của hệ thống chính trị, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo thực hiện đồng bộ các biện pháp huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội vào chuyển đổi số. Các đoàn thể như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh... không chỉ làm tốt công tác tuyên truyền, mà còn đồng hành cùng người dân, hội viên, đặc biệt là thanh niên trong các hoạt động chuyển đổi số. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh với khẩu hiệu “Khát vọng - Đoàn kết - Sáng tạo - Hội nhập - Phát triển” đã phát huy vai trò tiên phong, tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số và khởi nghiệp sáng tạo, xây dựng lớp thanh niên Ninh Bình thời đại mới bản lĩnh, dân thân, làm chủ công nghệ và sẵn sàng hội nhập.

Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lãnh đạo, điều hành, góp phần nâng cao hiệu quả và minh bạch. Các văn bản, nghị quyết được số hóa thông qua hệ thống quản lý điện tử như e-Office, giúp xử lý nhanh chóng, lưu trữ an toàn và dễ dàng tra cứu, đồng thời giảm chi phí in ấn, vận chuyển. Các cuộc họp, hội nghị được tổ chức trực tuyến qua Zoom hoặc hệ thống hội nghị truyền hình, đảm bảo kết nối linh hoạt, đặc biệt với các địa phương xa. Báo cáo công tác Đảng cũng được số hóa, sử dụng phần mềm chuyên dụng để tổng hợp, phân tích dữ liệu, hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định chính xác. Công tác tư tưởng được đổi mới mạnh mẽ thông qua Internet và mạng xã hội, với các fanpage chính thức trên

Facebook, Zalo hay website của Đảng bộ tỉnh, thường xuyên đăng tải thông tin về chủ trương, chính sách, thành tựu địa phương. Các video ngắn trên YouTube, TikTok hoặc livestream đối thoại trực tuyến được triển khai để lan tỏa thông điệp tích cực, định hướng dư luận và phản hồi kịp thời các vấn đề nóng, củng cố niềm tin của nhân dân. Đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo cũng tích cực theo dõi, đấu tranh với thông tin sai lệch trên mạng xã hội, đảm bảo môi trường thông tin lành mạnh. Về công tác bồi dưỡng, các lớp lý luận chính trị và nghiệp vụ được tổ chức linh hoạt, kết hợp trực tuyến và trực tiếp. Các nền tảng như Google Classroom, Moodle hoặc hệ thống e-learning nội bộ cung cấp bài giảng, tài liệu số hóa, giúp đảng viên ở vùng sâu, vùng xa học tập dễ dàng. Các khóa học tập trung vào kỹ năng lãnh đạo, thực hiện nghị quyết, tuyên truyền, vận động quần chúng và ứng dụng công nghệ thông tin. Một số lớp học theo mô hình hybrid, với lý thuyết học trực tuyến và thảo luận thực hành trực tiếp, đảm bảo đảng viên nắm vững kiến thức và áp dụng thực tế. Sau mỗi khóa, bài kiểm tra trực tuyến hoặc thực hành tình huống được triển khai để đánh giá hiệu quả. Những đổi mới này giúp tăng cường minh bạch, tiết kiệm nguồn lực, nâng cao năng lực đảng viên và đưa thông tin của Đảng đến gần hơn với người dân, đặc biệt là giới trẻ. Để phát huy hiệu quả, Tỉnh ủy cần tiếp tục đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, đào tạo cán bộ chuyên trách và tăng cường tương tác số với cộng đồng.

3.2.4. Thực trạng hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi số

Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát. Trong bối cảnh chuyển đổi số, Đảng bộ đã áp dụng công nghệ thông tin vào quy trình kiểm tra, giám sát, từ đó giúp nâng cao hiệu quả và độ chính xác của công tác này. Bước đầu đã có ứng dụng hệ thống dữ liệu số và các nền tảng trực tuyến để hỗ trợ và phục vụ cho quá trình theo dõi, giám sát tình hình thực hiện các

nhiệm vụ của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc. Các công cụ này cho phép thu thập và xử lý thông tin nhanh chóng, kịp thời, giúp giảm thiểu sai sót trong quá trình kiểm tra và đánh giá. Đảng bộ tỉnh cũng đã đầu tư vào việc xây dựng hệ thống báo cáo điện tử và cơ sở dữ liệu trực tuyến để quản lý các thông tin liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát. Những hệ thống này cho phép các cán bộ lãnh đạo theo dõi sát sao tiến trình thực hiện các nhiệm vụ tại các cơ sở, đồng thời phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Nhờ vào công nghệ số, việc kiểm tra, giám sát đã trở nên minh bạch, hiệu quả và dễ dàng truy xuất dữ liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu trữ và chia sẻ thông tin.

Trong sơ kết, tổng kết thường kỳ, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình sơ kết và tổng kết, giúp nâng cao tính chính xác, kịp thời trong việc thu thập và phân tích thông tin, áp dụng các phần mềm phân tích dữ liệu để tổng hợp và đánh giá hiệu quả công tác, nhờ đó rút ra những bài học và kinh nghiệm quý báu cho việc thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn tiếp theo. Đặc biệt, các công cụ số hóa đã giúp tiết kiệm thời gian và nhân lực trong quá trình thực hiện báo cáo sơ kết và tổng kết, đồng thời tạo ra các biểu đồ, báo cáo trực quan, dễ hiểu. Việc chuyển đổi sang hình thức báo cáo điện tử và tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết trực tuyến cũng là một điểm sáng trong công tác đổi mới của Đảng bộ tỉnh. Các cuộc họp trực tuyến giúp các cán bộ lãnh đạo, thành viên của Đảng có thể tham gia dù ở xa, giảm thiểu chi phí đi lại mà vẫn đảm bảo tính kịp thời, chặt chẽ trong việc đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3.2.5. Thực trạng đổi mới, sáng tạo và thích ứng của cấp ủy, tổ chức đảng tỉnh Ninh Bình trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở bối cảnh chuyển đổi số

Trong giai đoạn 2021-2024, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã thể hiện rõ sự chuyển biến tích cực về tư duy và phương thức lãnh đạo khi đổi diện với yêu

cầu chuyển đổi số. Điểm nổi bật nhất là sự đổi mới trong nhận thức chiến lược: ngay từ đầu nhiệm kỳ 2020-2025, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU (2021) xác định chuyển đổi số là “nhiệm vụ trọng tâm, mang tính đột phá chiến lược”, thay vì chỉ coi đây là một nội dung kỹ thuật thuộc về chính quyền như nhiều địa phương khác trước đó. Năm 2024, HĐND tỉnh tiếp tục thông qua Nghị quyết 23/NQ-HĐND và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án chuyển đổi số giai đoạn 2024-2025, thể hiện tầm nhìn dài hạn và sự chủ động “đi trước một bước” trong việc cụ thể hóa Nghị quyết 52-NQ/TW và Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Về sáng tạo trong phương thức lãnh đạo, cấp ủy các cấp đã chuyển dần từ lãnh đạo trực tiếp, mệnh lệnh hành chính sang lãnh đạo bằng dữ liệu và nền tảng số. Các chỉ đạo quan trọng được thực hiện qua hệ thống hội nghị trực tuyến đa cấp, giúp rút ngắn thời gian từ khi ban hành nghị quyết đến khi triển khai xuống cơ sở. Nhiều đảng ủy trực thuộc đã thí điểm mô hình “chi bộ số”, sinh hoạt đảng bộ trực tuyến, quản lý đảng viên bằng hồ sơ điện tử và sử dụng phần mềm theo dõi việc thực hiện nghị quyết theo thời gian thực. Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên sử dụng dashboard IOC và hệ thống báo cáo số để nắm tình hình, thay vì chỉ dựa vào báo cáo giấy như trước. Những cách làm này thể hiện sự dám nghĩ dám làm, dám thay đổi chính mình của người đứng đầu cấp ủy.

Khả năng thích ứng được thể hiện ở sự nhạy bén khi điều chỉnh kịp thời trước các thay đổi của môi trường số. Khi Trung ương ban hành các văn bản mới (Quyết định 06, Luật Dữ liệu 2024, Nghị quyết 57-NQ/TW...), Ninh Bình thuộc nhóm tỉnh phản ứng nhanh: chỉ trong vòng 3-6 tháng đã ban hành kế hoạch, quy chế cụ thể để triển khai. Trong đại dịch COVID-19 và giai đoạn hậu dịch, hệ thống hội nghị trực tuyến và chỉ đạo qua nhóm Zalo OA của Tỉnh ủy đã giúp duy trì sự thông suốt trong lãnh đạo mà không bị gián đoạn. Các cấp ủy cũng linh hoạt điều chỉnh kế hoạch đào tạo, chuyển sang

hình thức trực tuyến, kết hợp với các nền tảng học tập của Bộ Thông tin và truyền thông và các tập đoàn công nghệ lớn.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số hạn chế đáng kể về mức độ đồng đều và chiều sâu của sự đổi mới, sáng tạo. Một số cấp ủy huyện, xã vẫn còn tư duy “đợi - dựa - ngại”, chưa chủ động đề xuất mô hình lãnh đạo mới, chưa dám thí điểm các cách làm sáng tạo vì sợ trách nhiệm. Việc ứng dụng AI, phân tích dữ liệu lớn để dự báo tình hình và xây dựng nghị quyết vẫn còn ở mức sơ khai, chủ yếu dừng ở việc sử dụng các dashboard có sẵn mà chưa tự xây dựng các mô hình dự báo riêng của tỉnh. Đội ngũ tham mưu chưa có nhiều cán bộ vừa am hiểu chính trị vừa giỏi công nghệ, dẫn đến một số nghị quyết chuyên đề về chuyển đổi số còn chung chung, thiếu tính đột phá thực sự. Do đó, tuy có những chuyển biến rõ rệt ở cấp tỉnh, nhưng năng lực đổi mới, sáng tạo và thích ứng của toàn Đảng bộ vẫn chưa thực sự đồng bộ và chưa tạo được sự bứt phá vượt bậc so với mặt bằng chung cả nước.

3.2.6. Thực trạng hiệu quả tổ chức triển khai và thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình gắn với chuyển đổi số

Hiệu quả thực hiện Nghị quyết là thước đo cuối cùng, phản ánh mức độ thành công thực tiễn khi Đảng bộ tỉnh biến chủ trương thành hiện thực thông qua việc gắn kết chặt chẽ với chuyển đổi số. Trong giai đoạn 2021-2024, Ninh Bình đã đạt được nhiều kết quả tích cực, nổi bật là việc triển khai nhanh và khá đồng bộ các nghị quyết chuyên đề về chuyển đổi số. Sau khi có Nghị quyết 01-NQ/TU (2021), chỉ trong vòng 2 năm tỉnh đã xây dựng và đưa vào vận hành hầu hết các nền tảng dùng chung (IOC, hệ thống quản lý văn bản, giải quyết thủ tục hành chính mức độ 4, hệ thống báo cáo số...), đạt và vượt nhiều chỉ tiêu Trung ương giao. Đến năm 2024, chỉ trong 6 tháng đầu năm đã ban hành hàng loạt văn bản điều hành mạnh mẽ (01 Nghị quyết Hội đồng nhân dân, 02 Quyết định Ủy ban nhân dân, 07 Kế hoạch, 02 Thông báo kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), thể hiện sự quyết liệt trong tổ chức

thực hiện. 100 % sở, ngành và huyện, thành phố đều có kế hoạch hành động chuyển đổi số riêng, cho thấy tính lan tỏa của nghị quyết từ tỉnh xuống cơ sở.

Về kết quả cụ thể, trụ cột chính quyền số đã có những chuyển biến rõ rệt: tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến đạt gần 70% (2023), chỉ số DTI xếp thứ 21/63 (2023), PAR-Index thứ 17, PCI tăng 14 bậc [20]. Các nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội đã bắt đầu được giám sát, đánh giá bằng công cụ số thay vì chỉ dựa vào báo cáo định kỳ. Việc ứng dụng dữ liệu dân cư để giải quyết thủ tục hành chính và triển khai Cổng dữ liệu mở tỉnh là những kết quả thực tế, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản trị.

Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và chưa đồng đều giữa các trụ cột. Trụ cột kinh tế số còn yếu (xếp thứ 26/63 năm 2022), tỷ trọng kinh tế số trong GRDP vẫn ở mức thấp, số lượng doanh nghiệp công nghệ và startup còn rất khiêm tốn. Trụ cột xã hội số chưa tạo được sự thay đổi lớn trong đời sống người dân: tỷ lệ người dân sử dụng thường xuyên các dịch vụ số ngoài thủ tục hành chính còn thấp, khoảng cách số giữa thành phố và vùng nông thôn vẫn lớn. Việc giám sát thực hiện nghị quyết bằng công nghệ số mới dừng ở cấp tỉnh, chưa triển khai sâu xuống cấp huyện và xã. Nguồn nhân lực số chất lượng cao còn thiếu nghiêm trọng, đặc biệt ở cấp cơ sở, dẫn đến tình trạng “có nền tảng nhưng không có người vận hành tốt”.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế này nằm ở chỗ một số nghị quyết còn nặng về đặt mục tiêu mà chưa có cơ chế giám sát, đánh giá bằng công cụ số chặt chẽ; việc gắn kết trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy với kết quả chuyển đổi số chưa thực sự rõ ràng; nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số còn phân tán, chưa tập trung cho những dự án mang tính đột phá. Vì vậy, tuy hiệu quả thực hiện Nghị quyết ở trụ cột chính quyền số là khá tốt, nhưng hiệu quả tổng thể trên cả ba trụ cột vẫn ở mức trung bình khá, chưa tạo được sự bứt phá mạnh mẽ để Ninh Bình vươn lên nhóm dẫn đầu khu vực Đồng bằng Sông Hồng như kỳ vọng của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII.

3.3. MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trong bối cảnh chuyển đổi số, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong việc phát triển năng lực lãnh đạo để đáp ứng yêu cầu mới về quản lý, điều hành và định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục để đảm bảo vai trò lãnh đạo hiệu quả trong thời đại số.

3.3.1. Thành tựu và nguyên nhân

*** Thành tựu**

Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã đạt được một số thành tựu nổi bật trong phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số:

Thứ nhất, hiệu quả hoạch định chủ trương, kế hoạch và tuyên truyền vận động được nâng lên, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số.

Đảng bộ tỉnh đã ban hành các nghị quyết phù hợp với chiến lược chuyển đổi số quốc gia, như Nghị quyết về phát triển kinh tế số và chính quyền điện tử. Các chương trình tuyên truyền trực tuyến, sử dụng mạng xã hội và cổng thông tin điện tử, đã nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò của chuyển đổi số. Có thể khẳng định rằng Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã thể hiện được vai trò lãnh đạo toàn diện, kịp thời và sát với thực tiễn trong việc triển khai các nhiệm vụ chính trị gắn với yêu cầu chuyển đổi số trong tình hình mới.

Tỉnh đã đạt được kết quả cụ thể, thực chất trong ứng dụng chuyển đổi số ở nhiều lĩnh vực. Trong kinh tế, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào sản xuất và thương mại điện tử đã mang lại các chỉ số ấn tượng như tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 100%, tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trên 50%, và có hơn 1.800 sản phẩm của hộ nông dân được đưa lên sàn thương mại điện tử. Trong y tế và giáo dục, mô hình “bệnh viện thông minh” được triển khai hiệu quả; gần 90% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử; 100% trường học áp dụng dạy học trực tuyến và sử dụng phần mềm quản

lý dữ liệu giáo dục. Những kết quả này cho thấy chuyển đổi số không chỉ nằm ở chủ trương mà đã thực sự đi vào đời sống xã hội. Một điểm sáng nữa trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình là việc huy động cả hệ thống chính trị tham gia vào chuyển đổi số, đặc biệt là phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của lực lượng đoàn viên, thanh niên.

Thứ hai, bộ máy tổ chức Đảng bộ tỉnh từng bước được tinh gọn, hiệu quả, tỷ lệ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu về năng lực số ngày càng cao.

Đảng bộ tỉnh đã từng bước kiện toàn tổ chức, giảm bớt các đầu mối trung gian và ứng dụng công nghệ số trong quản lý. Hệ thống hội nghị trực tuyến và cơ sở dữ liệu tập trung đã cải thiện hiệu quả điều hành. Một tỷ lệ đáng kể cán bộ, đảng viên đã được đào tạo về kỹ năng số, góp phần nâng cao hiệu quả công việc trong các lĩnh vực như dịch vụ công trực tuyến và quản lý hành chính. Việc sử dụng mạng nội bộ (LAN) tại 100% cơ quan Đảng và nhà nước để chia sẻ thông tin, hay việc kết nối đường truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) tại 143 xã, phường, thị trấn, đã giúp lan tỏa nhanh chóng các chủ trương của Đảng.

Thứ ba, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp thông qua chất lượng cung ứng dịch vụ công và tương tác số của Đảng bộ tỉnh ngày càng tăng.

Đảng bộ tỉnh đã đổi mới phương thức lãnh đạo thông qua triển khai công dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng tương tác số, giúp người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin và dịch vụ. Các chính sách khuyến khích doanh nghiệp công nghệ và hỗ trợ khởi nghiệp số đã nhận được phản hồi tích cực, thể hiện qua sự gia tăng đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế số. Nhìn tổng thể, thái độ đối với phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng và đảng viên đã phát triển từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến dần hoàn thiện. Sự ghi nhận các kết quả như chỉ số PCI tăng 14 bậc (từ 58 lên 44) hay PAPI trong top 20 tỉnh là minh chứng cho sự ủng hộ ngày càng tăng, Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) xếp thứ 25/63 giảm 13 bậc so với năm 2021 (năm

2021 xếp thứ 12/63 tỉnh, thành phố) tỉnh, thành phố; chỉ số cải cách hành chính PAR-Index xếp thứ 17/63 tăng 3 bậc so với năm 2021 (năm 2021 xếp thứ 20/63 tỉnh, thành phố); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) nằm trong топ 20 tỉnh, thành phố, giảm 12 bậc (năm 2021 xếp thứ 8/63 tỉnh, thành phố). Chỉ số PCI xếp thứ 44/63 tỉnh, thành phố, tăng 14 bậc so với năm 2021 (năm 2021 xếp thứ 58/63 tỉnh, thành phố) [35-38].

Bảng so sánh các chỉ số quản trị và hành chính công (2021 - 2024)

Chỉ số	Xếp hạng năm 2021	Xếp hạng Năm 2024	Biến động	Đánh giá xu hướng
PCI (Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh)	58/63	44/63	+14 bậc	Tăng trưởng mạnh
PAR-Index (Cải cách hành chính)	20/63	17/63	+3 bậc	Cải thiện ổn định
PAPI (Quản trị & Hành chính công)	8/63	Top 20	-12 bậc	Duy trì nhóm khá
SIPAS (Sự hài lòng của người dân)	12/63	25/63	-13 bậc	(Dù giảm bậc)

Thứ tư, hiệu quả kiểm tra, giám sát có sự cải thiện đáng kể.

Đảng bộ tỉnh đã ứng dụng công nghệ số để tăng cường tính minh bạch, như sử dụng hệ thống giám sát trực tuyến và phần mềm quản lý đảng viên. Tỷ lệ vi phạm được phát hiện và xử lý kịp thời tăng lên, góp phần củng cố kỷ luật, kỷ cương trong Đảng.

*** Nguyên nhân của thành tựu**

Những thành tựu nói trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là, sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy Ninh Bình trong việc thực hiện chiến lược chuyển đổi số, với các nghị quyết và kế hoạch hành động cụ thể; có sự cụ thể, linh hoạt phù hợp với thể mạnh của tỉnh.

Ninh Bình có thế mạnh về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, và lịch sử văn hóa. Vị trí chiến lược, địa hình đa dạng, hệ sinh thái phong phú và bền vững không chỉ là nền tảng vật chất mà còn là cơ sở văn hóa giúp Đảng bộ tỉnh Ninh Bình phát triển năng lực lãnh đạo và chỉ đạo hiệu quả trong quá trình chuyển đổi số. Chính nền tảng này góp phần giúp Đảng bộ tỉnh xây dựng các chính sách, chủ trương và phương án phát triển phù hợp, tận dụng tài nguyên thiên nhiên và di sản văn hóa trong quá trình chuyển đổi số, hướng tới xây dựng một Ninh Bình hiện đại và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, địa phương cũng chú trọng đến việc giáo dục ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường và di sản văn hóa cho cộng đồng, làm tiền đề cho một nền kinh tế xanh, thông minh, hướng tới tương lai.

Trước hết, thành tựu nổi bật của Ninh Bình trong công cuộc chuyển đổi số bắt nguồn từ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm của Tỉnh ủy. Sự quyết liệt được thể hiện rõ qua việc ban hành các văn bản mang tính chiến lược và chỉ đạo xuyên suốt. Đặc biệt, Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã xác định rõ định hướng, mục tiêu và lộ trình chuyển đổi số toàn diện, trong đó nhấn mạnh ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Đây là nền tảng quan trọng giúp các cấp, các ngành thống nhất về tư duy và hành động.

Sự chỉ đạo của Tỉnh ủy không chỉ dừng ở việc ban hành nghị quyết, mà còn gắn với các kế hoạch hành động cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định rõ từng giai đoạn, từng mục tiêu cần đạt được. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy đã thể hiện sự linh hoạt trong cách tiếp cận khi chủ động lựa chọn các lĩnh vực có tiềm năng và thế mạnh để ưu tiên chuyển đổi số. Chẳng hạn, trong lĩnh vực nông nghiệp - ngành có vai trò quan trọng tại Ninh Bình - chính quyền tỉnh đã thúc đẩy mạnh mẽ việc đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, hỗ trợ nông dân số hóa chuỗi giá trị. Hay trong lĩnh vực văn hóa, du lịch, tỉnh đã nhận diện rõ tiềm năng của hệ thống di sản và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ

để quảng bá di sản văn hóa, hướng tới mục tiêu “số hóa” các giá trị truyền thống nhằm phục vụ phát triển kinh tế du lịch bền vững.

Vai trò nêu gương và quyết tâm từ cấp ủy, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị cũng đóng vai trò hết sức quan trọng. Nhiều đơn vị đã chủ động đăng ký mô hình chuyên đổi số tiêu biểu, tham gia thi đua thực hiện các nhiệm vụ số hóa dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin vào điều hành. Nhờ đó, phong trào chuyển đổi số đã lan tỏa mạnh mẽ từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở, từ khối Đảng đến chính quyền, đoàn thể và doanh nghiệp, hình thành một khí thế chung, một tinh thần đổi mới sáng tạo trong toàn tỉnh.

Hai là, sự hỗ trợ từ các cơ chế, chính sách của Trung ương, tạo điều kiện cho tỉnh triển khai các dự án công nghệ;

Tỉnh Ninh Bình thường xuyên nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Nhà nước và Chính phủ giúp Ninh Bình phát huy tiềm năng địa phương... Đảng, Nhà nước, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn và kịp thời, tạo điều kiện cho Ninh Bình phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh chuyển đổi số. Sự quan tâm này không chỉ giúp Đảng bộ tỉnh có định hướng chiến lược rõ ràng mà còn hỗ trợ về mặt tài chính, hạ tầng và đào tạo nhân lực. Các chỉ đạo từ Trung ương giúp Ninh Bình ứng dụng công nghệ số vào quản lý và điều hành, nâng cao hiệu quả trong việc triển khai các nhiệm vụ chính trị, kinh tế và xã hội. Những chính sách này giúp tỉnh có cơ hội đầu tư vào hạ tầng kỹ thuật số, từ đó cải thiện chất lượng quản lý hành chính và tạo nền tảng thuận lợi cho phát triển kinh tế số. Thêm vào đó, các bộ, ban, ngành và đoàn thể Trung ương thường xuyên hỗ trợ, hướng dẫn Ninh Bình trong việc triển khai các kế hoạch, chương trình và nhiệm vụ cụ thể. Điều này giúp tỉnh Ninh Bình vừa phát huy được tiềm lực địa phương, vừa tận dụng được lợi ích từ các chính sách quốc gia để tăng cường năng lực lãnh đạo.

Ba là, nền tảng kinh tế - xã hội, văn hóa - lịch sử và hệ giá trị bản sắc địa phương, sự đoàn kết, thống nhất của toàn Đảng bộ, của hệ thống chính trị

các cấp, sự đồng thuận của người dân và doanh nghiệp, tạo động lực cho Đảng bộ đổi mới phương thức lãnh đạo.

Ninh Bình có truyền thống văn hóa lâu đời, dân trí tương đối cao, tinh thần hiếu học và ý thức cộng đồng bền chặt; đồng thời là địa phương đạt nhiều kết quả quan trọng trong xây dựng nông thôn mới. Đây là những yếu tố xã hội nền tảng giúp các chủ trương đổi mới, trong đó có chuyển đổi số, nhận được sự đồng thuận và ủng hộ rộng rãi của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Sự đoàn kết, thống nhất của toàn Đảng bộ, của hệ thống chính trị các cấp và nhân dân trong tỉnh là một yếu tố quan trọng trong việc tạo nên sức mạnh và sự đồng thuận trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng. Tinh thần đoàn kết, thống nhất là yếu tố quan trọng để Đảng bộ tỉnh Ninh Bình thực hiện hành công những nhiệm vụ, giải pháp phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình nói chung, các cấp uỷ trong Đảng bộ tỉnh nói riêng. Trên thực tế, các nghị quyết, kế hoạch hành động của Tỉnh uỷ đã nhận được sự đồng tình cao trong Đảng bộ. Việc tổ chức học tập, quán triệt và triển khai chủ trương về chuyển đổi số được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, có trọng tâm. Các cơ quan, đơn vị không chỉ xác định trách nhiệm chính trị mà còn thể hiện tinh thần chủ động, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ. Đây là minh chứng cho sự thống nhất về mặt tư tưởng và tổ chức - điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự thành công trong các nhiệm vụ mang tính chất “đột phá” như chuyển đổi số.

Mặt khác, sự đồng thuận xã hội - đặc biệt là sự tham gia của người dân và doanh nghiệp - đã trở thành nhân tố quan trọng giúp chủ trương chuyển đổi số đi vào thực tiễn một cách hiệu quả. Nhiều người dân đã thay đổi thói quen tiếp cận dịch vụ công, ưu tiên sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Doanh nghiệp địa phương chủ động ứng dụng phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử, nền tảng quản trị số, mở rộng thị trường thông qua các kênh thương mại điện tử, v.v. Sự thay đổi về nhận thức và hành động của các chủ thể này là kết quả

của quá trình truyền thông, vận động, hướng dẫn có chiều sâu của các cơ quan chức năng - đồng thời cũng là phản ánh của niềm tin vào chính sách và năng lực điều hành của hệ thống chính trị địa phương.

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

*** Hạn chế**

Bên cạnh những thành tựu, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ nhất, trong một số trường hợp hoạch định chủ trương, kế hoạch và tuyên truyền vận động trong bối cảnh chuyển đổi số còn chậm, chưa theo kịp thực tiễn.

Trong một số thời điểm, việc chuẩn bị, xây dựng và ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo như nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch...chưa theo kịp thực tiễn, làm chậm quá trình chuyển đổi số trong các hoạt động lãnh đạo. Cụ thể hoá đường lối, chính sách thành những chương trình hành động, hoạt động cụ thể còn chậm, chưa sâu sắc, chưa sát yêu cầu. Trên một số vấn đề về cách thực hiện còn chưa thực sự thông suốt hoặc thiếu sự nhất trí cao ở các địa phương. Một số cán bộ lãnh đạo chưa nắm chắc tình hình thực tế của địa phương, dẫn đến việc đưa ra các quyết định và giải pháp chưa phù hợp. Việc thiếu thông tin đầy đủ và kịp thời về tình hình kinh tế - xã hội đã khiến cho công tác lãnh đạo không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Một số nghị quyết vẫn còn mang tính chung chung, chưa cụ thể hóa đầy đủ các giải pháp phát triển kinh tế số hoặc ứng dụng công nghệ trong các ngành đặc thù của tỉnh, như nông nghiệp thông minh. Công tác tuyên truyền trực tuyến chưa đồng đều, đặc biệt ở khu vực nông thôn, dẫn đến nhận thức về chuyển đổi số của một bộ phận nhân dân còn hạn chế.

Việc tổ chức, nghiên cứu, quán triệt học tập và xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện nghị quyết của Đảng ở một số tổ chức cơ sở đảng chưa được quan tâm đúng mức. Trong học tập quán triệt nghị quyết của Đảng nhận thức của cán bộ, đảng viên về đường lối, chủ trương của

Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, vẫn còn những hạn chế như: vẫn có những cán bộ, đảng viên, thậm chí cấp ủy viên nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của các Nghị quyết, về quan điểm, chủ trương của Đảng, vẫn còn một số cán bộ, đảng viên ý thức học tập chưa cao, trong giờ học còn làm việc riêng, chưa tập trung.

Ngoài ra, trong quá trình chuyển đổi số, nhu cầu đánh giá và tối ưu hóa nội dung văn bản là rất lớn, đòi hỏi sự linh hoạt trong việc cập nhật các hướng dẫn và chỉ đạo. Tuy nhiên, nếu không có một hệ thống theo dõi và đánh giá chặt chẽ, việc phát hiện và khắc phục các bất cập sẽ gặp nhiều khó khăn, khiến cho hiệu quả của các văn bản bị hạn chế.

Thứ hai, mức độ tinh gọn và năng lực số của bộ máy mặc dù đã có cải tiến nhưng vẫn tồn tại một số bất cập, tỷ lệ cán bộ, đảng viên thành thạo kỹ năng số vẫn chưa cao, đặc biệt ở cấp cơ sở.

Bộ máy tổ chức của Đảng bộ tỉnh vẫn tồn tại một số bất cập, như sự chồng chéo 1 số phân việc và chức năng giữa các cơ quan. Hiệu quả ứng dụng công nghệ số chưa đồng bộ, với một số đơn vị còn phụ thuộc vào phương thức quản lý truyền thống. Tỷ lệ cán bộ, đảng viên thành thạo kỹ năng số vẫn chưa cao, đặc biệt ở cấp cơ sở, làm giảm hiệu quả triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, sự chênh lệch về nhận thức và kỹ năng số giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị trong tỉnh vẫn còn khá lớn. Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức - nhất là ở cấp cơ sở - còn lúng túng trong tiếp cận và sử dụng công nghệ, chưa có kỹ năng vận hành hiệu quả các nền tảng số trong công việc. Điều này ảnh hưởng đến tính đồng bộ và hiệu quả chung của tiến trình chuyển đổi số.

Trong lãnh đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình tuy đã xác định rõ định hướng phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, trong đó có công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp văn hóa, nhưng việc cụ thể hóa các định hướng này thành sản phẩm kinh tế số có giá trị cao vẫn còn hạn chế. Dù Ninh Bình có định hướng tập trung vào các “bốn hóa” di

sản gồm tài sản hóa, bảo tàng hóa, phim trường hóa và công viên hóa nhưng tỉnh vẫn chưa tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo. Hiện tại, các hoạt động khai thác di sản chủ yếu dừng lại ở mức “khai thác sản phẩm thô” mà thiếu sự kết hợp giữa văn hóa, du lịch và công nghệ hiện đại để tạo ra các sản phẩm du lịch có bản sắc riêng. Tỷ lệ thủ tục hành chính được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tỷ lệ tích hợp, đồng bộ thông tin, dữ liệu thủ tục hành chính của tỉnh lên cổng dịch vụ công quốc gia còn chưa cao. Trong 6 tháng đầu năm 2024, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã lưu được 2.044 bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính vào Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức và cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (chủ yếu là cấp sở, ban, ngành; đối với cấp huyện, cấp xã cần phải tổ chức tập huấn cho Bộ phận một cửa các nội dung liên quan đến lưu trữ, khai thác sử dụng Kho dữ liệu). Việc khai thác, sử dụng Kho quản lý dữ liệu điện tử còn hạn chế là nguyên nhân chính dẫn đến việc khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đạt rất thấp. Việc khai thác, sử dụng các nền tảng số, tạo lập, phát triển dữ liệu số ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được quan tâm đúng mức, chất lượng, hiệu quả chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ chuyển đổi số. Hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động còn chưa được đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị; Hạ tầng mạng cáp viễn thông có tỷ lệ ngầm hóa còn thấp. Công tác triển khai xây dựng trạm BTS của các doanh nghiệp một số nơi còn gặp nhiều khó khăn vì bị người dân cản trở, không cho xây dựng; Tỷ lệ dùng chung hạ tầng viễn thông còn thấp, nhất là dùng chung trạm BTS.

Năng lực lãnh đạo xây dựng nội bộ Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên tiếp cận yêu cầu của chuyển đổi số chưa thể hiện rõ nét. Dù chuyển đổi số đang là xu hướng tất yếu trong phát triển chính trị và xã hội, việc tích hợp công nghệ số vào công tác xây dựng nội bộ Đảng vẫn chưa có chiến lược cụ thể. Các hoạt động lãnh

đạo về tư tưởng, tổ chức, cán bộ chủ yếu vẫn tuân theo những phương pháp truyền thống, chưa có sự kết nối với công nghệ số để tối ưu hóa quản lý và tăng cường tương tác hiệu quả. Các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên tại Ninh Bình chưa được trang bị các công cụ và nền tảng số để tăng cường tương tác, chia sẻ thông tin, và phối hợp hoạt động. Việc sử dụng các công cụ truyền thông nội bộ, cổng thông tin, và ứng dụng di động dành riêng cho đảng viên vẫn còn hạn chế, dẫn đến khó khăn trong việc duy trì liên kết chặt chẽ và phát triển tinh thần đoàn kết giữa các tổ chức cơ sở đảng. Việc thiếu nền tảng số khiến cho Đảng không thể nhanh chóng phổ biến thông tin, cập nhật định hướng và phản hồi từ đảng viên, làm chậm quá trình ra quyết định và triển khai các nhiệm vụ.

Việc đào tạo và bồi dưỡng đảng viên cần phải được chuyển đổi theo hướng số hóa để nâng cao năng lực lãnh đạo và đáp ứng yêu cầu mới. Tuy nhiên, các hình thức đào tạo trực tuyến, hệ thống quản lý học tập và các công cụ hỗ trợ phát triển cá nhân qua công nghệ vẫn chưa được triển khai đồng bộ, khiến cho việc tiếp cận các kiến thức mới, kỹ năng công nghệ và các phương pháp lãnh đạo hiện đại trở nên hạn chế đối với đảng viên. Quá trình phát triển và sử dụng công nghệ số trong lãnh đạo, điều hành của Đảng bộ còn mới mẻ, dẫn đến việc ứng dụng công nghệ chưa đồng bộ và chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu.

Phát triển năng lực lãnh đạo trong một số trường hợp phân công, phối hợp còn thiếu hiệu quả, chưa tận dụng hết vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị và sự đóng góp của nhân dân trong chuyển đổi số. Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã có nhiều nỗ lực trong việc phối hợp cùng các tổ chức đoàn thể và người dân để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, hiệu quả của sự tham gia này có thể được nâng cao hơn nữa nếu có sự phân công, phân quyền rõ ràng và cụ thể hơn qua các nghị quyết, chỉ thị, giúp các tổ chức có điều kiện chủ động hơn trong việc triển khai nhiệm vụ.

Thứ ba, sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh chưa đạt được mức cao nhất.

Tuy Đảng bộ tỉnh đã đổi mới cách thức lãnh đạo, từ việc sử dụng các kênh giao tiếp số để tương tác với nhân dân đến việc áp dụng công nghệ trong quản lý hành chính và giám sát thực hiện nhiệm vụ, nhưng một số dịch vụ công trực tuyến còn gặp trục trặc kỹ thuật hoặc thiếu tính thân thiện với người dùng, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ chưa đủ hấp dẫn để thu hút đầu tư lớn, dẫn đến sự hài lòng chưa đạt mức tối ưu.

Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã có nhiều nỗ lực trong việc phối hợp cùng các tổ chức đoàn thể và người dân để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Các tổ chức chính trị - xã hội như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân Việt Nam tỉnh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam tỉnh và nhiều tổ chức xã hội khác đã đóng góp tích cực trong việc truyền tải thông tin, nâng cao nhận thức và tham gia vào các hoạt động chung. Tuy nhiên, hiệu quả của sự tham gia này có thể được nâng cao hơn nữa nếu có sự phân công, phân quyền rõ ràng và cụ thể hơn qua các nghị quyết, chỉ thị, giúp các tổ chức có điều kiện chủ động hơn trong việc triển khai nhiệm vụ. Ngoài ra, việc xây dựng các kênh thông tin hai chiều và cơ chế phản hồi trực tiếp sẽ tạo điều kiện thuận lợi để người dân đóng góp ý kiến và phản hồi một cách thường xuyên. Trong thời đại công nghệ số hiện nay, đây là nhu cầu cấp thiết để tăng cường tính minh bạch và dân chủ, tạo nền tảng cho công tác lãnh đạo được điều chỉnh kịp thời theo nguyện vọng và ý kiến của nhân dân. Một chiến lược toàn diện để phát huy vai trò của người dân trong quá trình xây dựng và phát triển cũng sẽ góp phần gia tăng sự đồng thuận và ủng hộ đối với các chính sách của Đảng và Nhà nước, từ đó nâng cao hiệu quả của công tác lãnh đạo và quản lý.

Thứ tư, hiệu quả thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, nghiên cứu lý luận trong bối cảnh chuyển đổi số còn hạn chế do thiếu chủ động.

Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, nghiên cứu lý luận trong bối cảnh chuyển đổi số còn thiếu chủ động. Việc ứng dụng công nghệ số trong giám sát chưa được triển khai toàn diện, với một số hệ thống dữ liệu chưa liên thông. Tỷ lệ phát hiện và xử lý vi phạm tuy có cải thiện nhưng vẫn còn trường hợp chậm trễ, ảnh hưởng đến tính nghiêm minh và niềm tin vào công tác lãnh đạo.

Trước 01/7/2025, các đơn vị trong tỉnh có khoảng 300 cán bộ chuyên trách/kiêm nhiệm làm về công nghệ thông tin, quản trị mạng và chuyển đổi số có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, tại các thôn, bản, khu phố có 8.424 thành viên với 1.675 Tổ Công nghệ số cộng đồng, nhưng công tác chỉ đạo triển khai, tổ chức hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương vẫn còn thiếu chủ động, chất lượng, hiệu quả còn hạn chế; Hoạt động kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

**** Nguyên nhân của hạn chế***

Những hạn chế nói trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là, tốc độ phát triển hạ tầng công nghệ thông tin tại địa phương, điều kiện kinh tế - xã hội địa phương còn khó khăn chưa đáp ứng với yêu cầu của chuyển đổi số.

Một trong những yếu tố hạn chế đáng kể trong phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số là sự phát triển chưa đồng bộ và kịp thời của hạ tầng công nghệ thông tin tại địa phương. Hạ tầng công nghệ, bao gồm các mạng viễn thông, cơ sở dữ liệu số hóa, hệ thống lưu trữ và bảo mật thông tin, vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của một nền tảng chuyển đổi số hiệu quả. Hơn nữa, chi phí đầu tư cho các hệ thống này khá cao, đòi hỏi sự hỗ trợ lớn từ ngân sách và các nguồn vốn khác. Điều này

đặt ra thách thức lớn đối với địa phương trong việc đầu tư toàn diện và nhanh chóng vào hạ tầng công nghệ.

Khi hạ tầng công nghệ chưa đáp ứng được, khả năng ứng dụng công nghệ vào các công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của Đảng bộ sẽ bị hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả công việc. Đặc biệt, trong các lĩnh vực quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh có thể chưa hoàn thiện hoặc chưa có khả năng liên kết thông suốt với các hệ thống quản lý của Trung ương, gây ra khó khăn trong việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công tác.

Nguồn lực tài chính dành cho chuyển đổi số tại địa phương còn hạn chế. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ, các chương trình đào tạo và triển khai công nghệ mới.

Ninh Bình vẫn đang gặp khó khăn trong việc phủ sóng mạng lưới Internet chất lượng cao trên toàn tỉnh, đặc biệt là ở các khu vực vùng sâu, vùng xa. Tốc độ Internet 1 số nơi không đủ mạnh đã ảnh hưởng lớn đến khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, cũng như các ứng dụng du lịch thông minh và nền tảng giáo dục số hóa mà tỉnh mong muốn triển khai.

Ngoài ra, sự chênh lệch giữa các khu vực trong tỉnh, từ trung tâm thành phố đến các huyện vùng sâu, vùng xa, dẫn đến tình trạng không đồng đều trong tiếp cận công nghệ thông tin. Các khu vực này thường khó tiếp cận với các phương tiện công nghệ, khiến quá trình chuyển đổi số không được triển khai đồng bộ. Chính vì vậy, khả năng lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh cũng gặp nhiều khó khăn trong việc tạo ra một hệ thống quản lý hiệu quả, công bằng và toàn diện cho mọi khu vực.

Chuyển đổi số là một quá trình không ngừng thay đổi và yêu cầu thích nghi liên tục. Đối với Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, việc liên tục cập nhật các công nghệ mới, các quy trình và phương pháp làm việc là một thách thức lớn. Sự thay đổi liên tục của công nghệ đặt ra yêu cầu cao về kiến thức, kỹ năng và khả năng quản lý, điều mà không phải cán bộ nào cũng có thể nhanh chóng thích nghi. Việc thích ứng với các yêu cầu này đòi hỏi sự linh hoạt, đổi mới trong

phương thức lãnh đạo và quản lý, cũng như tinh thần sẵn sàng chấp nhận thay đổi. Tuy nhiên, ở một số nơi, cán bộ lãnh đạo vẫn chưa có sự linh hoạt và cởi mở cần thiết, dẫn đến sự trì trệ trong quá trình chuyển đổi số. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý mà còn làm giảm tính cạnh tranh của Ninh Bình trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, khi các tỉnh thành khác đang tiến xa hơn trong việc áp dụng công nghệ số vào quản lý.

Hai là, nhận thức và kỹ năng về công nghệ thông tin và chuyển đổi số của một số tổ chức, cán bộ còn hạn chế, quyết tâm chính trị chưa cao, cách làm còn thiếu quyết liệt, triển khai chậm.

Một trong những hạn chế chủ quan nổi bật là sự chưa đồng đều trong nhận thức và kỹ năng công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chuyển đổi số đòi hỏi sự thay đổi lớn về tư duy và cách thức làm việc và nếu cán bộ, đảng viên không sẵn sàng hoặc chưa có đủ kỹ năng công nghệ, thì hiệu quả triển khai sẽ bị giảm sút. Nhiều cán bộ vẫn có thói quen làm việc truyền thống, ngại tiếp xúc với các công cụ số hóa, hoặc không đủ thành thạo để sử dụng các phần mềm quản lý hiện đại. Ngoài ra, việc đào tạo kỹ năng số cho cán bộ chưa được triển khai đồng đều và sâu rộng, dẫn đến tình trạng thiếu hụt những cán bộ có khả năng dẫn dắt chuyển đổi số tại các cấp cơ sở. Sự thiếu hụt này cản trở quá trình thực thi các nghị quyết, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, khi các kế hoạch số hóa thường bị chậm trễ hoặc không đạt được mục tiêu đề ra. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến năng lực lãnh đạo mà còn gây khó khăn trong việc đánh giá và cải thiện chất lượng công tác lãnh đạo của Đảng bộ.

Ba là, cơ chế, chính sách cụ thể để phát triển năng lực số cho cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng của Đảng bộ còn chưa đạt hiệu quả mong muốn, nhất là cơ chế, chính sách hiện thực thu hút lực lượng làm chủ khoa học công nghệ làm việc tại các xã, phường chưa chưa tối ưu

Mặc dù chuyển đổi số đã được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, nhưng tại tỉnh Ninh Bình, các chính sách và chiến lược cụ thể để phát triển năng lực số cho Đảng bộ còn chưa được xây dựng đầy đủ. Việc

thiếu một kế hoạch tổng thể rõ ràng khiến các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số dễ bị phân tán, không có sự phối hợp đồng bộ và hiệu quả. Ngoài ra, việc chưa có cơ chế quan tâm đặc biệt đến tạo động lực, khen thưởng và khuyến khích cán bộ tham gia vào các hoạt động chuyển đổi số, cũng như chưa có cơ chế quản lý, giám sát và các chế tài chặt chẽ, đủ mạnh tạo sự răn đe để đảm bảo tiến độ và chất lượng thực hiện. Vì vậy, chưa tạo được áp lực và cả động lực, làm tăng nhiệt huyết cho đội ngũ cán bộ trong quá trình thực hiện chuyển đổi số, khiến họ không thể khai thác và phát huy tối đa năng lực lãnh đạo trong thời kỳ mới.

Một yếu tố khác ảnh hưởng đến năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình là công tác truyền thông về chuyển đổi số chưa đạt hiệu quả cao. Chuyển đổi số không chỉ đòi hỏi sự tham gia của cán bộ lãnh đạo, của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức mà còn cần có sự đồng thuận và ủng hộ của người dân. Tuy nhiên, một số chính sách, kế hoạch về chuyển đổi số tại địa phương chưa tìm được cách được truyền tải rõ ràng, dễ hiểu và đủ hấp dẫn để thu hút sự quan tâm của cộng đồng. Việc thiếu thông tin cụ thể khiến người dân dễ có những hiểu lầm hoặc thiếu quan tâm đến các chương trình số hóa do Đảng bộ tỉnh triển khai. Điều này không chỉ gây khó khăn trong việc huy động sự tham gia của người dân mà còn ảnh hưởng đến khả năng lãnh đạo và điều hành của Đảng bộ khi các kế hoạch số hóa gặp khó khăn trong thực hiện, nhất là ở các khu vực nông thôn và các cộng đồng dân cư thiếu điều kiện tiếp cận công nghệ.

Bốn là, mô hình tổ chức và vận hành chính quyền địa phương hai cấp còn mới mẻ, đặt ra yêu cầu cao, đòi hỏi phải triển khai hoạt động luôn trong thực tế mà chưa có nhiều thời gian để tập huấn, rút kinh nghiệm và chưa có sự chuẩn bị đồng bộ về năng lực số để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Bên cạnh đó, việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp trong bối cảnh chuyển đổi số đòi hỏi sự thay đổi mạnh mẽ về phương thức lãnh đạo, quản lý, phân cấp, phân quyền và phối hợp giữa 2 cấp chính quyền địa phương. Tuy nhiên, trên thực tế, không ít cấp ủy, chính quyền cơ sở còn

lúng túng trong việc thích ứng với mô hình mới; quy trình số hóa, chia sẻ dữ liệu, xử lý công việc liên thông chưa thực sự thông suốt. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, nhất là trong việc phát huy vai trò của cấp cơ sở trong chuyên đổi số.

3.3.3. Những vấn đề đặt ra

Từ thực trạng phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyên đổi số, có thể thấy rằng dù đạt được nhiều kết quả tích cực, quá trình này đang đặt ra một số vấn đề đòi hỏi sự quan tâm, giải quyết thấu đáo trong thời gian tới.

Một là, sự khó khăn và chậm trễ trong quá trình chuyển đổi từ tư duy lãnh đạo truyền thống sang tư duy lãnh đạo số.

Chuyên đổi số đòi hỏi người lãnh đạo phải có khả năng tư duy theo logic dữ liệu, ra quyết định trên nền tảng công nghệ và phản ứng linh hoạt trước thay đổi nhanh của thực tiễn. Trong khi đó, phần lớn đội ngũ cán bộ vẫn quen với phương thức điều hành hành chính - mệnh lệnh, ít tương tác hai chiều, thiếu công cụ phân tích dữ liệu phục vụ lãnh đạo. Điều này tạo ra sự chênh lệch giữa kỳ vọng về một bộ máy lãnh đạo hiện đại với thực tế vận hành theo tư duy và phương pháp cũ. Trong bối cảnh mới, năng lực lãnh đạo không chỉ dừng ở khả năng hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát theo phương pháp truyền thống, mà còn cần thích nghi với môi trường số hóa, ứng dụng công nghệ thông tin và dữ liệu lớn để đưa ra quyết định hiệu quả, kịp thời, đòi hỏi Đảng bộ tỉnh cần nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện mô hình lãnh đạo thích ứng với thời đại số, thay đổi phương pháp tiếp cận từ chỉ đạo mệnh lệnh sang quản trị linh hoạt, minh bạch, dựa trên số liệu và tương tác đa chiều với các chủ thể trong hệ thống chính trị và xã hội.

Hai là, hệ sinh thái, hạ tầng kỹ thuật của lãnh đạo số chưa đầy đủ, đồng bộ và hoàn thiện.

Để nâng cao hiệu quả lãnh đạo trong bối cảnh số hóa, cần có một hệ sinh thái đồng bộ gồm nền tảng số, kết nối dữ liệu liên thông và đội ngũ cán

bộ có năng lực số. Chuyển đổi số không thể tách rời hạ tầng kỹ thuật và nền tảng dữ liệu. Tuy nhiên, thực tế cho thấy hệ thống hạ tầng số tại một số cấp, ngành vẫn chưa đồng bộ; việc dùng chung cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan còn hạn chế; năng lực quản trị và vận hành nền tảng số tại cấp cơ sở chưa cao. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng một hệ sinh thái lãnh đạo số toàn diện, từ hoàn thiện hạ tầng viễn thông, hiện đại hóa các công cụ làm việc, đến tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị nhằm phục vụ tốt hơn cho quá trình ra quyết định và tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Ba là, mâu thuẫn giữa phương pháp đào tạo truyền thống và yêu cầu xây dựng một đội ngũ nhân sự, nguồn nhân lực số.

Chuyển đổi số trong công tác cán bộ không chỉ là ứng dụng phần mềm quản lý nhân sự, mà quan trọng hơn là nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ có khả năng lãnh đạo trong môi trường số. Thực tiễn đặt ra yêu cầu phải đổi mới nội dung bồi dưỡng lý luận và nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên gắn với các kỹ năng số, tư duy dữ liệu, năng lực thích ứng với công nghệ. Việc tích hợp công nghệ số vào quá trình học tập, tự học, đánh giá kết quả bồi dưỡng cần được thực hiện đồng bộ, có lộ trình, phù hợp với đặc thù từng cấp, từng ngành, từng độ tuổi cán bộ.

Để bảo đảm hiệu quả trong thực hiện chủ trương chuyển đổi số, cần khắc phục tình trạng tuyên truyền hình thức, thiếu chiều sâu, chưa chuyển hóa được thành hành vi, thói quen số trong người dân. Vấn đề đặt ra là phải phát huy được vai trò chủ thể của nhân dân và doanh nghiệp, không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách mà còn là lực lượng đồng hành, kiến tạo, đóng góp sáng kiến và giám sát quá trình lãnh đạo, điều hành. Việc xây dựng các cơ chế, công cụ số để lấy ý kiến, phản hồi từ người dân một cách nhanh chóng, minh bạch sẽ góp phần củng cố niềm tin xã hội vào năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh.

Tiểu kết chương 3

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu, tác động sâu rộng tới mọi lĩnh vực, trong đó có hoạt động lãnh đạo, quản lý của các tổ chức đảng ở địa phương. Với Ninh Bình, chủ động đổi mới phương thức lãnh đạo để thích ứng thời đại số là bước đi đúng đắn, thể hiện tư duy chiến lược và quyết tâm chính trị cao của Đảng bộ tỉnh.

Thời gian qua, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đạt nhiều kết quả trong nâng cao năng lực lãnh đạo, thực hiện nhiệm vụ chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số. Tỉnh đã ban hành nhiều nghị quyết có tính định hướng lâu dài, triển khai đồng bộ trên nhiều lĩnh vực, huy động cả hệ thống chính trị và tạo đồng thuận trong nhân dân, doanh nghiệp; đồng thời bước đầu xây dựng mô hình chính quyền điện tử, kinh tế số, xã hội số phù hợp thực tiễn.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cũng bộc lộ nhiều vấn đề mới, thể hiện mâu thuẫn giữa yêu cầu đổi mới tư duy lãnh đạo với thói quen điều hành truyền thống; giữa mục tiêu xây dựng hệ sinh thái lãnh đạo số với hạn chế về hạ tầng công nghệ, năng lực cán bộ; giữa nhu cầu đào tạo cán bộ hiện đại với hệ thống giáo dục chính trị còn chậm đổi mới; giữa kỳ vọng vào sự tham gia của người dân, doanh nghiệp với mức độ tương tác còn hạn chế. Nếu không kịp thời nhận diện và xử lý, những mâu thuẫn này sẽ cản trở hiện đại hóa phương thức lãnh đạo, làm chậm tiến trình chuyển đổi số.

Thời gian tới, Đảng bộ tỉnh cần tiếp tục đổi mới tư duy lãnh đạo theo hướng số hóa, lấy dữ liệu làm nền tảng quyết định, đặt người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, đồng thời xây dựng đồng bộ hệ sinh thái lãnh đạo số về hạ tầng, thể chế, nhân lực và công nghệ. Việc ứng dụng công nghệ thông tin phải gắn với đổi mới phương thức điều hành, phong cách lãnh đạo, nâng cao tính minh bạch, tương tác trong hoạt động của Đảng. Chỉ khi giải quyết hài hòa mâu thuẫn giữa cũ và mới, truyền thống và hiện đại, Đảng bộ Ninh Bình mới có thể nâng cao năng lực lãnh đạo thực chất, góp phần đưa tỉnh phát triển nhanh, bền vững trong thời kỳ chuyển đổi số.

Chương 4

QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ THỜI GIAN TỚI

4.1. DỰ BÁO BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG THỜI GIAN TỚI

Quá trình chuyển đổi số đang diễn ra sâu rộng trên phạm vi toàn cầu và tại Việt Nam, dự báo sẽ định hình một bối cảnh phát triển hoàn toàn mới với những đặc trưng nổi bật, tác động trực tiếp và sâu sắc đến phương thức lãnh đạo, điều hành của các cấp ủy đảng ở địa phương. Đối với Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, việc nắm bắt, thích ứng và chủ động dẫn dắt chuyển đổi số không chỉ là yêu cầu khách quan của thực tiễn phát triển, mà còn là thước đo quan trọng về năng lực lãnh đạo trong giai đoạn hiện nay.

Trước hết, chuyển đổi số sẽ làm thay đổi căn bản phương thức quản trị xã hội, khi mô hình chính quyền điện tử từng bước chuyển hóa thành chính quyền số, vận hành trên nền tảng công nghệ hiện đại như dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) và ra quyết định theo thời gian thực. Trong bối cảnh này, việc ban hành chủ trương, chính sách không thể tiếp tục dựa trên kinh nghiệm chủ quan hay các báo cáo hành chính truyền thống, mà cần được hoạch định dựa trên hệ thống dữ liệu số hóa có tính liên thông, đồng bộ và phản ánh khách quan thực tiễn. Đối với Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, yêu cầu này đặt ra nhiệm vụ cấp thiết là phải nâng cao năng lực phân tích, dự báo và hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng số. Đồng thời, cần chủ động xóa bỏ tình trạng phân mảnh, cát cứ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị; xây dựng hệ thống dữ liệu liên thông toàn tỉnh phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý. Năng lực lãnh đạo thể hiện ở khả năng biến dữ liệu thô thành những chỉ số chiến lược, mô hình dự báo và kịch bản phát triển có cơ sở khoa học, đặc biệt trong các lĩnh vực thế mạnh như du lịch, công nghiệp chế biến và phát triển đô thị.

Nếu không đáp ứng yêu cầu này, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ sẽ dễ rơi vào trạng thái bị động, thiếu sức nặng trong điều hành, không theo kịp nhịp vận động của xã hội số.

Tiếp theo, kinh tế số đang nổi lên như một động lực tăng trưởng cốt lõi, trong đó nổi bật là sự phát triển nhanh chóng của các mô hình kinh doanh mới, thương mại điện tử, và các nền tảng công nghệ phục vụ du lịch thông minh. Đối với Ninh Bình - một địa phương có lợi thế về tài nguyên thiên nhiên và văn hóa - chuyển đổi số không chỉ tạo điều kiện để khai thác tốt hơn các giá trị di sản như Tràng An, Bái Đính, mà còn đặt ra yêu cầu thay đổi căn bản cách thức phát triển kinh tế. Doanh nghiệp và du khách sẽ tương tác qua các nền tảng số tích hợp, sử dụng các công nghệ thực tế ảo, ứng dụng di động và thanh toán điện tử. Những mô hình sản xuất, kinh doanh truyền thống nếu không kịp thích nghi sẽ bị đào thải. Trước bối cảnh này, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ không chỉ dừng lại ở việc “quản lý” nền kinh tế, mà phải chuyển mạnh sang vai trò “kiến tạo” môi trường đổi mới sáng tạo, định hình chiến lược thu hút đầu tư công nghệ cao, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số và hình thành hệ sinh thái kinh tế số địa phương. Đặc biệt, Đảng bộ phải có tầm nhìn chiến lược để xây dựng Ninh Bình trở thành “đô thị di sản thông minh”, cân bằng giữa bảo tồn và phát triển, giữa bản sắc văn hóa và tiến bộ công nghệ.

Một xu thế lớn khác là sự hình thành của xã hội số với đặc trưng là sự xuất hiện ngày càng rõ nét của “công dân số”. Người dân ngày nay tương tác với chính quyền không chỉ thông qua các kênh truyền thống mà còn qua các nền tảng số như cổng dịch vụ công trực tuyến, mạng xã hội và các ứng dụng di động phản ánh hiện trường. Dư luận xã hội lan truyền nhanh chóng trên môi trường mạng, tạo ra sức ép đáng kể đối với các cấp chính quyền, đòi hỏi cơ chế phản ứng chính sách linh hoạt, kịp thời và có trách nhiệm giải trình cao. Trong bối cảnh đó, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh phải được thể hiện ở khả năng chuyển đổi từ công tác dân vận truyền thống sang dân vận số,

tăng cường năng lực lắng nghe xã hội (social listening), chủ động nắm bắt tâm tư, nhu cầu, nguyện vọng của người dân trên môi trường mạng để kịp thời điều chỉnh chính sách và hoạt động lãnh đạo. Đồng thời, công tác kiểm tra, giám sát cũng cần được số hóa, ứng dụng công nghệ để phát hiện sớm vi phạm, hạn chế tối đa tình trạng “phản ứng sau” như trước đây. Đặc biệt, Đảng bộ tỉnh cần chú trọng xây dựng năng lực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong không gian mạng - một mặt trận mới đầy phức tạp, nơi các quan điểm sai trái, thù địch có thể lan truyền rộng rãi nếu không được phản bác kịp thời và có hệ thống.

Bên cạnh đó, xu thế tự động hóa và ứng dụng AI trong sản xuất, quản lý đang tái cấu trúc thị trường lao động, đặt ra những thách thức lớn về nguồn nhân lực, bao gồm cả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Nhiều công việc hành chính, lặp lại sẽ dần được thay thế bằng công nghệ, trong khi các vị trí lãnh đạo, quản lý lại cần những kỹ năng hoàn toàn mới như phân tích dữ liệu, tư duy thiết kế hệ thống và khả năng ra quyết định trong môi trường số. Tình trạng “khoảng cách kỹ năng” sẽ ngày càng trở nên rõ rệt nếu không có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng phù hợp. Đối với Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, điều này đòi hỏi phải chủ động triển khai các chương trình nâng cao năng lực số cho cán bộ, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp. Đồng thời, phải xây dựng một cơ chế tổ chức tinh gọn, hiệu quả dựa trên ứng dụng công nghệ, từng bước hình thành đội ngũ “lãnh đạo số” - những người không chỉ sử dụng thành thạo công nghệ mà còn biết ứng dụng công nghệ để lãnh đạo hiệu quả trong môi trường mới.

Cuối cùng, vấn đề an ninh phi truyền thống - đặc biệt là an ninh mạng và an ninh dữ liệu - ngày càng trở nên cấp bách trong bối cảnh toàn bộ hệ thống chính trị, kinh tế và xã hội của địa phương được số hóa. Khi các cơ sở dữ liệu dùng chung, hệ thống dịch vụ công, nền tảng hành chính và thậm chí cả thiết bị điều hành thông minh của tỉnh đều kết nối với mạng internet, nguy cơ bị tấn công mạng, mất kiểm soát thông tin hoặc rò rỉ dữ liệu cá nhân là rất

lớn. Đây không chỉ là vấn đề kỹ thuật, mà còn là vấn đề chính trị - tổ chức có thể ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân và tính ổn định của hệ thống chính trị. Do đó, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ cần được mở rộng để bao trùm cả khả năng đảm bảo “chủ quyền số” của tỉnh. Cụ thể, cần xây dựng các cơ chế đảm bảo an toàn thông tin, kiểm soát truy cập dữ liệu, ứng phó với các tình huống khẩn cấp trên không gian mạng. Đồng thời, năng lực lãnh đạo phải thể hiện ở việc định hướng truyền thông chính trị kịp thời, đấu tranh có hiệu quả trên mặt trận tư tưởng và thông tin, không để bị động trước những nguy cơ phát sinh trong môi trường số.

Tổng thể, bối cảnh chuyển đổi số đặt ra những yêu cầu toàn diện, sâu sắc và lâu dài đối với việc phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình. Việc dự báo chính xác các xu thế và lồng ghép hiệu quả các tác động vào chiến lược lãnh đạo là điều kiện tiên quyết để Đảng bộ không chỉ bắt kịp mà còn chủ động dẫn dắt sự phát triển của tỉnh trong kỷ nguyên số, bảo đảm vai trò hạt nhân chính trị và hiệu lực lãnh đạo toàn diện của Đảng trong điều kiện mới.

4.2. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ THỜI GIAN TỚI

Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã xác định việc nâng cao năng lực lãnh đạo là yếu tố then chốt để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số hiệu quả. Quan điểm phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh được thể hiện qua các nội dung chính sau:

4.2.1. Phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số phải bám sát đường lối, chủ trương của Trung ương, đồng thời chủ động, sáng tạo phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương

Quan điểm này được xác lập trên cơ sở đường lối nhất quán của Đảng về xây dựng, chinh đốn Đảng và về chuyển đổi số quốc gia, được khẳng định

trong Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Văn kiện Đại hội XIII của Đảng; cùng các nghị quyết, kết luận của Trung ương về phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Đây là căn cứ chính trị - pháp lý bảo đảm tính thống nhất trong lãnh đạo của Đảng, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và sự đồng bộ của hệ thống thể chế.

Ở địa phương, quan điểm này được cụ thể hóa trực tiếp trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, trong đó xác định chuyển đổi số, cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển tỉnh giai đoạn hiện nay [74]. Nghị quyết đã thể hiện rõ yêu cầu vừa quán triệt nghiêm túc các chủ trương của Trung ương, vừa vận dụng linh hoạt, sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn của Ninh Bình.

Bám sát Trung ương vì vậy không chỉ là chấp hành mang tính hình thức, mà là nắm vững tinh thần đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng trong điều kiện chuyển đổi số. Trên nền tảng đó, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình có cơ sở chính trị và khoa học để chủ động cụ thể hóa đường lối thành tầm nhìn, chiến lược, chương trình và kế hoạch chuyển đổi số phù hợp với quy mô dân số, cơ cấu kinh tế, mô hình phát triển du lịch - công nghiệp - nông nghiệp và trình độ hạ tầng số của địa phương.

4.2.2. Phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh phải được đặt trong tầm nhìn chiến lược dài hạn, đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất số và hoàn thiện quan hệ sản xuất hiện đại

Quan điểm này có cơ sở lý luận từ chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Chuyển đổi số, xét về bản chất, là bước phát triển mới của lực lượng sản xuất trong điều kiện Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó tri thức, dữ liệu, công nghệ số và

đổi mới sáng tạo trở thành yếu tố quyết định năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết số 52-NQ/TW đều nhấn mạnh yêu cầu gắn phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Trên tinh thần đó, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã đặt ra yêu cầu phát triển tỉnh theo hướng hiện đại, bền vững, coi chuyển đổi số là động lực quan trọng để tái cấu trúc nền kinh tế và phương thức quản trị địa phương [74].

Do vậy, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh không thể chỉ dừng ở việc xử lý các vấn đề trước mắt, mà phải đủ tầm để dẫn dắt quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình quản trị và hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất số trong dài hạn, bảo đảm không làm lệch mục tiêu công bằng và tiến bộ xã hội.

4.2.3. Đảng bộ tỉnh Ninh Bình phải gương mẫu đi đầu, giữ vai trò tiên phong trong xây dựng xã hội số, kinh tế số và chính quyền số ở địa phương

Quan điểm này xuất phát từ vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với hệ thống chính trị, được khẳng định trong Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và các văn kiện Đại hội XIII. Chuyển đổi số ở địa phương chỉ có thể diễn ra đồng bộ, hiệu quả khi Đảng bộ tỉnh thực sự giữ vai trò chủ động dẫn dắt, định hướng và điều tiết quá trình đó.

Trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã xác định rõ trách nhiệm nêu gương, tiên phong của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thực hiện chuyển đổi số, cải cách hành chính và đổi mới phương thức lãnh đạo [74]. Quan điểm này phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về tiếp

tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả [18].

Theo đó, Đảng bộ tỉnh phải đi đầu trong xây dựng xã hội số với các giá trị văn hóa số tiên bộ; định hướng phát triển kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng mới; và tiên phong trong xây dựng chính quyền số, lãnh đạo và quản lý dựa trên dữ liệu, pháp quyền và phục vụ nhân dân.

4.2.4. Phát triển năng lực lãnh đạo phải hướng tới mục tiêu phát triển nhanh, xanh, bền vững, lấy việc bảo đảm và nâng cao quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân làm thước đo

Quan điểm này thể hiện rõ định hướng giá trị của phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số, phù hợp với tinh thần Đại hội XIV của Đảng về phát triển nhanh và bền vững đất nước. Chuyển đổi số không phải là mục tiêu tự thân, mà là công cụ để thúc đẩy tăng trưởng dựa trên tri thức và công nghệ, chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng xanh, bền vững và bao trùm.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 nhấn mạnh yêu cầu lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm của cải cách, nâng cao chất lượng phục vụ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân trong quá trình phát triển [74]. Trong điều kiện số, các quyền này được mở rộng sang quyền tiếp cận thông tin, dịch vụ công trực tuyến, bảo vệ dữ liệu cá nhân và tham gia quản lý xã hội trên môi trường số.

Do đó, phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số phải hướng tới thiết kế và giám sát các chính sách phát triển theo hướng nhanh, xanh, bền vững, không để ai bị bỏ lại phía sau, qua đó củng cố niềm tin và sự gắn bó của nhân dân đối với Đảng và hệ thống chính trị.

4.3. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ THỜI GIAN TỚI

Trong bối cảnh chuyển đổi số, Tỉnh ủy Ninh Bình đã đề ra các phương hướng cụ thể nhằm phát triển năng lực lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu của thời đại số hóa. Các phương hướng chính bao gồm:

4.3.1. Phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ đáp ứng yêu cầu của ba khâu đột phá chiến lược theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 đến 2030

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã xác định rõ ba khâu đột phá mang tính chiến lược, bao gồm:

(1) Đổi mới mạnh mẽ tư duy và hành động; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; đột phá phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số...

(2) Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh thu hút, trọng dụng nhân tài...

(3) Huy động, tập trung nguồn lực, hoàn thiện hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, ưu tiên các công trình giao thông trọng điểm, các dự án kết nối liên vùng...[74]

Chuyển đổi số là một nhiệm vụ chiến lược, xuyên suốt và có ý nghĩa đột phá. Nghị quyết cũng đặt ra các chỉ tiêu chủ yếu về chuyển đổi số đến năm 2030 là: tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ công từ 85% trở lên; tỉ lệ giao dịch không dung tiền mặt từ 80% trở lên; tỉ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân từ 80% trở lên.

Việc triển khai Nghị quyết không chỉ thể hiện tầm nhìn chiến lược của Ban chấp hành Tỉnh ủy mà còn là cơ sở để các cấp ủy, tổ chức đảng cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số trong từng lĩnh vực, từng ngành, tạo nền tảng cho

phát triển bền vững của tỉnh. Tuy nhiên, cũng đặt ra yêu cầu phải phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh và các tổ chức đảng trong toàn tỉnh tương xứng đủ sức lãnh đạo thực hiện thắng lợi ba khâu đột phá và các chỉ tiêu về chuyển đổi số.

4.3.2. Xây dựng phương thức lãnh đạo số, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ trong xây dựng chính quyền điện tử và chính quyền số; Đẩy mạnh cải cách hành chính, kiến tạo các điều kiện cho sự phát triển kinh tế- xã hội địa phương

Một trong những phương hướng quan trọng được tỉnh triển khai là đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy các cấp theo hướng khoa học, thiết thực và hiệu quả. Phương pháp làm việc của các cơ quan đảng được cải tiến theo hướng phát huy dân chủ, tăng tính chủ động và trách nhiệm cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu. Đồng thời, chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng được chú trọng nâng cao thông qua việc đánh giá năng lực thực tiễn của tổ chức và đảng viên, gắn trách nhiệm của tổ chức đảng với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội ở địa phương, đơn vị.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển và hội nhập, Đảng bộ tỉnh tập trung chỉ đạo công tác cải cách hành chính toàn diện, trong đó ưu tiên đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý và tăng cường dịch vụ công trực tuyến. Việc xây dựng chính quyền điện tử gắn với chuyển đổi số trong quản lý nhà nước giúp nâng cao hiệu quả công việc, minh bạch hóa hoạt động công quyền, tăng cường sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Đây cũng là yêu cầu cấp thiết trong việc tăng tính cạnh tranh của tỉnh so với các địa phương trong vùng Đồng bằng Sông Hồng và cả nước.

4.3.3. Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nguồn nhân lực số

Cùng với việc hoàn thiện thể chế, tỉnh đã đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị số và nền tảng dữ liệu dùng chung từ cấp

tỉnh đến cấp xã. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã xác định: “Tổng chi cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số (bao gồm cả đầu tư và sự nghiệp) đạt trên 3,5% tổng chi ngân sách địa phương hàng năm”. Các hệ thống phần mềm quản lý, cổng dịch vụ công, hệ thống điều hành thông minh được triển khai đồng bộ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lãnh đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ số. Song song đó, tỉnh đặc biệt quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng số. Đây là tiền đề quan trọng để Đảng bộ tỉnh thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng chính quyền hiện đại, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Những phương hướng trên thể hiện quyết tâm của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

4.4. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ THỜI GIAN TỚI

4.4.1. Đẩy mạnh phát triển tư duy lãnh đạo số trong toàn Đảng bộ

Từ yêu cầu khách quan của bối cảnh phát triển mới và xuất phát từ đặc điểm cụ thể của tỉnh Ninh Bình, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đã chỉ rõ: “...Tăng trưởng kinh tế chủ yếu vẫn dựa vào động lực truyền thống; dịch vụ cao cấp chưa phát triển, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn khó khăn, chưa thu hút được nhiều dự án có quy mô, đóng góp cho ngân sách...; hạ tầng và môi trường đô thị còn nhiều hạn chế...” [74]. Vì vậy, việc tập trung phát triển mạnh mẽ tư duy lãnh đạo số trong toàn Đảng bộ, **đặc biệt là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban**

Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và các cấp uỷ cơ sở cần được xác định là “điểm đột phá” mang tính quyết định. Trong điều kiện không thể cạnh tranh bằng quy mô hay nguồn lực vật chất, Ninh Bình chỉ có thể tạo ra lợi thế phát triển bền vững nếu dựa vào chất lượng lãnh đạo, quản trị và khả năng tận dụng hiệu quả tri thức, dữ liệu và công nghệ. Vì vậy, chuyển đổi từ tư duy lãnh đạo truyền thống sang tư duy lãnh đạo số không chỉ là yêu cầu chung của cả nước, mà còn là đòi hỏi cấp thiết đối với riêng Đảng bộ tỉnh Ninh Bình nhằm khắc phục tình trạng chậm trễ, bị động trong quá trình chuyển đổi số.

Chuyển đổi số, đối với Ninh Bình, không thể được hiểu một cách giản đơn là ứng dụng công nghệ thông tin hay số hóa một số quy trình hành chính, mà phải là sự thay đổi căn bản trong cách thức tổ chức, điều hành và quản trị phát triển địa phương. Trong bối cảnh quản lý phát triển đa ngành, đa lĩnh vực - từ bảo tồn và phát huy giá trị di sản Tràng An, phát triển du lịch bền vững, đến xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu và thu hút đầu tư xanh - nếu tư duy lãnh đạo vẫn nặng về kinh nghiệm, cảm tính, quen xử lý theo mệnh lệnh hành chính, thiếu dựa vào dữ liệu và phân tích khoa học, thì dù đầu tư hạ tầng số đến đâu cũng khó tạo ra hiệu quả thực chất. Do đó, thay đổi tư duy, trước hết là tư duy lãnh đạo số, phải được xác định là “khâu mở đường”, là đột phá về nhận thức để tạo nền tảng cho mọi đổi mới trong quá trình phát triển của tỉnh.

Tư duy lãnh đạo số của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình cần được hiểu là sự kết hợp chặt chẽ giữa nền tảng lý luận của Đảng với những yêu cầu, phương thức quản trị mới của thời đại số, phù hợp với điều kiện và mục tiêu phát triển của địa phương. Đó là tư duy coi dữ liệu, tri thức và công nghệ số là nguồn lực chiến lược, đặc biệt quan trọng đối với một tỉnh hướng tới phát triển nhanh nhưng phải xanh và bền vững; coi chuyển đổi số là phương thức phát triển mới, là công cụ nâng cao chất lượng quản trị nhà nước, hiệu lực điều hành và năng lực cạnh tranh của địa phương, chứ không phải là một phong trào mang

tính kỹ thuật đơn thuần. Tư duy lãnh đạo số thể hiện ở năng lực nhìn nhận các vấn đề phát triển của tỉnh một cách hệ thống, liên thông giữa các ngành, lĩnh vực; ở thói quen ra quyết định dựa trên dữ liệu, bằng chứng và phân tích khoa học, nhất là trong các lĩnh vực then chốt như quy hoạch, du lịch, môi trường, đầu tư; ở khả năng chấp nhận đổi mới, thí điểm các mô hình mới trong phạm vi kiểm soát, thay vì tâm lý “an toàn”, ngại thay đổi; ở tính mở trong tiếp nhận ý kiến của chuyên gia, doanh nghiệp, người dân thông qua cả không gian truyền thống và không gian số; và ở việc luôn đặt tiêu chí nâng cao quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân tỉnh Ninh Bình làm thước đo cuối cùng cho mọi quyết sách chuyển đổi số.

Để hình thành và phát triển mạnh mẽ tư duy lãnh đạo số, quá trình triển khai cần được tiến hành đồng bộ, có lộ trình, nhưng phải bắt đầu từ cấp cao nhất của Đảng bộ tỉnh. Trước hết, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình cần gương mẫu đi đầu trong học tập, cập nhật tư duy mới về chuyển đổi số thông qua các lớp bồi dưỡng chuyên đề, hội thảo lý luận - thực tiễn, sinh hoạt chuyên đề của cấp ủy. Việc nghiên cứu các chủ trương, chính sách của Trung ương về chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số cần gắn chặt với việc phân tích sâu tác động và khả năng vận dụng vào điều kiện cụ thể của Ninh Bình, qua đó hình thành nhận thức thống nhất trong tập thể lãnh đạo tỉnh về tính tất yếu và vai trò then chốt của tư duy lãnh đạo số. Trên cơ sở đó, yêu cầu đổi mới tư duy cần được lan tỏa có chủ đích xuống các cấp ủy, chính quyền thông qua các hội nghị quán triệt, các lớp bồi dưỡng cho cán bộ chủ chốt cấp huyện, cấp xã, gắn với các tình huống thực tiễn trong lãnh đạo, quản lý từng lĩnh vực cụ thể của địa phương.

Song song với công tác giáo dục, bồi dưỡng, cần từng bước thể chế hóa yêu cầu về tư duy lãnh đạo số trong các quy định nội bộ của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình. Các tiêu chí về tầm nhìn chiến lược, khả năng tiếp cận và ứng dụng công nghệ, thói quen sử dụng dữ liệu trong lãnh đạo, quản lý cần được

lồng ghép vào hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Khi việc chậm đổi mới tư duy, thiếu năng lực thích ứng với chuyển đổi số được coi là một hạn chế về năng lực lãnh đạo và được phản ánh trong công tác đánh giá, xếp loại, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, thì yêu cầu phát triển tư duy lãnh đạo số sẽ trở thành động lực nội tại thúc đẩy đội ngũ cán bộ tự học hỏi và đổi mới.

Một phương diện quan trọng khác là phải gắn việc phát triển tư duy lãnh đạo số với thực hành lãnh đạo số trong hoạt động hằng ngày của Đảng bộ tỉnh. Cấp ủy các cấp không chỉ dừng lại ở việc ban hành chủ trương, nghị quyết về chuyển đổi số, mà cần trực tiếp sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm quản lý, công cụ phân tích dữ liệu và các kênh tương tác số với người dân, doanh nghiệp trong quá trình chỉ đạo, điều hành. Việc áp dụng các mô hình mới như họp trực tuyến, lấy ý kiến nhân dân qua nền tảng số, giám sát giải quyết thủ tục hành chính bằng hệ thống thông tin, sử dụng bảng điều khiển số để theo dõi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nếu được lãnh đạo Ninh Bình thực hiện một cách nghiêm túc và hiệu quả, sẽ là minh chứng sinh động cho sự chuyển biến từ tư duy lãnh đạo truyền thống sang tư duy lãnh đạo số.

Cuối cùng, để giải pháp này phát huy hiệu quả bền vững, cần xây dựng môi trường văn hóa trong Đảng bộ tỉnh Ninh Bình khuyến khích học hỏi, đổi mới và dám chịu trách nhiệm. Văn hóa đó phải đề cao tinh thần cầu thị trước cái mới, chấp nhận những sai sót có kiểm soát trong quá trình thử nghiệm, nhưng kiên quyết không chấp nhận sự trì trệ, bảo thủ; khuyến khích cán bộ đề xuất sáng kiến chuyển đổi số gắn với đặc thù lĩnh vực mình phụ trách; đồng thời kịp thời ghi nhận, lan tỏa các mô hình, điển hình tiên tiến trong đổi mới tư duy lãnh đạo. Khi tư duy lãnh đạo số trở thành nhu cầu tự thân của đội ngũ cán bộ, đảng viên và được nuôi dưỡng bởi cả cơ chế lẫn môi trường văn hóa phù hợp, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình mới thực sự tạo được “điểm đột phá” để

vượt qua sức ì trong chuyển đổi số và dẫn dắt hiệu quả quá trình phát triển của địa phương trong kỷ nguyên số.

4.4.2. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bộ đáp ứng với bối cảnh chuyển đổi số

Việc đổi mới cơ cấu tổ chức và hiện đại hóa phương thức lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình là yêu cầu tất yếu, xuất phát từ những biến đổi sâu sắc của bối cảnh phát triển hiện nay, đặc biệt là tác động toàn diện của chuyển đổi số đối với môi trường chính trị - xã hội, điều kiện kinh tế - kỹ thuật và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng lãnh đạo, quản trị địa phương. Với đặc thù là một tỉnh vừa được sáp nhập, các nguồn lực đầu tư còn hạn chế, tăng trưởng kinh tế chủ yếu vẫn dựa vào động lực truyền thống song lại giữ vai trò quan trọng trong bảo tồn di sản văn hóa - thiên nhiên, phát triển du lịch bền vững và xây dựng mô hình tăng trưởng xanh, Ninh Bình càng đòi hỏi bộ máy lãnh đạo phải tinh gọn, linh hoạt và có năng lực điều hành hiện đại để tận dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có.

Chuyển đổi số không chỉ làm thay đổi phương thức sản xuất, quản lý và phân phối, mà còn tác động trực tiếp đến cơ cấu tổ chức và phương thức lãnh đạo, điều hành của hệ thống chính trị. Trong môi trường số, các tổ chức không còn vận hành hiệu quả theo mô hình tuyến tính, phân tầng cứng nhắc, mà cần chuyển sang mô hình linh hoạt, kết nối đa chiều và dựa trên dữ liệu. Đối với Ninh Bình - nơi các vấn đề phát triển mang tính liên ngành cao như bảo tồn di sản gắn với phát triển du lịch, quản lý tài nguyên môi trường gắn với thu hút đầu tư - nếu bộ máy tổ chức của Đảng bộ vẫn duy trì mô hình truyền thống, nhiều tầng nấc trung gian, quy trình thủ công, thì sẽ khó đáp ứng yêu cầu quản trị hiện đại, làm chậm quá trình ra quyết định và giảm hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo.

Thực tiễn tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở Ninh Bình cho thấy vẫn còn tồn tại những hạn chế được nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng

bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030: “Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa thật sự chủ động, sáng tạo trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của tỉnh; nắm bắt tư tưởng, dư luận có việc chưa kịp thời, đánh giá, quy hoạch, phát hiện, sử dụng cán bộ còn hạn chế; phát triển đảng viên chưa đạt yêu cầu...” [74]. Phương thức lãnh đạo ở một số nơi còn mang nặng tính mệnh lệnh hành chính, áp đặt một chiều từ trên xuống, thiếu cơ chế phản biện, tiếp nhận thông tin ngược chiều và tương tác thường xuyên với người dân, doanh nghiệp. Những hạn chế này bộc lộ rõ hơn trong bối cảnh xã hội số, khi người dân có nhiều kênh tiếp cận thông tin, yêu cầu ngày càng cao về minh bạch, trách nhiệm giải trình và chất lượng phục vụ của bộ máy công quyền.

Đối với một địa phương như Ninh Bình, việc xây dựng cơ cấu tổ chức hiện đại, tinh gọn và linh hoạt có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Một bộ máy tinh gọn không chỉ giúp giảm chi phí hành chính, mà còn nâng cao khả năng phối hợp liên ngành, phản ứng nhanh trước những biến động từ môi trường bên ngoài, nhất là trong quản lý du lịch, ứng phó thiên tai, bảo vệ môi trường và thu hút đầu tư. Đồng thời, hiện đại hóa phương thức lãnh đạo sẽ giúp Đảng bộ tỉnh chuyển từ vai trò chỉ đạo - kiểm soát thuần túy sang vai trò kiến tạo phát triển, dẫn dắt chiến lược và hỗ trợ đổi mới sáng tạo, qua đó nâng cao chất lượng điều hành và hiệu quả quản trị địa phương.

Trong bối cảnh người dân và doanh nghiệp ngày càng kỳ vọng vào một nền quản trị minh bạch, hiệu quả, lấy phục vụ làm trung tâm, việc đổi mới cơ cấu tổ chức và phương thức lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình không chỉ nhằm hoàn thiện bộ máy bên trong, mà còn hướng tới xây dựng một nền quản trị hiện đại, gần dân, vì dân. Đây chính là cơ sở quan trọng để củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và hệ thống chính trị ở địa phương.

Mục tiêu cốt lõi của việc đổi mới cơ cấu tổ chức và hiện đại hóa phương thức lãnh đạo là nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện của Đảng bộ

tin, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số đặt ra nhiều vấn đề mới như quản lý và khai thác dữ liệu lớn, bảo đảm an ninh mạng, điều hành chính sách thông minh và tăng cường tương tác số với công dân. Những yêu cầu này đòi hỏi bộ máy tổ chức phải có tính “mở”, sẵn sàng tiếp nhận công nghệ mới, ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào công tác lãnh đạo, điều hành và biết khai thác hiệu quả dữ liệu trong hoạch định, giám sát chính sách phát triển của tỉnh.

Như vậy, đổi mới cơ cấu tổ chức và hiện đại hóa phương thức lãnh đạo không chỉ là yêu cầu cấp bách, mà còn là điều kiện cần thiết để Đảng bộ tỉnh Ninh Bình phát huy đầy đủ vai trò lãnh đạo trong thời đại số. Đây không đơn thuần là cải cách hành chính, mà là chiến lược nâng cao năng lực cầm quyền, làm cho Đảng ngày càng gần dân hơn, hiệu quả hơn và đủ năng lực dẫn dắt quá trình phát triển nhanh, xanh và bền vững của địa phương.

Để việc đổi mới đạt hiệu quả thực chất trong điều kiện chuyển đổi số, cần triển khai đồng bộ, có lộ trình rõ ràng và gắn chặt giữa đổi mới tư duy, tổ chức và hành động. Quá trình này vừa phải bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy tính linh hoạt, tinh gọn và hiệu quả của bộ máy chính trị trong môi trường số.

Trên cơ sở đó, cơ cấu tổ chức của các cấp ủy và tổ chức trong hệ thống chính trị ở Ninh Bình cần được rà soát, tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, tích hợp và kết nối số; phương thức lãnh đạo cần chuyển mạnh sang lãnh đạo bằng dữ liệu, số hóa quy trình ra quyết định; tổ chức bộ máy phải được điều chỉnh phù hợp với môi trường vận hành số; công nghệ số cần được áp dụng sâu rộng trong quản trị hành chính nội bộ; năng lực lãnh đạo số của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt, phải được nâng cao một cách bài bản; đồng thời thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá và cải tiến liên tục dựa trên các chỉ số định lượng rõ ràng.

Tóm lại, đổi mới cơ cấu tổ chức và hiện đại hóa phương thức lãnh đạo là đòn bẩy chiến lược để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh

Bình trong bối cảnh chuyển đổi số. Việc triển khai giải pháp này cần được gắn chặt với điều kiện thực tiễn và đặc thù phát triển của địa phương, qua đó xây dựng một bộ máy chính trị tinh gọn, thông minh, hiệu quả và đủ năng lực dẫn dắt Ninh Bình phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

4.4.3. Từng bước hoàn thiện hệ sinh thái và hạ tầng kỹ thuật phục vụ lãnh đạo số, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của tỉnh

Hoàn thiện hệ sinh thái và hạ tầng kỹ thuật phục vụ lãnh đạo số, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của tỉnh, trước hết bắt nguồn từ thực tế: nếu thiếu “nền đất” công nghệ và môi trường số phù hợp, mọi nỗ lực đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo rất dễ dừng lại ở khẩu hiệu. Hạn chế về hạ tầng công nghệ thông tin, về kết nối số giữa các cấp, các ngành, nhất là giữa đô thị với nông thôn, miền núi, trực tiếp làm chậm quá trình số hóa trong lãnh đạo, chỉ đạo, làm giảm khả năng tiếp cận dữ liệu và tri thức của đội ngũ cán bộ. Do đó, việc hoàn thiện hệ sinh thái và hạ tầng kỹ thuật không phải là vấn đề thuần túy kỹ thuật, mà là điều kiện tiên quyết để năng lực lãnh đạo số của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình có “điểm tựa” vật chất và môi trường vận hành ổn định.

Hệ sinh thái phục vụ lãnh đạo số cần được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả hạ tầng cứng và “hạ tầng mềm”. Hạ tầng cứng là mạng lưới viễn thông, đường truyền băng rộng, thiết bị đầu cuối, trung tâm dữ liệu, nền tảng số dùng chung cho các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Hạ tầng mềm là hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, các quy trình xử lý công việc trên môi trường số, các quy định về chia sẻ, kết nối, bảo mật dữ liệu, các chuẩn mực về an toàn thông tin, cũng như đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành, bảo trì hệ thống. Một hệ sinh thái lãnh đạo số đầy đủ còn bao hàm cả các công cụ phân tích, tổng hợp, trực quan hóa dữ liệu phục vụ ra quyết định của cấp ủy, giúp lãnh đạo có thể theo dõi, giám sát các chỉ số phát triển theo thời gian gần với thực tế, thay vì chỉ dựa vào báo cáo định kỳ.

Gắn với điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của tỉnh Ninh Bình, quá trình hoàn thiện hệ sinh thái và hạ tầng kỹ thuật phải được thực hiện theo hướng “vừa sức, có trọng tâm, trọng điểm”, tránh dàn trải và hình thức. Là một tỉnh có nguồn lực đầu tư còn hạn chế nhưng có lợi thế về du lịch, công nghiệp và nông nghiệp, Ninh Bình cần lựa chọn những khâu, những lĩnh vực có tính lan tỏa cao để ưu tiên đầu tư hạ tầng số. Ví dụ, tập trung số hóa mạnh mẽ trong các lĩnh vực gắn trực tiếp với người dân và doanh nghiệp như giải quyết thủ tục hành chính, quản lý đất đai, thu hút đầu tư, du lịch thông minh; đồng thời từng bước mở rộng kết nối hạ tầng đến cấp xã, nhất là ở những địa bàn thuận lợi, tạo các “cụm điểm” về lãnh đạo số để lan tỏa dần. Việc lựa chọn thứ tự ưu tiên phải dựa trên phân tích cụ thể về nhu cầu quản lý, tiềm năng phát triển và khả năng huy động nguồn lực từng địa bàn, từng ngành.

Cách thức tiến hành cần được tổ chức theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư hạ tầng với hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực con người. Về hạ tầng kỹ thuật, Đảng bộ lãnh đạo chính quyền xây dựng và triển khai các đề án, dự án chuyển đổi số có lộ trình rõ ràng, trong đó xác định rõ những nền tảng dùng chung cấp tỉnh, cấp xã; bảo đảm tính kết nối, liên thông ngay từ khâu thiết kế, tránh tình trạng “mạnh ai nấy làm”, manh mún, cục bộ theo từng ngành. Về thể chế, cần ban hành các quy chế, quy định về quản lý, khai thác, chia sẻ dữ liệu; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong việc cập nhật, bảo đảm chất lượng dữ liệu; xây dựng cơ chế khuyến khích sử dụng hệ thống thông tin và dịch vụ số trong giải quyết công việc hằng ngày. Về con người, song song với đầu tư máy móc, thiết bị, phải ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có khả năng vận hành, khai thác hạ tầng số, đặc biệt là đội ngũ tham mưu giúp việc cấp ủy và lãnh đạo chủ chốt.

Một yếu tố quan trọng khác trong hoàn thiện hệ sinh thái lãnh đạo số là tăng cường liên kết, huy động nguồn lực xã hội. Với điều kiện ngân sách địa phương còn hạn hẹp, tỉnh cần chủ động phối hợp với các bộ, ngành trung

ương tranh thủ các chương trình, dự án hỗ trợ về chuyển đổi số; đồng thời xây dựng cơ chế hợp tác công - tư phù hợp để thu hút doanh nghiệp công nghệ tham gia xây dựng, vận hành một số nền tảng, dịch vụ số theo hình thức đôi bên cùng có lợi nhưng vẫn bảo đảm vai trò chủ đạo, kiểm soát của Nhà nước và an ninh, an toàn thông tin. Sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục, nghiên cứu trên địa bàn cũng là một bộ phận của hệ sinh thái, góp phần tạo ra không gian đổi mới sáng tạo, thử nghiệm các mô hình, công nghệ mới phục vụ lãnh đạo, quản lý.

Cuối cùng, quá trình từng bước hoàn thiện hệ sinh thái và hạ tầng kỹ thuật phục vụ lãnh đạo số phải được đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Đảng bộ tỉnh, gắn chặt với các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong nghị quyết, chương trình hành động của cấp ủy. Việc đầu tư, vận hành, khai thác hạ tầng số cần được kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết định kỳ để kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp với thực tế kinh tế - xã hội của tỉnh. Chỉ khi hệ sinh thái và hạ tầng kỹ thuật được xây dựng một cách bài bản, phù hợp điều kiện địa phương và thực sự được sử dụng như công cụ hằng ngày trong lãnh đạo, quản lý, thì năng lực lãnh đạo số của Đảng bộ Ninh Bình mới có thể phát huy hiệu quả, trở thành động lực thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn.

4.4.4. Đổi mới căn bản công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực theo hướng hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, khắc phục mâu thuẫn giữa phương pháp đào tạo truyền thống với yêu cầu xây dựng đội ngũ nhân sự, nguồn nhân lực số

Đổi mới căn bản công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên ở tỉnh Ninh Bình là yêu cầu xuất phát trực tiếp từ những “điểm nghẽn” đang cản trở quá trình chuyển đổi số của địa phương. Trong nhiều năm qua, công tác đào tạo, bồi dưỡng chủ yếu vẫn được tổ chức theo mô hình lớp học tập trung, phương pháp truyền thụ truyền thống, nặng lý thuyết, còn hạn chế về rèn

luyện kỹ năng thực hành, tư duy phản biện và năng lực thích ứng với công nghệ mới. Cách tiếp cận này từng phù hợp trong bối cảnh quản lý truyền thống nhưng trong điều kiện Ninh Bình đang đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, phát triển du lịch thông minh, dịch vụ công trực tuyến và quản lý liên ngành trên nền tảng dữ liệu, thì mô hình đào tạo thuần truyền thống bộc lộ rõ mâu thuẫn: nội dung đào tạo nói nhiều đến lý thuyết chuyển đổi số nhưng phương pháp dạy - học lại gần như “phi số hóa”. Nếu không giải quyết triệt để mâu thuẫn này, mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của tỉnh rất dễ dừng lại ở hình thức và khẩu hiệu.

Đổi mới căn bản công tác đào tạo, bồi dưỡng ở tỉnh Ninh Bình cần được hiểu là sự đổi mới đồng thời cả nội dung và phương thức, trên tinh thần “hai trong một”: vừa giữ vững, củng cố nền tảng cốt lõi là lý luận chính trị, quan điểm, đường lối, của Đảng, phẩm chất đạo đức cách mạng, vừa bổ sung một cách thực chất các yếu tố hiện đại như tri thức số, kỹ năng làm việc trong môi trường số và thái độ sẵn sàng đổi mới. Đào tạo không thể tách rời giữa “học chính trị” và “học số” và phải được thiết kế theo hướng tích hợp, trong đó chuyển đổi số được nhìn nhận như một công cụ, một phương thức để thực hiện hiệu quả hơn các mục tiêu chính trị và quản trị phát triển của địa phương, chứ không phải là mục tiêu thuần kỹ thuật. Điều này đòi hỏi hệ thống chương trình, giáo trình, chuyên đề bồi dưỡng của Tỉnh lựa chọn phải được rà soát, cập nhật theo tiếp cận năng lực, xác định rõ yêu cầu năng lực cốt lõi đối với từng nhóm cán bộ - từ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh đến cán bộ cấp cơ sở - phù hợp với đặc thù quản lý đa lĩnh vực của tỉnh Ninh Bình.

Một nội dung quan trọng của đổi mới căn bản là chuyển từ tư duy đào tạo theo hướng “cung” sang tư duy đào tạo theo hướng “cầu”, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của từng vị trí việc làm. Thay vì xây dựng chương trình theo khuôn mẫu chung rồi cử cán bộ đi học, cần có cơ chế khảo sát, đánh giá nhu cầu bồi dưỡng gắn với chức trách, nhiệm vụ cụ thể và yêu cầu chuyển đổi số

của từng cơ quan, đơn vị. Chẳng hạn, cán bộ cấp xã ở tỉnh Ninh Bình đang trực tiếp xử lý các vấn đề về đất đai, dịch vụ công trực tuyến, du lịch cộng đồng, tương tác với người dân trên môi trường số, thì nội dung bồi dưỡng phải tập trung giải quyết đúng những “điểm nghẽn” của các lĩnh vực đó, kết hợp chặt chẽ giữa hướng dẫn nghiệp vụ truyền thống với thực hành trực tiếp trên các hệ thống số đang được tỉnh triển khai. Khi nội dung đào tạo bám sát thực tiễn công việc, việc dung hòa giữa truyền thống và hiện đại mới trở nên tự nhiên và có giá trị ứng dụng.

Yêu cầu hài hòa giữa truyền thống và hiện đại cũng đòi hỏi đổi mới mạnh mẽ phương pháp đào tạo. Cần từng bước từ bỏ mô hình đào tạo một chiều, thụ động, chuyển sang mô hình đào tạo tương tác, thực hành, kết hợp linh hoạt giữa trực tiếp và trực tuyến. Những giá trị tích cực của đào tạo truyền thống như đối thoại trực tiếp, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, truyền cảm hứng của đội ngũ cán bộ giàu trải nghiệm vẫn cần được giữ gìn, nhưng phải được “đặt trong” các phương pháp hiện đại như thảo luận tình huống, mô phỏng, làm việc nhóm trên nền tảng số, duy trì diễn đàn trao đổi trực tuyến sau khóa học. Đồng thời, cần xây dựng và khai thác hiệu quả các nền tảng học tập trực tuyến, thư viện số, ngân hàng bài giảng, ngân hàng tình huống... để cán bộ có thể học mọi lúc, mọi nơi, phù hợp với đặc thù địa bàn tỉnh Ninh Bình có sự khác biệt giữa khu vực đô thị, nông thôn và miền núi, miền biển.

Một khâu then chốt trong đổi mới căn bản công tác đào tạo, bồi dưỡng ở tỉnh Ninh Bình là đổi mới đội ngũ làm công tác đào tạo - những chủ thể trực tiếp dẫn dắt quá trình chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình đào tạo số. Nếu giảng viên, báo cáo viên vẫn giảng dạy theo lối đọc - chép, chưa ứng dụng, sử dụng công nghệ, thiếu kinh nghiệm tổ chức lớp học kết hợp trực tiếp - trực tuyến, thì rất khó tạo ra sự thay đổi thực chất ở người học. Vì vậy, Tỉnh cần đầu tư nguồn lực cho Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình, các trường Đại học trong tỉnh, có kế hoạch xây dựng đội ngũ “giảng viên số”, được bồi

đưỡng về phương pháp sư phạm để truyền đạt tốt cho cán bộ, công chức, viên chức trong môi trường số, có kỹ năng thiết kế bài giảng đa phương tiện, sử dụng công cụ tương tác và quản lý lớp học trực tuyến. Đồng thời, cần mở rộng, có chính sách để xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia công nghệ, doanh nghiệp trên địa bàn để tăng tính thực tiễn và kiến thức số hiện đại cho các chương trình bồi dưỡng.

Đổi mới căn bản công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số cũng cần được thể chế hóa chặt chẽ trong công tác cán bộ của tỉnh. Các tiêu chí về năng lực số, thái độ học tập suốt đời, khả năng thích ứng và dẫn dắt đổi mới cần được lồng ghép vào hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, đảng viên. Việc tham gia và kết quả học tập các chương trình bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng lãnh đạo số cần trở thành một căn cứ quan trọng trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ. Đồng thời, cần gắn đánh giá khóa học với đánh giá sự thay đổi trong thực tiễn công tác, thông qua các chỉ số cụ thể như hiệu quả xử lý công việc, mức độ cải thiện chỉ số chuyển đổi số, cải cách hành chính và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Cuối cùng, đổi mới căn bản công tác đào tạo, bồi dưỡng chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được đặt trong một môi trường văn hóa học tập tích cực của toàn Đảng bộ tỉnh Ninh Bình. Cấp ủy các cấp cần nêu gương trong học tập, tự bồi dưỡng, coi việc “hiểu số, biết số, dùng số” là biểu hiện cụ thể của tinh thần trách nhiệm và năng lực lãnh đạo trong giai đoạn mới. Đồng thời, cần kịp thời phát hiện, tôn vinh và lan tỏa những tập thể, cá nhân chủ động tự học, tự đổi mới, áp dụng hiệu quả kiến thức đã được bồi dưỡng vào thực tiễn lãnh đạo, quản lý. Khi học tập trở thành nhu cầu nội sinh của đội ngũ cán bộ, đảng viên; khi các chương trình đào tạo dung hòa sâu sắc giữa nền tảng lý luận, phẩm chất chính trị với yêu cầu hiện đại về năng lực số, thì “điểm nghẽn” về đào tạo mới thực sự được tháo gỡ, tạo nền tảng vững chắc

để Đảng bộ tỉnh Ninh Bình nâng cao năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số.

4.4.5. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển năng lực số cho cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng nhằm tạo động lực mạnh mẽ, khắc phục tình trạng quyết tâm chính trị chưa cao, triển khai còn thiếu quyết liệt và chậm tiến độ

Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển năng lực số cho cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng ở tỉnh Ninh Bình cần xuất phát từ thực tế là chuyển đổi số thời gian qua ở nhiều lĩnh vực còn mang tính vận động, phong trào, thiếu các quy định ràng buộc và khuyến khích đủ mạnh. Trong điều kiện Ninh Bình là tỉnh có quy mô vừa, nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế, nếu năng lực số của đội ngũ cán bộ không được thể chế hóa thành trách nhiệm và tiêu chí cụ thể, thì dù có đầu tư hạ tầng hay công nghệ, hiệu quả chuyển đổi số cũng khó bền vững. Vì vậy, hoàn thiện cơ chế, chính sách không chỉ dừng ở việc ban hành thêm văn bản, mà phải thiết lập một “luật chơi” mới, trong đó năng lực số được xác định là bộ phận cấu thành quan trọng của năng lực lãnh đạo, quản lý; cán bộ, tổ chức đảng chậm đổi mới, không thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số thì không thể được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Cơ chế, chính sách cần được thiết kế đồng bộ ở cả cấp tổ chức đảng và cấp cá nhân. Đối với tổ chức đảng, cần quy định rõ trách nhiệm của cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số, gắn các chỉ tiêu về ứng dụng công nghệ, khai thác dữ liệu, cải thiện chất lượng điều hành, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp - đặc biệt trong các lĩnh vực đặc thù của tỉnh Ninh Bình như quản lý du lịch, di sản, đất đai, môi trường - với tiêu chí thi đua, xếp loại tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị. Đối với cán bộ, đảng viên, năng lực số cần được cụ thể hóa trong tiêu chuẩn chức danh và đánh giá hàng năm, từ khả năng sử dụng công cụ số, tham gia bồi dưỡng chuyển đổi số, đến việc đề xuất và triển khai các sáng kiến ứng dụng công nghệ phù hợp với lĩnh vực công tác.

Cùng với ràng buộc trách nhiệm, cơ chế, chính sách của Tỉnh cần chú trọng yếu tố khuyến khích, đãi ngộ, tạo động lực đổi mới. Những tập thể, cá nhân đi đầu trong xây dựng mô hình, giải pháp số phục vụ quản lý nhà nước, phát triển du lịch, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân cần được ưu tiên trong quy hoạch, bổ nhiệm, thi đua - khen thưởng. Đồng thời, cần có cơ chế phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ có năng lực công nghệ, từng bước hình thành hình mẫu “cán bộ số” phù hợp với điều kiện và yêu cầu phát triển của tỉnh Ninh Bình.

Việc hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển năng lực số phải đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng bộ tỉnh, gắn với rà soát, bổ sung các quy định hiện hành về công tác cán bộ, tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng và thi đua - khen thưởng. Trên cơ sở chủ trương của Trung ương, tỉnh cần xây dựng khung chính sách nội bộ phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Ninh Bình, triển khai theo lộ trình thận trọng, có thí điểm, tổng kết, điều chỉnh kịp thời. Đồng thời, tăng cường cơ chế giám sát, đánh giá để bảo đảm các chính sách đi vào thực chất, tránh hình thức.

Như vậy, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển năng lực số ở tỉnh Ninh Bình là quá trình chuyển yêu cầu chuyển đổi số từ “khuyến khích” sang “chuẩn mực”, từ “phong trào” sang “trách nhiệm”. Khi năng lực số được thể chế hóa thành tiêu chí đánh giá và động lực phấn đấu cụ thể, tình trạng quyết tâm chính trị chưa cao, triển khai thiếu quyết liệt và chậm chuyển biến sẽ từng bước được khắc phục, tạo nền tảng nâng cao năng lực lãnh đạo số của Đảng bộ tỉnh trong giai đoạn phát triển mới.

4.4.6. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình chuyển đổi số gắn với phát triển năng lực lãnh đạo, bảo đảm tính đồng bộ và hiệu quả

Đối với tỉnh Ninh Bình - một địa phương vừa sáp nhập, có cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ - du lịch - công nghiệp văn hóa gắn

với bảo tồn di sản, đồng thời còn nhiều địa bàn nông thôn, miền núi - chuyển đổi số là quá trình mang tính hệ thống, liên thông nhiều ngành, nhiều cấp, tác động trực tiếp đến phương thức lãnh đạo, quản lý của toàn bộ hệ thống chính trị. Trong điều kiện nguồn lực đầu tư còn hạn chế, trình độ cán bộ giữa các địa phương, lĩnh vực chưa đồng đều, nếu thiếu sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy các cấp, chuyển đổi số rất dễ rơi vào tình trạng manh mún, dàn trải: nơi triển khai quyết liệt, nơi làm mang tính hình thức; các nền tảng, cơ sở dữ liệu thiếu kết nối, chia sẻ, dẫn đến lãng phí nguồn lực và làm giảm niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Ngược lại, khi cấp ủy các cấp ở Ninh Bình thực sự nắm chắc yêu cầu, đặc thù và lộ trình chuyển đổi số của địa phương, chủ động lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thì chuyển đổi số không chỉ đạt hiệu quả thực chất mà còn trở thành môi trường quan trọng để rèn luyện, phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trước hết là xác lập chuyển đổi số như một nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt trong nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác của Đảng bộ tỉnh và cấp ủy các cấp, gắn chặt với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số, phát triển du lịch thông minh và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, cấp ủy cần xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, từng lĩnh vực; phân công, phân cấp trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân; coi kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng lãnh đạo của tổ chức đảng và trách nhiệm của người đứng đầu. Qua đó, thu hẹp khoảng cách giữa năng lực lãnh đạo thể hiện trên văn kiện, nghị quyết với năng lực lãnh đạo trong thực tiễn điều hành số ở tỉnh Ninh Bình.

Song hành với lãnh đạo, chỉ đạo, công tác kiểm tra, giám sát cần được coi là khâu bảo đảm kỷ luật, kỷ cương của quá trình chuyển đổi số. Đối với

Ninh Bình, kiểm tra, giám sát không chỉ dừng ở tiến độ hay hình thức triển khai, mà phải tập trung đánh giá hiệu quả thực chất: mức độ ứng dụng công nghệ số trong chỉ đạo, điều hành; khả năng kết nối, khai thác dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, phát triển du lịch, nông nghiệp, đô thị; mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Thông qua kiểm tra, giám sát, cấp ủy kịp thời phát hiện các điểm nghẽn về nhận thức, hạ tầng, thể chế, nhân lực; đồng thời nhận diện những mô hình, cách làm hiệu quả để tổng kết, nhân rộng trong toàn tỉnh.

Về tổ chức thực hiện, việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chuyển đổi số ở Ninh Bình cần được triển khai theo hướng vừa chặt chẽ, vừa linh hoạt, phù hợp với điều kiện địa phương. Cấp ủy tỉnh và cấp ủy các cấp cần kiện toàn các ban chỉ đạo, tổ công tác về chuyển đổi số với sự tham gia đồng bộ của các ban Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm sự phối hợp liên thông trong lãnh đạo, chỉ đạo. Đồng thời, khuyến khích ứng dụng chính các công cụ số trong công tác kiểm tra, giám sát như hệ thống báo cáo trực tuyến, bảng chỉ số theo thời gian thực, kênh phản ánh của người dân, qua đó nâng cao hiệu quả giám sát và từng bước hình thành phương thức lãnh đạo, quản lý hiện đại.

Quan trọng hơn, toàn bộ quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chuyển đổi số phải được gắn chặt với mục tiêu phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình. Mỗi kết quả kiểm tra, giám sát cần được sử dụng như một căn cứ quan trọng để điều chỉnh phương thức lãnh đạo, hoàn thiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, bố trí và sử dụng đội ngũ cán bộ có năng lực lãnh đạo số. Khi chuyển đổi số được đặt trong một chu trình khép kín từ chủ trương - tổ chức thực hiện - kiểm tra, giám sát - điều chỉnh - phát triển năng lực lãnh đạo, thì quá trình này ở Ninh Bình sẽ diễn ra đồng bộ, hiệu quả và tạo ra những chuyển biến thực chất về năng lực lãnh đạo của Đảng bộ trong thời kỳ số.

4.4.7. Gắn phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số với việc giữ vững định hướng “nhanh, xanh, bền vững” và đặt nhân dân ở vị trí trung tâm

Việc giữ vững định hướng “nhanh, xanh, bền vững” và đặt nhân dân ở vị trí trung tâm là yêu cầu bảo đảm cho quá trình hiện đại hoá không đi chệch khỏi mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Chuyển đổi số mở ra cơ hội rất lớn cho tăng trưởng nhanh, nâng cao năng suất lao động, mở rộng không gian phát triển; nhưng nếu thiếu định hướng chính trị - tư tưởng đúng, nó cũng có thể làm gia tăng chênh lệch giàu nghèo, gây sức ép lên môi trường, tạo ra các dạng bất công mới trong tiếp cận cơ hội và dịch vụ. Vì vậy, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong kỷ nguyên số không thể chỉ được hiểu là “biết dùng công nghệ” mà phải là năng lực dẫn dắt quá trình số hoá theo quỹ đạo phát triển nhanh nhưng không đánh đổi môi trường, bảo đảm công bằng xã hội và ngày càng nâng cao quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

Định hướng “nhanh, xanh, bền vững” cần được tích hợp trực tiếp vào cấu phần năng lực lãnh đạo của Đảng bộ trong bối cảnh chuyển đổi số. “Nhanh” ở đây là năng lực nhận diện và khai thác kịp thời các động lực tăng trưởng mới từ kinh tế số, dịch vụ số, du lịch thông minh, nông nghiệp thông minh, quản trị thông minh... chứ không phải là tăng trưởng nóng, chạy theo số lượng. “Xanh” là năng lực lãnh đạo lựa chọn mô hình phát triển hữu hạn về tài nguyên, hạn chế phát thải, ứng dụng công nghệ số trong giám sát môi trường, bảo tồn di sản, quản lý không gian đô thị - nông thôn; đặc biệt có ý nghĩa với một địa phương như tỉnh Ninh Bình vốn dựa nhiều vào tài nguyên du lịch, cảnh quan, sinh thái, văn hóa, truyền thống. “Bền vững” là năng lực điều phối hài hoà giữa mục tiêu kinh tế, xã hội, môi trường; nâng cao sức chống chịu của hệ thống trước các cú sốc; bảo đảm những thành quả từ chuyển đổi số được duy trì và phân phối tương đối công bằng giữa các nhóm dân cư, các vùng, các thế hệ.

Đặt nhân dân ở vị trí trung tâm trong phát triển năng lực lãnh đạo nghĩa là mọi đổi mới về tư duy, phương thức, công cụ lãnh đạo trong chuyển đổi số phải quay trở lại câu hỏi: người dân được gì, đời sống vật chất, tinh thần của họ thay đổi ra sao, quyền làm chủ của họ được mở rộng như thế nào. Trong điều kiện số, quyền và lợi ích của nhân dân không chỉ dừng ở việc tiếp cận dịch vụ công thuận lợi hơn, mà còn bao gồm quyền tiếp cận thông tin minh bạch, quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền tham gia, phản biện, giám sát thông qua các nền tảng số. Do đó, phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số phải gắn với nâng cao năng lực thiết kế, chỉ đạo và kiểm soát chính sách theo hướng không ai bị bỏ lại phía sau, thu hẹp khoảng cách số giữa vùng thuận lợi và vùng khó, giữa các nhóm dân cư; đồng thời chủ động phòng ngừa, xử lý những rủi ro, mặt trái của không gian mạng đối với đời sống nhân dân.

Về cách thức triển khai, yêu cầu gắn chuyển đổi số với định hướng “nhanh, xanh, bền vững” và nhân dân là trung tâm cần được thể chế hoá ngay từ khâu hoạch định đường lối, chủ trương, chương trình, đề án của Đảng bộ. Mỗi chiến lược, chương trình chuyển đổi số của tỉnh phải kèm theo hệ tiêu chí kép: tiêu chí về tăng trưởng, hiệu quả quản trị và tiêu chí về tác động môi trường, xã hội, mức độ cải thiện chất lượng phục vụ nhân dân. Các dự án, mô hình chuyển đổi số trọng điểm - như chính quyền số, đô thị thông minh, du lịch thông minh, quản lý đất đai, tài nguyên - phải có đánh giá tác động về môi trường, xã hội và quyền lợi của các nhóm dễ bị tổn thương, từ đó điều chỉnh thiết kế để không tạo thêm rào cản hay bất bình đẳng mới. Hệ thống chỉ số giám sát, đánh giá phục vụ lãnh đạo, quản lý cũng cần được xây dựng theo tinh thần này: bên cạnh các chỉ số kinh tế, kỹ thuật, phải có các chỉ số về chất lượng môi trường, phát triển xã hội, mức độ hài lòng và mức độ tham gia của người dân.

Ở chiều ngược lại, phát triển năng lực lãnh đạo theo hướng này cũng đòi hỏi phải tổ chức lại kênh tương tác giữa Đảng với nhân dân trên nền tảng

số. Đảng bộ tỉnh cần xây dựng và vận hành hiệu quả các kênh thông tin hai chiều: cổng thông tin, nền tảng góp ý chính sách, các diễn đàn trực tuyến để người dân và doanh nghiệp phản ánh, đề xuất sáng kiến, giám sát việc thực thi chủ trương, chính sách. Khi những công cụ đó được sử dụng như một phần bình thường trong quy trình lãnh đạo, quản lý, năng lực lắng nghe, tiếp thu, đối thoại của Đảng bộ sẽ được nâng lên, góp phần hiện thực hoá quan điểm “lấy nhân dân làm trung tâm, làm chủ thể” trong kỷ nguyên số. Cùng với đó, trong công tác cán bộ, các tiêu chí về nhạy cảm xã hội, ý thức bảo vệ môi trường, kỹ năng làm việc với cộng đồng, tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích của nhân dân cần được đặt cạnh tiêu chí về năng lực số, coi đây là hai mặt không tách rời của năng lực lãnh đạo hiện đại.

Như vậy, gắn phát triển năng lực lãnh đạo với định hướng “nhanh, xanh, bền vững” và nhân dân ở vị trí trung tâm không chỉ là một yêu cầu bổ sung về mặt giá trị, mà là cách để bảo đảm quá trình chuyển đổi số ở Ninh Bình diễn ra trong khuôn khổ của chiến lược phát triển bền vững, nhân văn, phù hợp bản chất của Đảng cầm quyền. Khi năng lực lãnh đạo số được xây dựng trên nền tảng đó, chuyển đổi số sẽ không dừng lại ở hiện đại hoá công nghệ, mà sẽ trở thành phương thức để Đảng bộ nâng tầm năng lực hoạch định, tổ chức thực hiện và phục vụ nhân dân trong giai đoạn phát triển mới.

4.4.8. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong tổ chức, hoạt động của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong tổ chức, hoạt động của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trước hết là yêu cầu nội tại của chính công tác xây dựng Đảng trong bối cảnh mới. Nếu Đảng bộ chỉ dừng lại ở việc lãnh đạo chuyển đổi số đối với chính quyền, doanh nghiệp và xã hội, trong khi bản thân tổ chức đảng vẫn vận hành chủ yếu theo phương thức thủ công, giấy tờ, thông tin phân tán, quy trình xử lý công việc chậm và thiếu liên thông, thì rất khó bảo đảm vai trò nêu gương, tiên phong và càng khó phát huy hết tiềm năng của chuyển đổi số

đổi với nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng. Vì vậy, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của Đảng bộ cần được xác định là một nội dung trọng tâm của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, là “khâu then chốt” để đưa yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo vào thực chất.

Chuyển đổi số trong tổ chức, hoạt động của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình cần được hiểu là quá trình số hóa toàn diện các khâu chủ yếu trong công tác đảng, từ tổ chức - cán bộ, tuyên giáo, kiểm tra - giám sát, dân vận đến công tác văn phòng, tổng hợp, thông tin, báo cáo. Trên nền tảng đó, Đảng bộ xây dựng và vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo: cơ sở dữ liệu về tổ chức cơ sở đảng, đảng viên, cán bộ, quy hoạch, đào tạo, đánh giá; hệ thống quản lý văn bản, hồ sơ công việc của cấp ủy; hệ thống theo dõi, giám sát việc triển khai nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng. Chuyển đổi số trong tổ chức, hoạt động còn bao gồm đổi mới phương thức sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, công tác điều tra, nắm bắt dư luận xã hội, sao cho các hoạt động này vừa giữ được nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, vừa tận dụng được ưu thế của công nghệ số về tốc độ, độ phủ và khả năng tương tác.

Để triển khai hiệu quả, trước hết Đảng bộ tỉnh cần xây dựng một kiến trúc tổng thể về hệ thống thông tin phục vụ công tác đảng, bảo đảm tính thống nhất, liên thông từ tỉnh đến cơ sở, tránh tình trạng mảnh ai nấy làm, phần mềm manh mún, không kết nối. Trên cơ sở đó, từng bước số hóa, chuẩn hóa quy trình xử lý công việc trong cơ quan Đảng: từ soạn thảo, ban hành, lưu trữ văn bản; quản lý chương trình, kế hoạch công tác; quản lý hồ sơ đảng viên, hồ sơ tổ chức đảng; đến công tác thống kê, báo cáo, theo dõi kết quả thực hiện nghị quyết. Việc ứng dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, chữ ký số, họp trực tuyến, lịch công tác điện tử... cần được xem là “chuẩn làm việc mới” trong các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy và cấp ủy cấp dưới, qua

đó từng bước hình thành tác phong làm việc khoa học, giảm tối đa độ trễ thông tin và chi phí giao dịch nội bộ.

Song song với đó, cần đặc biệt coi trọng chuyển đổi số trong công tác tuyên giáo, giáo dục chính trị tư tưởng và công tác dân vận. Đảng bộ tỉnh cần xây dựng, vận hành các nền tảng thông tin, tuyên truyền, giáo dục trực tuyến; hệ thống trang thông tin điện tử, fanpage, kênh số chính thống để phổ biến nghị quyết, định hướng dư luận, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, đảng viên có thể kết hợp linh hoạt giữa lớp học trực tiếp và các khóa học trực tuyến, kho học liệu số, diễn đàn trao đổi kinh nghiệm trên nền tảng số. Trong công tác dân vận, việc tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của nhân dân, đối thoại giữa cấp ủy với nhân dân, doanh nghiệp... có thể được mở rộng thông qua các kênh số, giúp Đảng bộ nắm bắt nhanh hơn tâm tư, nguyện vọng, đồng thời tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình.

Một yêu cầu quan trọng là đẩy mạnh chuyển đổi số trong tổ chức, hoạt động của Đảng bộ phải gắn chặt với bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và giữ gìn bí mật của Đảng, Nhà nước. Điều này đòi hỏi xây dựng các quy chế, quy định cụ thể về phân loại, bảo vệ dữ liệu; về trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong sử dụng hệ thống thông tin; về xử lý các vi phạm liên quan đến bảo mật, an toàn dữ liệu. Cùng với đầu tư hạ tầng kỹ thuật phù hợp, cần chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách có trình độ về công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng, đủ khả năng tham mưu, vận hành, bảo trì hệ thống an toàn, hiệu quả.

Về phương thức tiến hành, giải pháp này chỉ có thể đi vào chiều sâu nếu được gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo và công tác cán bộ. Tỉnh ủy cần ban hành nghị quyết, chương trình hành động chuyên đề về chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của Đảng bộ, trong đó phân công trách nhiệm cụ thể cho từng ban đảng, từng cấp ủy; đồng thời xác định rõ các chỉ

tiêu, mốc thời gian, sản phẩm chuyển đổi số phải đạt được theo từng giai đoạn. Việc triển khai có thể thực hiện theo hướng thí điểm ở một số cơ quan, đơn vị có đủ điều kiện, sau đó sơ kết, rút kinh nghiệm, nhân rộng trên toàn tỉnh. Trong công tác cán bộ, cần bổ sung yêu cầu về năng lực số vào tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, quản lý; đưa việc sử dụng thành thạo hệ thống thông tin, chủ động ứng dụng công nghệ trong lãnh đạo, chỉ đạo vào tiêu chí đánh giá, xếp loại hằng năm đối với cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Cuối cùng, đẩy mạnh chuyển đổi số trong tổ chức, hoạt động của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình không chỉ nhằm “hiện đại hóa” công tác đảng về mặt kỹ thuật, mà phải hướng tới mục tiêu sâu xa là nâng cao năng lực dự báo, hoạch định, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát của Đảng bộ; tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; củng cố, tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân trong điều kiện mới. Khi chuyển đổi số trở thành phương thức vận hành bình thường trong các cơ quan đảng, góp phần làm cho hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo khoa học hơn, kịp thời hơn, hiệu quả hơn, thì đó cũng là lúc năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh thực sự được nâng lên, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên số.

Tiểu kết chương 4

Trên cơ sở thực trạng phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số và xuất phát từ quan điểm phát triển năng lực lãnh đạo, chuyên đề xác định ba phương hướng cụ thể. Thứ nhất, Phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ đáp ứng yêu cầu của ba khâu đột phá chiến lược theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 đến 2030. Thứ hai, Xây dựng phương thức lãnh đạo số, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ trong xây dựng chính quyền điện tử và chính quyền số; Đẩy mạnh cải cách hành chính, kiến tạo các điều kiện cho sự phát triển kinh tế- xã hội địa phương. Thứ ba, đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nguồn nhân lực số.

Từ những phương hướng trên, chuyên đề đã đề xuất hệ thống tám nhóm giải pháp đồng bộ gồm: Thứ nhất, đẩy mạnh phát triển tư duy lãnh đạo số trong toàn Đảng bộ. Thứ hai, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bộ đáp ứng với bối cảnh chuyển đổi số. Thứ ba, từng bước hoàn thiện hệ sinh thái và hạ tầng kỹ thuật phục vụ lãnh đạo số, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của tỉnh. Thứ tư, đổi mới căn bản công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực theo hướng hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, khắc phục mâu thuẫn giữa phương pháp đào tạo truyền thống với yêu cầu xây dựng đội ngũ nhân sự, nguồn nhân lực số. Thứ năm, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển năng lực số cho cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng nhằm tạo động lực mạnh mẽ, khắc phục tình trạng quyết tâm chính trị chưa cao, triển khai còn thiếu quyết liệt và chậm tiến độ. Thứ sáu, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình chuyển đổi số gắn với phát triển năng lực lãnh đạo, bảo đảm tính đồng bộ và hiệu quả. Thứ bảy, gắn phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số với việc giữ vững định hướng “nhanh, xanh, bền vững” và đặt nhân dân ở vị trí trung tâm. Thứ tám, đẩy mạnh chuyển đổi số trong tổ chức, hoạt động của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình. Nhóm giải pháp này tạo nên một chỉnh thể thống nhất, không thể tách rời, cần được vận dụng đồng bộ, cụ thể, linh hoạt để mang lại hiệu quả thiết thực, tiếp tục phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số.

KẾT LUẬN

Chuyển đổi số đang trở thành xu thế tất yếu, tác động sâu sắc và toàn diện tới mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo ra những thay đổi mạnh mẽ về phương thức sản xuất, quản trị xã hội, cũng như hoạt động lãnh đạo, quản lý của các tổ chức chính trị, trong đó có Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong bối cảnh đó, việc phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ các tỉnh, thành phố trở thành một yêu cầu cấp thiết, nhằm bảo đảm cho Đảng đủ khả năng lãnh đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Với vị trí là Đảng bộ địa phương thuộc vùng Đồng bằng Sông Hồng, tỉnh Ninh Bình đã sớm nhận thức tầm quan trọng của chuyển đổi số, lựa chọn xây dựng chính quyền điện tử, thực hiện chuyển đổi số là một trong ba khâu đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ 2020-2025, đồng thời ban hành Nghị quyết chuyên đề, đặt mục tiêu cụ thể về xếp hạng chuyển đổi số đến năm 2025 và 2030. Trong quá trình triển khai, Đảng bộ tỉnh Ninh Bình đã đạt được những kết quả nhất định trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, thể hiện ở việc ban hành các chủ trương, chính sách có tính định hướng, tổ chức thực hiện đồng bộ trên nhiều lĩnh vực, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và nhân dân, bước đầu xây dựng được chính quyền điện tử, kinh tế số, xã hội số phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy, quá trình phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay vẫn tồn tại nhiều vấn đề cần tiếp tục giải quyết. Đó là những mâu thuẫn giữa yêu cầu đổi mới tư duy lãnh đạo với thói quen điều hành truyền thống; giữa mục tiêu xây dựng hệ sinh thái lãnh đạo số với hạn chế về hạ tầng công nghệ và năng lực đội ngũ cán bộ; giữa nhu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu thời đại số với hệ thống giáo dục còn chậm đổi mới và giữa kỳ vọng về sự tham gia tích cực của nhân dân, doanh nghiệp với mức độ tương tác thực tế còn hạn chế. Những tồn tại này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, bao gồm cả

yếu tố khách quan của bối cảnh xã hội, sự tác động mạnh mẽ, phức tạp của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cũng như yếu tố chủ quan như hạn chế về nhận thức, năng lực lãnh đạo của một bộ phận cán bộ, đảng viên, sự thiếu đồng bộ trong tổ chức triển khai, nguồn lực tài chính, hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi số.

Từ những kết quả nghiên cứu, luận án đã hệ thống, phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ trong bối cảnh chuyển đổi số. Luận án làm rõ khái niệm, nội dung, yêu cầu, các nhân tố tác động cũng như tiêu chí đánh giá năng lực lãnh đạo của Đảng bộ cấp tỉnh, đồng thời khẳng định phát triển năng lực lãnh đạo không chỉ là vấn đề bổ sung tri thức, kỹ năng mà còn bao hàm sự đổi mới về tư duy lãnh đạo, phương thức tổ chức và phong cách lãnh đạo, phù hợp với những đặc trưng của thời đại số. Luận án cũng phân tích làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, gồm yếu tố chủ quan như chất lượng đội ngũ cán bộ, nhận thức của người đứng đầu, tổ chức bộ máy Đảng, điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, cũng như các nhân tố khách quan từ yêu cầu phát triển chung của đất nước, tác động của công nghệ, yêu cầu hội nhập quốc tế và sự tham gia của nhân dân, doanh nghiệp.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực tiễn, luận án đã đề xuất ba phương hướng cơ bản nhằm phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số. Một là, phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đáp ứng yêu cầu của ba khâu đột phá chiến lược theo Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030. Hai là, xây dựng phương thức lãnh đạo số, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ trong xây dựng chính quyền điện tử và chính quyền số; đẩy mạnh cải cách hành chính, kiến tạo các điều kiện cho sự phát triển kinh tế - xã hội đại phương. Ba là, đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nguồn nhân lực số.

Trên cơ sở các phương hướng trên, luận án đề xuất hệ thống tám nhóm giải pháp đồng bộ. Thứ nhất, đẩy mạnh phát triển tư duy lãnh đạo số trong toàn Đảng bộ. Thứ hai, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bộ đáp ứng với bối cảnh chuyển đổi số. Thứ ba, từng bước hoàn thiện hệ sinh thái và hạ tầng kỹ thuật phục vụ lãnh đạo số, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của tỉnh. Thứ tư, đổi mới căn bản công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực theo hướng hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, khắc phục mâu thuẫn giữa phương pháp đào tạo truyền thống với yêu cầu xây dựng đội ngũ nhân sự, nguồn nhân lực số. Thứ năm, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển năng lực số cho cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng nhằm tạo động lực mạnh mẽ, khắc phục tình trạng quyết tâm chính trị chưa cao, triển khai còn thiếu quyết liệt và chậm tiến độ. Thứ sáu, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình chuyển đổi số gắn với phát triển năng lực lãnh đạo, bảo đảm tính đồng bộ và hiệu quả. Thứ bảy, gắn phát triển năng lực lãnh đạo trong bối cảnh chuyển đổi số với việc giữ vững định hướng “nhanh, xanh, bền vững” và đặt nhân dân ở vị trí trung tâm. Thứ tám, đẩy mạnh chuyển đổi số trong tổ chức, hoạt động của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình.

Tổng thể, những kết quả nghiên cứu của luận án không chỉ góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận về phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ địa phương trong bối cảnh chuyển đổi số, mà còn cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn quan trọng, giúp Đảng bộ tỉnh Ninh Bình cũng như các địa phương khác có thể tham khảo, vận dụng trong quá trình đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong thời đại số. Kết quả nghiên cứu của luận án cũng có giá trị tham khảo cho các nhà nghiên cứu, cơ sở đào tạo, các cơ quan, cá nhân hoạch định chính sách, góp phần thiết thực vào công cuộc xây dựng và chỉnh đốn Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân đối với vai trò lãnh đạo của Đảng, đưa tỉnh Ninh Bình trở thành địa phương phát triển năng động, bắt kịp xu thế phát triển của thời đại cách mạng công nghiệp 4.0.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Lê Thị Thu Hương (2025), “Phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử* <https://www.quanlynhanuoc.vn/>.
2. Lê Thị Thu Hương (2025), “Tác động của chuyển đổi số đến năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình hiện nay”, *Tạp chí điện tử Kinh tế và Dự báo*.
3. Lê Thị Thu Hương (2025), “Chuyển đổi số và yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình”, *Tạp chí Chủ nghĩa xã hội Lý luận và thực tiễn*.
4. Lê Thị Thu Hương (2025), “Giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử* <https://www.quanlynhanuoc.vn/>

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Amel Boussaidi & Kaouther Korbi (2025), "The role of transformational leadership in promoting digital transformation through employee engagement in public administration", *International Journal of Public Leadership*
2. Kiều Ân (2024), *Chuyển đổi số-Giải pháp đột phá để phát triển* (Phỏng vấn đồng chí Tạ Quang Phương, Phó Giám đốc sở Thông tin và Truyền thông, thành viên Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình), Báo Ninh Bình điện tử, truy cập ngày 06/01/2024, tại trang web <https://baoninhbinh.org.vn/chuyen-doi-so-giai-phap-dot-pha-de-phat-trien/d20240105082313279.htm>.
3. Anderson và Matthew (2017), "Transformational Leadership in Education", *International Social Science Review*(93.1), tr.1-13.
4. António Sacavém (2025), ""Leading in the Digital Age: The Role of Leadership in Organizational Digital Transformation"", *Administrative Sciences*
5. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
6. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Hướng dẫn số 06-HD/TW ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng*, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Kết luận số 167-KL/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, đưa vào hoạt động đồng thời cấp tỉnh, cấp xã từ ngày 01/7/2025*, Hà Nội.

8. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Quy định 232-QĐ/TW ngày 20/01/2025 Quy định thi hành Điều lệ Đảng*, Hà Nội.
9. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương*, Hà Nội.
10. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Quy định số 366-QĐ/TW ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị*, Hà Nội.
11. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Quy định số 384-QĐ/TW ngày 19/11/2025 của Ban Bí thư về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan đảng với các cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị*, Hà Nội.
12. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Quyết định số 313-QĐ/TW ngày 18/6/2025 của Bộ Chính trị thành lập Đảng bộ tỉnh Ninh Bình*, Hà Nội.
13. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Quyết định số 330-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Ban Bí thư ban hành Quy chế làm việc mẫu của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương*, Hà Nội.
14. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình (2023), *Báo cáo số 89/BC-BCĐ ngày 23/6/2023 về Kết quả triển khai phát triển chính quyền số, chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin mạng 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*, Ninh Bình.
15. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình (2024), *Báo cáo số 101/BC-BCĐ ngày 23/7/2024 về Tình hình, kết quả công tác chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*, Ninh Bình.
16. Ban Chỉ đạo Trung ương về khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (2019), *Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/4/2025 triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số"*. Hà Nội.

17. Báo Ninh Bình điện tử (2024), *Thực hiện lời dạy của Bác, Đảng bộ và Nhân dân Ninh Bình vững vàng tiến bước, xây dựng quê hương ngày càng phát triển, giàu mạnh*, Báo Ninh Bình điện tử, truy cập ngày 17/10/2024, tại trang web <https://baoninhbinh.org.vn/-emagazine-thuc-hien-loi-day-cua-bac-dang-bo-va-nhan-dan/d20241017092417321.htm>.
18. Bộ Chính trị (2023), *Nghị quyết số 57-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*.
19. Bộ Thông tin và Truyền thông (2019), *Đề án chuyển đổi số quốc gia, Dự thảo 1.0*, ngày 04/4/2019, Hà Nội.
20. Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), Báo cáo Kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI) cấp bộ, cấp tỉnh và cấp quốc gia năm 2022, chủ biên, Hà Nội.
21. Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), *Cẩm nang chuyển đổi số*, Cục Tin học hoá - Bộ Thông tin và Truyền thông, truy cập ngày 22/4/2023, tại trang web <https://dx.mic.gov.vn/docs/chuyen-doi-so-la-gi/>.
22. Mary Tate & Elizabeth Valentine Boniface U. Adie (2024), ""Digital leadership in the public sector: a scoping review and outlook ", *International Review of Public Administration*.
23. Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Bình (2022), *Thành tựu nổi bật của tỉnh Ninh Bình sau 30 năm tái lập tỉnh*, Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Bình, truy cập ngày 17/03/2022, tại trang web <https://ninhbinh.gov.vn/ky-niem-30-nam-tai-lap-tinh/thanh-tuu-noi-bat-cua-tinh-ninh-binh-sau-30-nam-tai-lap-tinh-293002>.
24. Jay A. Conger (2004), "Developing leadership capability: What's inside the black box?", *Academy of management perspectives*(18.3), tr.136-139.
25. Laura Cortellazzo, Elena Bruni và Rita Zampieri, (2019), "The Role of Leadership in a Digitalized World: A Review", *Frontiers in psychology*(10), tr.1938.

26. Trần Quốc Cường (2025), *Không thể xuyên tạc việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số*, Báo Quân đội nhân dân điện tử, truy cập ngày 13/09/2025, tại trang web <https://www.qdnd.vn/phong-chong-dien-bien-hoa-binh/khong-the-xuyen-tac-viec-doi-moi-phuong-thuc-lanh-dao-cua-dang-trong-boi-can-h-chuyen-doi-so-845833>.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập 1)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập 2)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. **Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.**
32. Vũ Hồng Điệp (2025), "Ảnh hưởng của lãnh đạo số tới đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp công nghệ Đông Nam Á ", *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*.
33. Nguyễn Đỗ Đình (2025), "Một số biện pháp nâng cao năng lực lãnh đạo chuyển đổi số của Đảng bộ Học viện Hậu cần hiện nay", *Tạp chí Quản lý nhà nước* (8).
34. Phan Xuân Sơn và Nguyễn Thị Thanh Dung (2021), *Văn hóa chính trị trong xây dựng năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng Sản cầm quyền theo chỉ của Lenin*, Chinhtrihoc.vn, truy cập ngày, tại trang web <https://chinhtrihoc.vn/Văn-hóa-chính-trị-trong-xây-dựng-năng-lực-lãnh-dạo-của-Đảng-Cộng-Sản-cầm-quyền-theo-chỉ-của-Lenin-GSTSKH-Phan-Xuân-Son-TS-Nguyễn-Thị-Thanh-Dung-bid60.html>.

35. RTA & UNDP ECODES (2022), *Báo cáo Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2021*, <https://papi.org.vn/bao-cao/>.
36. RTA & UNDP ECODES (2023), *Báo cáo Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2022*, <https://papi.org.vn/bao-cao/>.
37. RTA & UNDP ECODES (2024), *Báo cáo Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2023*, <https://papi.org.vn/bao-cao/>.
38. RTA & UNDP ECODES (2025), *Báo cáo Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2024*, papi.org.vn, truy cập ngày 15/04/2025, tại trang web <https://papi.org.vn/bao-cao/>.
39. Lê Nguyễn Trường Giang (2024), "Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước thông qua tiến trình chuyển đổi số", *Tạp chí Lãnh đạo và Chính sách*(4), tr.41-48.
40. Nguyễn Văn Dũng và Lê Nguyễn Trường Giang (2024), "Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước thông qua tiến trình chuyển đổi số", *Tạp chí Mặt trận*(245+246), tr.87-89.
41. Thanh Nguyen Hai, Quang Nguyen Van và Mai Nguyen Thi Tuyet (2021), "Digital transformation: Opportunities and challenges for leaders in the emerging countries in response to Covid-19 pandemic", *Emerging Science Journal*(5), tr.21-36.
42. Haroon Abbu (2025), " "Building Digital-Ready Leaders: Development and Validation of the Human-Centric Digital Leadership Scale" ", *Digital (MDPI)*.
43. Lương Khắc Hiếu (2017), "Hệ tiêu chí đánh giá năng lực lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay - Một cách tiếp cận mới", *Tạp chí Triết học*(9).

44. Lương Khắc Hiếu và Trương Ngọc Nam (2017), *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
45. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình cao cấp lý luận chính trị: Triết học Mác Lênin*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
46. Vũ Thị Thanh Hương (2025), "Cơ chế chuyển hóa từ năng lực lãnh đạo số sang năng lực tài chính số: Bằng chứng và hàm ý đối với doanh nghiệp Việt Nam ", *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing*.
47. Jacques deLisle và Guobin Yang (2022), *The Party Leads All: The Evolving Role of the Chinese Communist Party*, Bloomsbury Publishing USA.
48. John P.Kotter (2009), *Dẫn dắt sự thay đổi (Leading change)*, Nxb.Lao động Xã hội, Hà Nội.
49. Vũ Trọng Lâm (2025), *Đảng Cộng sản Việt Nam qua các kỳ Đại hội - Những quyết sách lịch sử*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
50. Linda Lambert (2011), "CHAPTER THREE: What Does Leadership Capacity Really Mean?", *Counterpoints*(408), tr.34-36.
51. Nguyễn Phương Linh (2025), "Phát triển năng lực lãnh đạo cho thế hệ trẻ trong bối cảnh hiện nay ", *Tạp chí Công Thương*.
52. Börje Ljunggren và Dwight H. Perkins (2023), *Vietnam: Navigating a Rapidly Changing Economy, Society, and Political Order*, Nxb Harvard University Press.
53. Siebel - Thomas M (2019), *Chuyển đổi số (Digital Transformation), (dịch), Phạm Anh Tuấn*, Nxb Tổng hợp, TP Hồ Chí Minh.
54. Bùi Thị Ngọc Mai (2024), "Chuyển đổi năng lực lãnh đạo nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số", *Tạp chí Quản lý nhà nước*(1), tr.67-70.
55. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

56. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 3*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Fernando Moreira, Ferreira, Maria João và Seruca, Isabel (2018), "Enterprise 4.0-the emerging digital transformed enterprise?", *Procedia computer science*(138), tr.525-532.
59. Vũ Hữu Ngoạn (2001), *Tìm hiểu một số khái niệm trong văn kiện Đại hội IX của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
60. Trần Văn Phòng (2023), "Giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam", *Tạp chí Lý luận chính trị*(2), tr.24-29.
61. José António Porfírio và các cộng sự. (2021), "Leadership characteristics and digital transformation", *Journal of Business Research*. Volume 124, tr.Pages 610-619.
62. Vũ Thanh Sơn (2025), ""Phát triển năng lực lãnh đạo chiến lược cho công chức cấp cao ở Hàn Quốc và những gợi mở cho Việt Nam" ", *Tạp chí Cộng sản*.
63. Martin Sposato (2025), "The AI-powered future of digital transformation: enhancing organizations and leadership development", *Journal of Work-Applied Management*.
64. Tập thể tác giả (2025), *Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng: Nhiệm vụ tất yếu và cấp bách*, Báo Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, Hà Nội.
65. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030*, Hà Nội.
66. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025*, Ninh Bình.
67. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2022), *Quyết định số 655-QĐ/TU ngày 30/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Ninh Bình về thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*, Ninh Bình.

68. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2022), *Quyết định số 688-QĐ/TU ngày 18/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Ninh Bình về kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*, Ninh Bình.
69. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2023), *Báo cáo số 389-BC/TU ngày 16/10/2023 sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025*, Ninh Bình.
70. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2023), *Chi thị số 17-CT/TU ngày 17/4/2023 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2023 và các năm tiếp theo*, Ninh Bình.
71. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2023), *Chương trình hành động số 19-CTrTU ngày 30/6/2023 Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhà nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Ninh Bình.
72. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2023), *Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Ninh Bình.
73. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2023), *Thông báo số 1248-TB/TU ngày 16/10/2023 Thông báo Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025*, Ninh Bình.
74. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2025), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030*.
75. Nguyễn Phú Trọng (2021), *Toàn Đảng, toàn dân chung sức, đồng lòng xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

76. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Kiên quyết, kiên trì, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
77. Nguyễn Phú Trọng, Tô Huy Rúa và Trần Khắc Việt (2024), *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới (Xuất bản lần thứ hai, có chỉnh sửa)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
78. Cù Văn Trung (2021), *Năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, mã số 9310201, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
79. Bùi Quang Tuyến (2022), *Phát triển năng lực - Kiến tạo tương lai: Đào tạo và học tập trong doanh nghiệp thời chuyển đổi số*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
80. Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình (2023), *Báo cáo số 141/BC-UBND ngày 09/8/ 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình về công tác phòng chống tham nhũng*, Ninh Bình.
81. Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình (2023), *Báo cáo số 240/BC-UBND ngày 15/11/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024, nhiệm vụ năm 2025*, Ninh Bình.
82. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (2023), *Báo cáo số 356/BC- UBND tỉnh Ninh Bình ngày 08/12/2023 về công tác phòng, chống tham nhũng tiêu cực năm 2023*, Ninh Bình.
83. Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình (2024), *Báo cáo 222/BC-UBND ngày 31/10/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình về sơ kết 05 thực hiện Luật phòng chống tham nhũng*, Ninh Bình.
84. Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình (2024), *Báo cáo 227/BC-UBND ngày 12/01/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình về sơ kết việc thực hiện Chương trình số 06-CTr/TU, ngày 31/5/2021 của Ban chấp hành Đảng*

bộ tình về công tác phòng chống tham nhũng nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ninh Bình.

85. Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình (2024), *Báo cáo số 222/BC- UBND ngày 31/10/2024 báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng Ninh Bình.*
86. Viện Chiến lược Chuyển đổi số (2023), *Thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số quốc gia*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
87. Viện Nghiên cứu Xây dựng Đảng và Ban Tổ chức Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (2018), *Đảng Cộng sản Trung Quốc 5 năm quản trị Đảng nghiêm minh toàn diện (Thành tựu và kinh nghiệm trong công tác tổ chức và xây dựng Đảng từ sau Đại hội XVIII)*, Nxb Xây dựng Đảng, Trung Quốc.
88. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.
89. Nguyễn Minh Tuấn - Trần Khắc Việt (2018), *350 Thuật ngữ xây dựng Đảng*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
90. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

PHỤ LỤC**Phụ lục 1****DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CHUYỂN ĐỔI SỐ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH TỪ NĂM 2020 ĐẾN NAY**

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
1	1049/STTTT-CNTT	03/08/2020	Sở TTTT Ninh Bình	Đề xuất nhiệm vụ triển khai Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
2	1630/QĐ-UBND	30/12/2020	UBND tỉnh Ninh Bình	Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình
3	35/STTTT-CNTT	15/01/2021	Sở TTTT Ninh Bình	Lựa chọn, đề xuất đơn vị cấp xã để triển khai thực hiện chuyển đổi số
4	3/BC-STTTT	19/01/2021	Sở TTTT Ninh Bình	Báo cáo tình hình triển khai Quyết định số 749/QĐ-TTg về Chương trình chuyển đổi số quốc gia
5	103/QĐ-UBND	26/01/2021	UBND tỉnh Ninh Bình	Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số huyện Hoa Lư
6	12/QĐ-BCĐ	02/02/2021	Ban Chỉ đạo tỉnh Ninh Bình	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số tỉnh
7	117/STTTT-CNTT	05/02/2021	Sở TTTT Ninh Bình	Rà soát, kiện toàn thành viên Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số
8	01/NQ-TU	20/04/2021	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Nghị quyết về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
9	138/KH-UBND	27/08/2021	UBND tỉnh Ninh Bình	Triển khai Đề án đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, gắn với chuyển đổi số

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
10	141/KH-UBND	30/08/2021	UBND tỉnh Ninh Bình	Triển khai Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
11	148/KH-UBND	23/09/2021	UBND tỉnh Ninh Bình	Tuyên truyền xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
12	31/UBND-PVHCC	30/12/2021	UBND tỉnh Ninh Bình	Nghiên cứu, đề xuất các bài toán lớn cần giải quyết để thực hiện chuyển đổi số
13	327/QĐ-BCĐ	31/12/2021	Ban Chỉ đạo tỉnh Ninh Bình	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình
14	03/KL-UBND	13/01/2022	UBND tỉnh Ninh Bình	Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị đánh giá kết quả xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số năm 2021
15	33/KH-UBND	22/02/2022	UBND tỉnh Ninh Bình	Phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Ninh Bình năm 2022
16	36/KH-UBND	23/02/2022	UBND tỉnh Ninh Bình	Tổ chức Hội nghị công bố Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) năm 2021
17	15/UBND-PVHCC	25/02/2022	UBND tỉnh Ninh Bình	Triển khai Chương trình phát triển nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số
18	49/KH-UBND	14/03/2022	UBND tỉnh Ninh Bình	Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030
19	106/KH-BCĐ	24/05/2022	Ban Chỉ đạo tỉnh Ninh Bình	Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình năm 2022
20	733/QĐ-UBND	15/08/2022	UBND tỉnh Ninh Bình	Phê duyệt Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
21	164/KH-UBND	03/10/2022	UBND tỉnh Ninh Bình	Triển khai thực hiện mô hình Chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh (phiên bản 1.0)
22	171/KH-UBND	20/10/2022	UBND tỉnh Ninh Bình	Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
23	09/KH-UBND	09/02/2023	UBND tỉnh Ninh Bình	Phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tại Văn phòng UBND tỉnh năm 2023
24	446/UBND-VP6	22/06/2023	UBND tỉnh Ninh Bình	Đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ về phát triển kinh tế số, xã hội số
25	89/BC-BCĐ	23/06/2023	Ban Chỉ đạo tỉnh Ninh Bình	Báo cáo kết quả triển khai phát triển chính quyền số, chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin mạng 6 tháng đầu năm 2023
26	69/KH-TCT	28/06/2023	Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	Kiểm tra giám sát công tác cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử
27	465/UBND-VP6	28/06/2023	UBND tỉnh Ninh Bình	Triển khai ICT phát triển đô thị thông minh và Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC)
28	128/KH-UBND	18/08/2023	UBND tỉnh Ninh Bình	Tổ chức Ngày chuyển đổi số quốc gia 2023
29	619/UBND-VP6	18/08/2023	UBND tỉnh Ninh Bình	Đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, Đề án 06
30	141/TB-VPUBND	31/08/2023	UBND tỉnh Ninh Bình	Kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh tại Hội nghị đánh giá, phân tích kết quả DTI tỉnh Ninh Bình năm 2022
31	30/KH-UBND	07/02/2024	UBND tỉnh Ninh Bình	Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 tỉnh Ninh Bình
32	506/QĐ-UBND	18/07/2024	UBND tỉnh Ninh Bình	Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước tỉnh Ninh Bình năm 2023

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
33	101/BC-BCĐ	23/07/2024	Ban Chỉ đạo tỉnh Ninh Bình	Báo cáo tình hình, kết quả công tác chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2024
34	149/KH-UBND	05/08/2024	UBND tỉnh Ninh Bình	Kế hoạch Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
35	860/UBND-VP4	15/08/2024	UBND tỉnh Ninh Bình	Tăng cường hiệu quả quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số
36	859/UBND-VP4	15/08/2024	UBND tỉnh Ninh Bình	Báo cáo tình hình triển khai hoạt động chuyển đổi số tại các khu công nghiệp
37	955/QĐ-UBND	30/12/2024	UBND tỉnh Ninh Bình	Ban hành Kiến trúc chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh Ninh Bình, phiên bản 3.0
38	04/BC-BCĐ	10/01/2025	Ban Chỉ đạo tỉnh Ninh Bình	Báo cáo kết quả công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025
39	134/UBND-VP5	18/02/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Đẩy mạnh thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội không dùng tiền mặt
40	09/UBND-PVHCC	31/03/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Kết nối, chia sẻ dữ liệu và triển khai một số nhiệm vụ của Đề án 06 trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp
41	10/UBND-PVHCC	31/03/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Triển khai Chỉ thị 07/CT-TTg về triển khai Đề án 06 tại địa phương 2025
42	332/UBND-VP6	10/04/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Hướng dẫn triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số
43	338/UBND-VP5	10/04/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Chuyển đổi dữ liệu đăng ký hộ kinh doanh

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
44	02/UBND-TT2	21/04/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Tiếp tục đẩy mạnh triển khai ứng dụng Hệ thống giám sát điều hành thông minh (IOC)
45	11/UBND-VP10	21/04/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Chỉ đạo tổ chức thực hiện sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo
46	416/UBND-VP5	26/04/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Tăng cường thực hiện chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt đến đối tượng người có công với cách mạng
47	426/UBND-VP6	26/04/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Rà soát, cập nhật và phối hợp kết nối Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng với HTTT giải quyết TTHC
48	644/UBND-VP4	28/04/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Triển khai gắn thẻ đầu cuối trên phương tiện thuộc đối tượng miễn thu phí phục vụ thanh toán điện tử giao thông đường bộ
49	404/QĐ-UBND	07/05/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Kiện toàn Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Ninh Bình
50	456/UBND-VP5	08/05/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Triển khai Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị với doanh nghiệp nhà nước về tiên phong trong chuyển đổi số
51	113/KH-UBND	13/05/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
52	491/UBND-VP6	13/05/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Đăng ký dự án đầu tư công, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
53	344/UBND-VP7	26/05/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Đẩy mạnh thực hiện việc số hóa tài liệu lưu trữ và tăng cường công tác văn thư, lưu trữ

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
54	531/UBND-VP6	26/05/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Sử dụng Hệ thống giám sát, đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết 71/NQ-CP của Chính phủ
55	534/UBND-VP6	26/05/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Triển khai Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (Phiên bản 1.0)
56	491/QĐ-UBND	28/05/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Mở các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng số, phục vụ chuyển đổi số năm 2025
57	547/UBND-VP6	28/05/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Bổ sung nhiệm vụ vào Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025
58	396/UBND-VP7	05/06/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “một cửa số” tập trung, duy nhất quốc gia
59	588/UBND-VP6	05/06/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Tổ chức triển khai Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh
60	413/UBND-VP7	10/06/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Khẩn trương hoàn thành tích hợp dịch vụ công trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công quốc gia
61	434/UBND-VP7	12/06/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh
62	19/UBND-PVHCC	16/06/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Sử dụng tài khoản định danh cơ quan, tổ chức thực hiện dịch vụ công đăng ký con dấu từ ngày 01/7/2025
63	101/TB-VPUBND	23/06/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Kết luận Hội nghị triển khai Chương trình vận hành thử nghiệm chính quyền số địa phương 2 cấp tỉnh Ninh Bình
64	1070/UBND-VP4	28/06/2025	UBND tỉnh Ninh Bình	Hướng dẫn việc phê duyệt đầu tư dự án, nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số vừa và nhỏ

Nguồn: Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Bình, chuyên mục chuyển đổi số, <https://ninhbinh.gov.vn/>

Phụ lục 2
KẾT QUẢ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH ĐẾN 30/6/2024

TT	Nội dung	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2024	So sánh
1.	Tổng số DVCTT	2026	2026	
2.	Tổng số DVCTT toàn trình	1185	1185	
3.	Tổng số hồ sơ tiếp nhận	190.889	231.050	+ 40.161 HS
4.	Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến	127.746	153.707	+ 25.961 HS
5.	Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	66,9%	66,5%	- 0,4%
6.	Tỷ lệ trả kết quả theo hình thức trực tuyến	71,12%	79,26%	+ 7%
7.	Tổng số HS phát sinh của DVCTT toàn trình	115.559	90.301	- 25.258
9.	Tỷ lệ HS giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn trình	86,6%	83,8%	- 2,8%
10.	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến	69%	76%	+ 7%
11.	Tỷ lệ đồng bộ HS lên Cổng DVC quốc gia	81,8%	82,7%	+ 0,9%

Nguồn: Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình (2024), Báo cáo số 101/BC-BCĐ ngày 23/7/2024 về Tình hình, kết quả công tác chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình